

Ho
Piee
Indoch
80

Luova
xuan nhin



DEPT LEGAL
INDOCHINE
Nº 28808

Ho Indoch
Piee 80

TẾT QUÝ MÙI
xuân

Lời mời

NGUYEN THUY TRI

IMPORT **Tri-Nhân** EXPORT

5, RUE DU SUCRE — HANOI

Téléphone : 1657

MÉTAUX



Cung chúc tân niên

EXCLUSIVITÉS :

NƯỚC MẮM NGỰ

BỒ HUYẾT ĐƯỢC TỬU

CUNG CHÚC TÂN NIÊN

CÁC BẠN

Muốn có

{ Những đồ thường dùng hàng ngày đẹp mà bền.
{ Những đồ trang sức sang mà rẻ.

NÊN TỚI THĂM GIAN HÀNG

HỮU-HƯNG THƯƠNG-ĐIỂM

SỐ NHÀ 56 PHỐ HÀNG GAI — HANOI
CÁC BẠN SẼ ĐƯỢC HOÀN-TOÀN VỪA Ý.

Hàng nghìn cô dâu ở Hanoi đều may quần
áo cưới ở Tô-Mỹ, và đã công nhận
là may ở Tô-Mỹ rất được vừa ý.

Tô - Mỹ

Chuyên may y phục phụ nữ, manteaux, pyjamas
102 góc phố hàng Bát xứ và hàng Phèn

hanoi

Các Bà, các Cô muốn tặng vẻ lịch-
sự đề thưởng xuân nên
đi giày của hiệu :

Quế-Lâm

N° 6, Rue de la Laque (Phố Chả Cá) — Hanoi

Có đủ các kiểu giày, rất đẹp và bền.
Mùa rét có các kiểu giày cườm, mùa nực
có rất nhiều kiểu sandales rất đẹp.

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N^o 28808

Pháo nổ rầy què thành, trời mới, đời mới,
mừng nước Việt-Nam nguồn mở mới,
Hoa cười tung xóm phố, đất tươi, hương tươi,
chúc nôi Hồng-Lạc gốc vun tươi.
H.V.S.



XUÂN ĐỜI MỚI NĂM QUÝ MÙI



1943

BAO GIỜ' XUÂN ẤY VỀ VỚI NHÂN-LOẠI ?

Từ Kim-tự-tháp Ai-Cập đến cụ Trạng Trình

Những hoa đào đỏ ối và những hoa thủy-tiên trắng tuyết, một lần nữa lại báo cảnh xuân về !

Xuân về, xuân vẫn tung bừng, trong trẻo, đầm ấm như xưa, vẫn đem cái đầm ấm ấp ủ những mảnh lòng giá lạnh, vẫn tung hạt mưa man-mác quyến sạch bụi trần.

Nhưng xuân ấy, mỗi năm một lần, ta đã hằng quen dan-diu.

Còn một cái xuân nữa, một cái xuân mà cả nhân-loại khắc-khoải mong chờ, dầu chẳng phải là tao nhân mặc khách, dầu màu da, trắng, đỏ, đen vàng, phải, cái xuân ấy bao giờ mới trở lại ?

Bấm đốt tay, ta rùng mình khi

thấy cảnh đông dầm địa máu và nước mắt, rít lên những tiếng gầm thét khóc than, thấm-thoát đã bao trùm thế giới tới 40 tháng !

Bốn mươi tháng ! Thế mà tới nay, 2000 triệu người trên thế-giới ngày ngày dầm dẫm trông ngấm, nhưng nào đâu một ánh xuân quang báo hiệu cảnh đông vô cùng sâu-thẳm đó sắp đến lúc tàn ?

Phải, ta muốn hỏi trước cục-diện chiến-tranh ngày nay, bao giờ tấn kịch máu này mới hạ màn, và cảnh thái-bình mới khôi phục ? Một bên dựa vào những trận thắng đã cướp được, một bên tin ở lực-lượng mình sẽ tăng gấp bội sau này, trước tình-thế

đó, người ta không mong mỗi gì hai phái địch sắp gác súng nửa vời. Hai bên đều nhất định theo đuổi cuộc đăm chém đến triệt để, chỉ quyết được thua trên bãi chiến-trường.

Một điều làm cho ta thất-vọng nữa là cả hai bên đều quả-quyết rằng cuộc chiến-tranh sẽ còn lâu, còn lâu lắm, có khi đến 10 năm nữa.

Nhưng có thật thế chẳng ?

Cuộc chiến-tranh còn lâu mới kết-liệu, cái đó đã hẳn, nhưng ta không tin nó sẽ kéo dài đến thế.

Tại sao ?

Trước hết, vì cuộc chiến tranh hiện-thời quá tàn khốc, các dân

tộc không thể cứ cung-cấp mãi trong khoảng 10 năm nữa nhân mạng và nguyên-liệu vào cái miệng quá tham lam của nó. Ta không thể cãi lại rằng: « Thế cuộc chiến tranh Pháp-Anh trước đây lâu tới một trăm năm thì sao? Ở nước ta, thời Nam-Bắc tranh hùng lâu tới gần 200 năm, kể từ khi chúa Trịnh, chúa Nguyễn đánh nhau đến vua Gia-long nhất thống thì sao? Lại còn biết bao nhiêu cuộc chiến tranh lâu hàng vài ba chục năm trở lên nữa? »

Không thể cãi được như thế, là vì những cuộc chiến-tranh đó chỉ có tính cách địa-phương, chứ không có tính-cách thế-giới, chỉ tốn hao chừng vài chục vạn quân là nhiều, chứ không hề giết hại mỗi năm hàng chục triệu, chỉ có hại cho những đời nhỏ hẹp liên với bãi sa-trường, chứ không có ảnh-hưởng khốc-hại thẳng ngay vào nền kinh-tế và sinh-mệnh của bách-tính tận thâm-sơn cùng cốc.

Với cuộc chiến tranh hiện thời, rồi đây sẽ đến lúc nếu thần-hoặc hai bên bất phân thắng phụ trên bãi chiến-trường, các nhà cầm quyền cũng phải nghĩ tới phương pháp giảng-hòa để giải-quyết tình-thế.

Vậy thì bao giờ « xuân hòa-bình » mới trở về với nhân-loại?

Tôi không dám đặt hy-vọng vào năm 1943, vì xem ra năm đó chính là năm có lẽ cuộc thế-giới chiến-tranh vào thời-kỳ khốc liệt nhất.

. . . Hai bên sẽ huy-động hết lực-lượng để tranh đấu, nhưng thắng hay bại, việc đó không thể định ngay được trong năm ấy. Tuy nhiên, 1943 cũng có thể đem cho ta những tài-liệu khá chắc chắn để nhìn thấy cán cân chiến-tranh nghiêng hẳn về bên nào.

Viết đến đây, tôi chợt nhớ tới bốn câu sấm của cụ Trạng Trình

Nguyễn-bình-Khiêm mà người ta đã gán vào cuộc chiến-tranh này: *Long-vĩ xà đầu khở chiến-tranh, Can-qua xừ xừ khởi đao binh. Mã-đề dương-cước anh hùng tận, Thân giậu niên-lai kiến thái-bình.*

Hai câu trên sai một chút, vì thật ra chiến-tranh không phải khởi đầu từ năm thìn (1940) rồi tràn qua năm ty (1941), mà là từ năm 1939 (mão). Tuy vậy, ta cũng nên nhớ rằng sang đến năm thìn, cuộc chiến-tranh mới bắt đầu thật ác-liệt và mới bắt đầu đảo-lộn hoàn-cầu (năm thìn, khói lửa mới lan sang Đan-Mạch, Na-Uy. Hi-lạp, Nam-tur-lạp-phụ, và năm ty, Nga và Nhật mới nhảy lên võ-dài quốc-tế).

Câu thứ ba thật là đúng, vì cuộc chiến-tranh vào giai đoạn khốc-liệt nhất (1942-1943). Còn câu thứ tư chỉ vào hai năm 1944 (thân) và giậu (1945), phỏng đoán trên kia.

Nhưng chẳng phải cụ Trạng-Trình nhà ta mới tiên-tri như thế. Từ 5848 năm về trước, các nhà tiên-tri Ai-Cập, khi xây Kim-tự-tháp « Chéops » trên bờ sông Nil đã có « bầm » thế rồi.

Kim - tự - Tháp « Chéops » là chiếc lớn nhất đối với các chiếc



khác ở Ai-Cập. Các nhà bác-học Âu-Mỹ đã gia tâm nghiên-cứu,ngạc-nhiên thấy kim-tự-tháp này, m o t c ô n g - tr ì n h kiến-trúc vĩ-dại thời cổ, không phải chỉ là một cái mồ của một vị Đế-vương mà còn là cái kho-tàng chứa biết bao nhiêu những sự thông hiên kỳ-lạ của cồ-nhân. Cửa chính của nó hướng đúng về phương bắc. Bóng tỏa

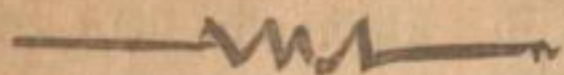
xuống đất theo mặt trời, đã có ghi sẵn từng chỗ, hiến cho người ta một cuốn lịch rất rõ-ràng về ngày tháng. Phương-hướng nó đúng theo kinh-tuyến của trái đất. Đem chia chu-vi dưới chân (931 thước 22) với bề cao nhân gấp đôi (148 thước 208 x 2), người ta thấy con số 3.14.16, nghĩa là con số mà các nhà toán-học gọi là « Pi » dùng để nhân với đường kính các hình tròn khi muốn tìm chu-vi hình tròn đó. Còn một sự lạ nữa là khi xây kim-tự-tháp, người Ai - cập tính bằng thước riêng dài 0m6366, nghĩa là 1 phần 10 triệu đường bán-kính trái đất tính từ trung-tâm đến Bắc hay Nam-cực. Xét ra thì cái thước đó còn đúng hơn cái thước của Pháp tính theo đường kinh-tuyến lớn nhất của trái đất, vì các đường này không dài đều nhau.

Nếu ta lại đem nhân chiều cao của kim-tự-tháp với con số một triệu, ta sẽ tìm thấy 148.208.000 cây số, nghĩa là gần đúng khoảng cách trái đất và mặt trời :

Tuy-nhiên, bấy nhiêu sự lạ cũng chưa hẳn là lạ. Còn nhiều cái lạ và bí-mật nữa, theo các nhà khảo-cứu, và chúng tôi xin nói trước rằng những bí-mật đó đã phơi ra ánh sáng từ năm 1936 trở về trước, chứ không phải thấy những cuộc biến-thiên xảy ra từ mấy năm nay bây giờ mới vin lấy mà nói (cuốn « *Le Secret de la Grande Pyramide* », tác-giả là nhà bác-học Georges Barbarin, do nhà Adyar ở Pháp xuất-bản từ 1936).

Những sự lạ nói trên, theo ông Barbarin và các nhà khảo-cứu đã giúp ông thêm tài-liệu, chỉ cốt để người ta phải cố tế-nhận từng cái tơ cái tóc trong cái công-trình kiến-trúc vĩ-dại đó của những nhà kỹ-hà và thiên-văn tự mấy nghìn xưa. Người ta cho rằng không một cái gì xếp đặt trong kim-tự-tháp là không có ý nghĩa bí mật. Những ý-nghĩa

Tha phượng u hỏ Tể



Pháo gần xa đồn-dập khói mờ sương
Pháo rung thêm đèn nền tỏa trăm hương
Mừng đón xuân một trời vang dậy pháo
Đêm giao-thừa lặn-dặn kẻ tha phượng.

Cây sai lộc vin cành lá chiu sương
Đền chùa khuya chen - chúc khách dâng hương
Bao khấn-nguyện cùng Xuân xuân sắc lại
Đêm giao-thừa lặn-dặn kẻ tha phượng.

Đón Hỷ-thần đường khuya cỏ dăm sương
Dò thủy-tiên mừng bói thoảng đưa hương
Bút khai xuân nét tươi dòng chữ thắm
Đêm giao-thừa lặn-dặn kẻ tha phượng.

Nêu ngất-ngưỡng cau già hừng lệ sương
Chén mừng xuân trà sớm ngát-ngào hương
Tuổi trời thêm trẻ vang nhà xúc-xê
Đêm giao-thừa lặn-dặn kẻ tha phượng.

Kẻ tha phượng chìm mình trong gió sương
Nào-nùng nghe pháo dậy trời cỏ hương
Nơi cỏ hương cùng xuân bao đầm-ấm
Bao lạnh-lùng kẻ đẩy mình tha phượng !

Thao Thao

đó không phải do cái luật giữ thẳng bằng, mỹ-thuật, hay cái ý muốn làm nhiều đường ngang ngõ dọc chỉ chít trong ruột tháp đá không lồ để đánh lừa những tay chích cược thường hay săn tìm báu vật trong các lăng tẩm đế-vương. Người ta đã biết từ xưa đến nay ở Ai-cập, khoa-học không phân biệt với đạo-giáo, và các kỹ - thuật cũng chỉ cốt để cung-phụng đạo-giáo, cho nên các nhà khảo cổ đều cho là phải xét từng ly từng tý các bộ-phận kim-tự-tháp, để tìm những câu sấm truyền, những lời tiên-tri của các đạo-sĩ ngày xưa, để dò xem các viên đá kia «nói» những gì.

Đến đây, chắc có độc-giả trách ông Barbarin quá mê tin, các nhà khảo-cứu đồng nghiệp với ông quá mê tin, và đến kẻ này nhắc nhở lại công cuộc tìm-tòi của các ông ấy cũng lại quá mê-tin nốt. Hãy khoan ! xin các ông ấy chớ vội kết án như vậy. Các nhà bác [học Thái-lây ngày nay đã chịu rằng cồ-nhân đã từng rõ những khoa học rất nhiệm-màu, đem lý trí khó cắt - nghĩa, mà ngày nay hoặc là đã biến mất, hoặc là chỉ còn vài ánh sáng lơ mờ. Hiện dưới mắt tôi, có cuốn « Tam-tams » do nhà Payot ở Paris xuất-bản, tác giả là thiều tả Ý Attilio Gatti, nhân-viên viện Địa-dư và viện Nhân-chủng-học Ý, có ghi nhiên truyện thần-kỳ mà ông đã « sống » qua khi ông đứng đầu một phái-bộ thám-hiềm châu Phi. Tay bác học ấy không thể bịa một truyện hoang đường, vì ông nhân danh một cường quốc đi thám-hiềm ; vả lại ông nguyên toàn-quyền Bỉ xứ Congo là Ch. Voisin, đề tựa, nhận rằng tác-giả một trăm phần trăm thành-thực. Thế thì truyện mộc-nhân mộc-mã mà Gia-Cát Vũ-hầu đánh Tummã-Ý, rồi cả đến những truyện chiến đấu bằng pháp-thuật kể trong « Phong thần », ta chưa dám nói quyết toàn là truyện bịa đặt.

Nhưng đó là một vấn-đề khác. Ta hãy trở về với cái tháp đá « Chéops » của ta. Cũng như các khoa toán-số của Tàu, các nhà thần-bí-học Ai-cập trước đây cho là muôn việc đều theo lẽ tuần hoàn mà diễn đi diễn lại. Họ lại còn theo một nguyên-tắc nữa : « Tất cả cái gì cũng đều thuộc về một khối lớn gồm tất cả », nghĩa là suy việc nhỏ ra việc lớn, suy những biến-trạng của cá-nhân ra những biến-trạng của thế-giới và vũ-trụ. Các nhà khảo-cứu thấy rằng do từ nguyên-tắc đó, hình như các nhà tiên-tri cổ Ai-cập đã đoán trước những giai-đoạn của lịch-sử nhân-loại cho đến lúc thế-giới tận cùng.

Bởi vậy, các nhà khảo-cứu ấy cố tìm - tòi ở cách bố-trí bên trong Kim-tự-Tháp « Chéops » những dấu hiệu chỉ dẫn những việc biến - động lớn trên hoàn cầu đã xảy ra từ khi xây nó đến nay và sẽ xảy ra sau này nữa. Cuốn sách của ông Barbarin chính là cuốn thần-ngữ của các tấm đá trong tháp « Chéops ».

Trong tháp, không có hình vẽ bí mật nào hết, chỉ là những buồng nối nhau bằng những lối đi ngầm. Từ cửa chính vào, ta thấy phòng « Sự thật trong bóng tối » dẫn đến phòng « Tinh-thần khôi phục ». Theo một lối đi dốc ngược lên trên, thì đến phòng « Sự thật dưới ánh sáng ». Phòng này lại có hai đường đi dốc xuống, biểu hiệu sự « Hồn-dộn » và sự « Tũi-nhục », do một cái phòng nhỏ và cao ngăn-cách, gọi là phòng « Ba màn



— Anh làm gì thế ?
— Tôi đang « xoay » để kiếm tiền liêu lết.

che ». Sau hết là đến phòng đề thi-hải của vua rất rộng, gọi là phòng « Kết nghị ».

Các nhà khảo-cứu cho các phòng đó là hình-tượng của nhân loại từ lúc sơ-khai đến lúc bị tiêu-diệt. Trong các đường hầm, cứ gặp một dấu-hiệu gì lạ (hoặc là những góc tường, hoặc là những hình trạm trổ khác thường, hay là những chỗ tận cùng của các phòng, các lối đi), tức là một định-kỳ đáng ghi trong lịch-sử nhân-loại. Mỗi một tắc (tắc Ai-cập) là một năm. Cứ đo chỗ cách hai dấu hiệu khác thường nói trên kia là biết các việc biến-động lớn xảy ra vào năm nào.

Với những cách tính rất tỷ mỉ mà các nhà bác học Davidson, Habermann, Wynnes, v. v... khô-tâm nghiên-cứu, thì thấy định kỳ thứ nhất, lại là năm xây Kim-tự-tháp, cách đây 5848 năm. Chỗ lối đi vào gặp một đường đi chệch xuống phía dưới là năm thứ 2513 của tháp (năm 1486 trước Da-tô giáng-sinh), tức là đúng năm dân Do-Thái phải tàn-mát đi tha-phương cầu-thực trên thế-giới. Chúa Da-tô không phải sinh năm thứ nhất theo lối tính dương lịch bây giờ, mà là bốn năm trước theo Thần tháp. Chính mặt đất trong phòng

« Tinh-thần khôi phục » dạy thế. Thêm phòng ấy lại ghi ngày chúa Da-tô thăng thiên-đường là ngày 7 Avril 30.

Chúng ta hãy tiến gấp về thời kỳ cận-kim. Bức trần của lối đi chính bỗng nghiêng xuống vào năm 1844. Đó là năm mà những đoàn xe hỏa đầu tiên ra đời, báo hiệu buổi sơ sinh của thời kỳ máy móc, và bản ngã loài người bắt đầu suy-nhuộc. Những đại-họa, do thời vật-lý và hóa-học gây nên biến-hiệu bởi lối đi chệch xuống thứ nhất. Người ta rất lấy làm lạ khi thấy đầu vào của lối đi ấy chỉ ngày 4-5 Aout 1914, ngày bắt đầu cuộc thế-giới chiến-tranh trước, và đầu ra vào ngày 10-11 Novembre 1918, ngày bãi-chiến.

Lối đi chệch xuống thứ hai bắt đầu vào ngày 29 Mai 1928. Đó là ngày cuộc kinh-tế khủng-hoảng cũng bắt đầu làm khốn đốn hoàn-cầu. Giữa khoảng hai lối đi đó là « Phòng ba màn che », nhân-loại yên hưởng thái bình. Từ năm 1936, ông Barbarin còn chỉ mấy định-kỳ nữa : 1936, Aout 1938, Novembre 1939, Mars 1945, Eévrier 1946, Aout 1953, rồi quăng Juillet - Décembre 1992.

Vậy ta đã thấy gì trong năm 1936 ?

Năm đó tức là năm Hitler xé tan hiệp-ước Locarno, kéo quân vào miền Rhénanie, tăng hạn tòng quân từ một lên hai năm.

Năm đó cũng là năm tại hội nghị Nuremberg (13 Septembre), nhà độc tài áo nâu tuyên bố với hoàn-cầu và quốc-dân Đức : « Sau 4 năm cầm quyền, tôi đã rửa sạch cái quốc-sĩ (chỉ hòa ước Versailles) cho Đức », rồi chỉ tay sang phương đông hăm dọa Nga-Sô-Việt.

Năm đó cũng là năm phái Bình-dân Pháp lên cầm quyền chính, năm xảy ra cuộc nội loạn ở Tây-ban-nha, làm nước đó thành bãi chiến-trường ngăm

của Anh, Pháp, Nga, Đức, Ý, và Âu-châu cũng chia rõ rệt thành hai phái kinh địch từ đó.

Còn Aout 1938 ? Chính là lúc tình hình Đức-Tiếp gay-go khiến cho toàn thể Âu-châu và hoàn cầu sốt rét. Cuộc gay-go đó suýt làm cho cuộc chiến-tranh này xảy ra sớm hơn một năm, và đã giải-quyết tạm bằng hiệp ước bốn cường-quốc ở Munich vào trung-tuần Septembre năm ấy.

Tới Novembre 1939 ? Về tháng thì không đúng, vì cuộc chiến tranh hiện thời bắt đầu từ cuối Aout giữa Đức và Ba-Lan rồi đến đầu Septembre thì cả Anh lẫn Pháp đều vào vòng chiến. Có lẽ các nhà khảo-cứu đã đo và tính sai chút đỉnh chăng ? Dầu sao, chỉ một con số 1939 cũng đủ làm ta kinh-ngạc rồi.

Mars 1945, hoàn cầu sẽ xảy ra việc gì lớn tới định kỳ ấy ? Phải chăng chỉ có hòa bình sẽ trở lại, và kết liễu cuộc binh lửa tàn khốc ngày nay ? Hay là còn phải chờ đến Février 1946 ?

Nhưng tới lúc đó, có hòa-bình chăng cũng chỉ là một cuộc hòa-bình khắp khiêng, vì theo ông Barbarin phải từ 1992 mới bắt đầu một thời-kỳ an-cư lạc-nghịệp và đầy hạnh-phúc cho hết thảy nhân-loại lâu tới một nghìn năm. Có thật thế chăng ? Ta hãy mong cho con cháu ta được cái điềm-phúc đó.

TAM-THANH



NỀN văn-học của ta trong năm vừa qua thật đã có nhiều phần khởi sắc, bất cứ về phương-diện nào, dù chúng ta đã ở vào trong một tình-thế khó-khăn do tình-hình quốc-tế xui nên. Giữa lúc khắp mặt trái đất tiếng súng nổ ran, người ta lo đến vấn-đề cơm áo cho tạm đủ còn khó-khăn hết sức, thì ở đây vẫn sống trong cảnh yên-ôn. Các văn-phẩm — món ăn cho tinh-thần — lại sản-xuất nhiều hơn bao giờ hết. Ấu cũng là một điều đáng mừng.

Nhưng ta thử xem tư-tưởng văn-học năm qua tiến như thế nào?

Định-lệ thông-thường từ trước, sự sinh tồn cạnh-tranh gây nên thời-thế; thời-thế tạo nên tư-tưởng, tư-tưởng vạch lối cho văn-học. Những nhà văn có một chủ-trương nhất định, can-đảm và có một tin-tưởng theo đuổi kỳ cùng một lý-tưởng, học-thuyết ấy hoán-cải lại xã-hội cùng thời-thế, những nhà văn đó ta phải nói là hiếm, nếu không muốn nói là không có. Còn thì, than ôi! đều là những nhà văn xu thời cả, cho sự đi ngược-trào-lưu là một điều đại-dột. Đó không phải là lỗi ở nhà văn, mà chỉ là một sự bắt-buộc của sinh-hoạt. Bởi vậy văn-chương chỉ là phản-ảnh của dân trí. Đọc văn có thể hiểu được dân-trí một thời-đại, tức là những tư-tưởng mà thời-thế đã tạo nên vậy. Cho nên nói về văn chương trong năm qua, chỉ bằng hãy nhận lấy những trào-lưu tư-tưởng, nó, sự thực mới là nguyên động-lực của những nhà văn, nhà báo. Trong năm vừa qua, tư-tưởng ta đã mấy lần thay đổi, khỏi phải nói là do thời-thế.

Những tư-tưởng của ta, không thể chối cãi được là không chịu ảnh-hưởng tư tưởng của văn-chương Pháp. Ở Pháp, chủ nghĩa cá nhân là chủ nghĩa chỉ nghĩ đến cái tôi; một khi nó vào đất này, nó thành ra chủ nghĩa khoái-lạc. Ai cũng có mộng ô-tô, nhà lầu. Cho nên giữa lúc ấy, lối văn được người ta ưa chuộng nhất là lối văn phủ phàm và phá-hoại. Chạy theo trào-lưu tư-tưởng đó, một số nhà văn đã để ra những văn-phẩm trong đó, nếu không phân tinh tỉ mỉ về cái tôi phức tạp và uyên chuyên, dễ bị cảm dỗ, sa đọa, bị lung lạc bằng nhiều ý nghĩ can dỡ, được mà bằng những tên rất kêu, rất đẹp. Chịu ảnh-hưởng ở những sách ấy,



Ngó qua một năm văn-học

lớp thanh-niên nam-nữ nhón lên, tìm còn trong sạch, chốc lát thành một lớp người hư-hồng, lớp này ăn chơi, đùa nghịch, đem phong-hóa đưa xuống gót giày mà dẫm. Lịch-sử ta, thanh-niên chưa có bao giờ hư hồng đến thế.

Hơn nửa thế kỷ, nước Pháp và nơi viễn-phương này dang-buộc nhau bởi bao nhiêu giây liên-lạc kinh-tế, chính-trị; tư-tưởng và văn hóa. Bởi vậy tình thế nước Pháp lâm vào cảnh như bây giờ rất có ảnh-hưởng tới ta, tuy gián tiếp, song cũng còn mạnh-mẽ, đủ khiến cho cho ta phải thay đổi tinh-thần, tư-tưởng.

Lối văn phóng đãng đã đi đến độ chết. Những sách xuất-bản, người ta thấy luận điệu đã bớt kêu gọi, chữ dùng bớt sống, sượng, dụng ý cũng bớt táo-tợn.

Nhưng người ta không thể hoang-mang như thế mãi. Người ta đã hiểu rõ căn-bệnh, và đã nhìn thấy sự thật, trở nên bình-tĩnh, sáng-suốt, song không phải không dè-dặt. Lúc ấy những cái «chân», «thiện», «mỹ» dễ nhập vào trí người ta nhất. Rồi cái sinh-tồn bản-năng thúc-dục người ta phán-đoán, suy-xét.

Những đức-tính cổ hữu đã lôi dấy cho người ta cái tinh-thần di-truyền đã rèn luyện hàng bao nhiêu thế-kỷ. Bây giờ người ta mới nhận thấy cái cao-quý của gia-đình, của đất nước mà trong một lúc người ta vì vui thú với những cảm-giác mới lạ, đã quên lãng đi được. Phong-trào sự chủ-trương «quay về với gia-đình» nổi lên như một cơn gió lốc lôi cuốn cả những người cổ đứng lại. Người ta đã nhớ lại gốc.

Những lời hiệu-triệu của Thống-chế Quốc-trưởng được người ta suy nghĩ một cách chu-đáo. Chế-độ của nước Pháp hiện-thời, ai lại có thể bảo là không phù-hợp với chế-độ của Nho-giáo mà đất Việt ta đã thấm-nhuần tính đến giờ đã hai mươi thế-kỷ có lẽ!

Những văn-phẩm phóng-dãng rồi cũng phải chết dần. Nó đã bị tư-tưởng của đa số khinh, chán, ghét, không nói là ghê tởm cho nặng lời, tuy rất đúng. Sách người ta ham đọc là quốc-sử tiểu-thuyết, những sách có tính-cách bồi-bổ thêm cho năng-lực, những đức-tính tiềm tàng sẵn trong gân cốt và tim óc người ta. Con đường đi đã tìm thấy, người ta chỉ còn có cố dần bước.

Giữa lúc này, tư-tưởng người ta đã hết dò-dẫm, mà đã có chủ-định. Nó đã khai-sơn phá thạch cho một nền văn-chương mới, lối văn kiến-thiết.

Những văn-phẩm tiên-phong đã ra đời, đã có chút ít ảnh-hưởng. Những thanh-niên nam-nữ — hy-vọng mai sau — đã bắt đầu ham việc làm, đã bắt đầu kính cần nghe hiệu-lệnh của gia-đình, của tổ quốc. Cuộc sinh-hoạt gay go không đủ làm cho ai nản, những buồn-phận không ai tránh, những nghĩa-vụ không ai sợ. Bộ máy quốc-gia đã lại dịp-dàng chạy.

Dù sao nữa thì cũng là điều rất đáng mừng; tuy dụng cụ và giấy hết sức hiếm, mà văn phẩm đủ các loại, lại được in ra nhiều hơn bao giờ hết. Không kể gì đến tiểu-thuyết, người ta đã cho in ra rất nhiều sách về giáo-dục, thể-thao, cả đến những sách về phê-bình văn-học, khảo-cứu y-học cũng không thiếu, cho đến cả những thi phẩm — một thứ hàng vốn hiếm — người ta cũng tràn-ngập tủ kính hàng sách. Bây giờ thì người ta chỉ còn trông ở sự tiếp-tục không ngừng của những nhà cầm bút có lương-tâm, có được vậy thì kết-quả tương lai mới không làm cho ai thất vọng.

THƯỢNG-SỸ



THẾ - GIỚI NĂM QUA

«anh em họ» các ông ấy là Roosevelt, Knox, Slimson.

Tình-hình ngày nay khá hơn trước nhiều lắm».

Trong khi đang thua thất điên bát đảo ở khắp các mặt trận, các vị trên đây cứ cách độ vài tuần-lẽ lại đọc một bài «đít cua» nói về cách tổ-chức thế-giới sau khi thắng trận và dọa rầm lên rằng sẽ thắng tay trừng-phạt những địch-quốc bại trận!

Và cứ mỗi khi thua một trận lớn, ông cụ Churchill lại trình-trọng bước lên diễn-đàn ở Nghị-viện Anh để tuyên-bố một cách rất nghiêm-trang, không cười, rằng: «Tình-hình ngày nay đã khá hơn trước nhiều, chưa bao giờ tôi thấy tin ở sự thắng trận của nước ta bằng bây giờ!»

Sau khi Singapour, pháo-đài mạnh nhất của Anh-quốc, thất-thủ một cách rất nhanh-chóng, cụ Churchill tuyên-bố với Nghị-viện: «Tôi không tìm cách gỡ tội cho ai, tôi không hứa hẹn gì cả, tôi cũng không dấu rằng cái nguy-cơ rất lớn. Nhưng tôi dám quả-quyết nói với các ngài rằng chưa lúc nào tôi thấy tin ở sự toàn thắng cuối cùng của Anh-quốc bằng lúc này!»

Khi ba chiếc chiến-hạm lớn của Đức «Scharnhorst», «Gneisenau» và «Prinz Eugen» đậu ở Brest bị không-quân và Thủy-quân Anh đánh hơn 3.000 lần mà vẫn vượt qua eo biển Pas-de-Calais trở về Đức được, cụ Churchill lại lên diễn-đàn: «Dù Nghị-viện và nhân-dân Anh có ngạc-nhiên về lời tôi sắp tuyên-bố đây, tôi cũng tuyên-bố: việc ba chiếc chiến-hạm Đức vượt qua eo biển Pas-de-Calais thực là một việc may cho nước ta. Vì những chiếc đó còn đậu ở Brest thì không-quân ta còn phải tốn bom đánh phá, nay họ đi rồi, không-quân ta sẽ nhẹ bớt công việc.

Khi quân Anh ở Bắc-Phi bị tướng Rommel đánh đuổi chạy một mạch hơn 700 cây số như là chạy Marathon, cụ Churchill vừa sang Mỹ hội-dàm với cụ Roosevelt về, lại trình-trọng «đăng đàn» để tuyên-bố: «Tôi không hiểu sao quân ta bị thua một cách nhanh-chóng như vậy, nhưng tôi rất tin ở tài của tướng Auchinleck và tôi chắc nước ta thế nào cũng thắng trận! Anh-quốc vạn tuế! vạn vạn tuế!»

Cuộc chiến-tranh ở Nga càng ngày càng khốc-liệt bao nhiêu người ta lại càng thấy Anh-Mỹ ngồi ỳ ra bấy nhiêu. Thỉnh thoảng thấy Nga kháng-chiến kịch-liệt thì cụ Churchill lại gửi một bức điện-tín sang Moscou khen ngợi không tiếc lời: «Chúng tôi rất khâm phục sự dũng-cảm của các bạn, các bạn cứ cố đánh nữa đi!»

«Các bạn» đã tử-trận hơn năm triệu người, mà vẫn chỉ thấy Anh-Mỹ đứng ngoài giúp bằng cách vỗ tay khen rầm-rĩ. Ông «Bố các dân-tộc» (1) ngồi trong điện Kremlin đang lo bạc cả đầu lẫn râu, mà chỉ nhận được từng từng điện-tín khen ngợi, lâu dần cũng phát cáu rầm cả lên.

Chính vì thế nên ông cụ Churchill phải sách va-ly sang Moscou để đồ dành Staline.

Những cuộc «viễn-du» ấy cũng có đủ nghi-lễ, lần nào cũng như lần nào: cứ mỗi khi phe Đồng-minh thua trận hay bị nguy lớn, thế-giới lại ngạc-nhiên thấy họ họp Hội-nghị

(1) Staline vẫn tự xưng là «Père des Peuples».

Xin các ngài chớ sợ, trong bài này chúng tôi không kể lại những chiến-sự Nga-Đức hoặc Ai-cập hay Thái-bình-dương, bởi những việc đó các ngài đã xem tin đăng trong các báo hàng ngày.

Ở đây, chúng tôi chỉ muốn tìm những việc đáng buồn cười để các ngài đọc chơi. Nhưng nói đến chuyện thế-giới bây giờ tức là nói đến chiến-tranh.

Có một điều lạ nhất là trong khi Nga Đức đánh nhau bằng chiến-xa bằng phi-cơ ở phương tây, và Nhật đánh nhau với Mỹ bằng tàu-chiến bằng máy-bay ở phương đông, thì có một nước chỉ đánh nhau bằng... mồm và bằng... điện-tín. Nước đó là nước Anh.

Nếu chỉ nói nhiều cũng đủ thắng trận thì nước Anh đại thắng đã lâu rồi. Người ta không thể đếm được những bài diễn-văn của các ông Churchill, Eden, Stafford Cripps và của các vị

thì-thào bàn tán, rồi đọc diễn-văn, rồi tuyên bố đã tìm được những kế-hoạch phi thường, đã phải quân và chiến-cự đến các mặt trận nhiều vô cùng, các tàu vận tải nặng chũn đến nổi nước mấp mé chỉ chực tràn vào tàu! Nói một thôi một hồi xong, người về Londres, kẻ về Washington, trèo lên giường đi ngủ một cách rất khoan khoái, yên trí đã làm xong bổn-phận!

Các nước dân-chủ lại chìm đắm trong một bầu không-khí lạc-quan cho đến khi được tin quân Đức đã cắt đứt khu Caucase với nội-địa Nga, tướng Rommel đã tới gần Alexandrie, hạm-đội của đô-đốc Yamamoto đã đánh đắm hàng đoàn tàu-chiến Mỹ ở Salomon.

Thế là tấn kịch lại diễn lại. Lại thì thao bàn tán, lại đọc diễn-văn, lại tuyên bố có nhiều kế-hoạch rất lạ và quân Trục sắp thua đến nơi. Đỗ dành Staline, Anh-Mỹ hứa sẽ lập «mặt trận thứ hai» ở Âu-Châu để đỡ bớt gánh nặng cho Hồng-quân. Nhưng hàng bao nhiêu tháng cũng chẳng thấy bóng vía cái «mặt trận thứ hai» ấy ở đâu.

Còn gì đáng chán bằng trong khi quân Nga chết hàng vạn hàng triệu ở Voronej, ở Rjev, ở Stalingrad, các «bạn Đồng-minh» Anh chỉ đánh ten-nít, đánh golf, uống rượu Whisky! Trên khắp các mặt trận của Anh, người ta cũng chỉ thấy phần nhiều là quân Úc, quân Gia-nã-đại, quân Ấn-Độ, quân Nam-Phi. Tại sao không thấy quân Anh ra trận?

Tại một lẽ rất thường: tính-mệnh của một người Anh rất quý, ai lại dại gì mà đánh nhau văng mạng như quân Nga! Dân Anh đều thuộc về đội Home Guard cơ mà! Home-Guard nghĩa là «đội quân giữ nhà», vậy đã giữ nhà thì cố-nhiên không thể đi đâu được.

Và lại, ta cũng nên biết cho họ một chút, hồi 1940 họ xuyt phải giao-chiến với quân Đức ở miền Flan-

dres nên đến bây giờ họ cũng chưa hết sợ. Và cũng may hồi ấy lại có Dunkerque, lại có quân Pháp chặn mặt sau họ, nên họ mới chạy về nhà được thoát. Hừ via! Bây giờ ai dại gì thò ra khỏi nhà nữa!...

Và lại, Dunkerque còn ở gần nhà, không xa những sân ten-nít và những chai whisky mấy. Chứ sang Nga đánh nhau thì sang làm sao được! Vì khi thua trận, biết chạy đến hải-cảng nào để xuống tàu về nước?

Sang đánh nhau ở bên Pháp, ở Na-Uy, ở Hi-lạp, ở đảo Crète còn «khả trợ», bởi các xứ ấy còn có những hải-cảng «hộ mệnh» là Dunkerque, Narvick, Le Pirée và Candie. Còn có thể ba chân bốn cẳng chạy xuống tàu rồi nhờ neo về nước cho mau...

Chứ sang giúp ông «Bố các dân tộc» để chiến đấu ở mặt trận Nga thì thật chết! Chạy vào đâu! Tìm

đầu cho được một cái «Hoa-dung liễu lộ», một cái hải-cảng để xuống tàu? Bể Azov, bể Caspienne và Hắc-Hải của Nga ác-hại thay lại toàn là những bể... không có lối ra cả! Vậy làm thế nào diễn lại được tấn-kịch Dunkerque ở Nga? Làm thế nào lờ-chức được một cuộc chạy thi xuống tàu ở một xứ có mấy cái bể thì lạ toàn là «bể đóng» cả!

Bởi thế nên quân Anh đành ngồ trên bờ sông Tamise làm khán-giả và vỗ tay âm trời khen quân Nga kháng-chiến ở Stalingrad, như là ngồi ở sân Wimbledon xem cúp Davis! Thái-độ đó cũng chẳng có gì lạ nếu ta nhớ ra rằng hồi Verdun trong khi bao nhiêu quân đội Pháp liều chết kháng chiến ở khoảng giữa Douaumont và Mort-Homme, quân Anh chỉ nằm khểnh ở miền Calais và Somme ngheu-ngao hát: «It's a long way to Tipperary...»

Nhưng lần, này ông «Bố các dân



30 Tết đi bắt nợ — Tranh không lời

tộc» cái lầm rồi, ông không muốn chia đầu ra làm cái ống thu-lôi hộ nước Anh mãi, ông muốn rằng Anh cũng phải chịu mười nhát làm sét của ông Thiên-lôi Đức để đỡ cho Hồng-quân thở một chút. Ông nhất định đòi Anh phải mở mặt trận thứ hai!...

Vì vậy mới có cuộc đổ bộ ở Dieppe. Trong mấy giờ đầu, thấy quân mình đổ bộ lên đất Pháp được tới hơn vạn và đem lên bờ được hàng trăm chiến-xa, các tướng Anh mừng quỳnh, đã dỡ bắn đồ ra xem nên tiến đến Berlin bằng đường nào. Vô-tuyến-điện Anh báo tin mừng cho khắp thế-giới biết và kể rõ rằng có nhiều quân Mỹ dự vào cuộc đổ bộ...

Ở bên kia Đại-lây-dương, các báo Mỹ đã thi nhau tả những chiến-công oanh-liệt của các ông Sammies (lính Mỹ). Theo lời họ tả thì các ông Sammies xông-xáo vào các chiến-lũy Đức như là vào các chỗ đồng hoang, diệt quân địch một cách dễ-dàng như là con Yếu râu xanh chẻ xác vạc, và dân Dieppe mang hoa ra đón như đón các tài-tử xi-nê!

Nhưng than ôi, đến buổi trưa thì đã bắt đầu thấy cụt hứng. Vô-tuyến-điện Anh không nói đến «mặt trận thứ hai» và tình chuyện tiến đến Berlin nữa. Rồi đến chiều thì báo tin: «Quân ta đã xuống lầu về nước, rút lui một cách rất có trật-tự...» Nhưng không nói rằng một nửa số «quân ta» đã chết nghèo hoặc bị bắt làm tù binh.

Ở bên kia Đại-lây-dương, sau một phút tung-hừng, các báo Mỹ

nổi giận kêu rầm lên rằng: Anh đã báo tin láo, làm gì có quân Mỹ dự vào cuộc đổ bộ ở Dieppe đâu, Anh muốn làm hại thanh-thế của các Sammies nên mới bịa ra như vậy, chứ các Sammies đã đi đến đâu có bao giờ chịu thua trận!...

Nước Mỹ đã làm việc gì thì làm rất... cần-thận. Chính tờ báo Mỹ «Philadelphia Inquirer» đã báo cho thế giới biết cái tin lạ-lùng này: khi máy bay Nhật đánh phá quân cảng Dutch-Harbour ở phía bắc Mỹ, một đạo quân Gia-nã-đại vội kéo đến Alaska để giúp quân Mỹ phòng thủ miền này. Các ngài có biết đạo quân Gia-nã-đại được ai ra đón ở biên-giới Alaska không? Được các ông lính Đoàn của Mỹ ra đón!

Các ông lính Đoàn nhất định bắt các quân-Gsĩ gia-nã-đại sang cứu mình phải nộp tiền thuế về các súng đạn của họ rồi mới có thể vào được xứ Alaska. Quân-sĩ Gia ngáy người không hiểu sao lại phải nộp thuế mới đến cứu được các ông Mỹ? Câu chuyện xuýt thành lời-thôi to, về sau chính-phủ Mỹ phải nghĩ ra một kế là tôn các quân-sĩ Gia lên làm «thượng khách» thì họ mới không phải trả thuế cho nhà Đoàn Mỹ.

Trong khi quân Nga kịch chiến với Đức và đuổi dần, các nước Dân chủ còn mãi bận về những việc như vậy. Bận làm, có thời giờ đau mà cứu Nga, cứ nghĩ được một kế tôn lên làm «thượng-khách» để tránh thuế Đoàn cũng đủ nát óc hơn là nghĩ việc phòng-thủ Stalingrad!...

Và lúc nào bạn Đồng-minh Nga nổi giận vì chỉ thấy có mỗi một mình chiến đấu - với Đức. Ông Churchill lại sách va-li sang Mos-con đồ ngon đồ ngọt vài lời và hứa thực nhiều. Trong cuộc viễn-du Moscou lần trước, thế - giới chỉ được tin rằng Thủ-tướng Churchill mặc một bộ binh phục rất oai, ăn những bữa tiệc 24 món với Staline trong điện Kremlin, uống rượu Vodka say thấy ông bà ông vãi...

Trong bữa tiệc nhớ đến vua Anh, không biết ông Cộng-sản Staline có nâng cốc chúc «Thánh - hoàng muôn tuổi» không, nhưng ông Churchill uống rượu trong những chiếc cốc pha-lê mà có lẽ ngày xưa các quận-chúa Nga đã nhấp môi qua, chắc ông cũng có lúc ngượng khi nghĩ rằng mình đang ngồi ăn tiệc với những kẻ đã ám sát cả nhà Nga-Hoàng Nicolas II trong một gian hầm ở Ekaterinebourg.

Và những quân-sĩ Nga đang gục đầu trước trận bão bom của Đức từ Astrakhan cho đến Leningrad, chắc cũng lấy làm hân-hạnh và sung-sướng khi được tin Thủ-tướng nước Anh đã hạ cõ đến Mo-cou ăn uống no say rồi lại đáp máy bay về Londres.

Hồi ông «Bố các dân tộc» lại vẫn chia đầu ra làm cái ống thu-lôi hộ nước Anh, cố gắng để chờ cái «mặt trận thứ hai» chẳng bao giờ mở. Chờ cho đến khi nào cái ống thu-lôi bị sét đánh đến nhiều quá vỡ đánh rụng một cái là xong!

MICRO





NĂM MỚI, TÔI MỪNG ÔNG...

TRUYỆN TẾT của NGUYỄN-CÔNG-HOAN

bàn tắm danh thiếp, rồi đi cho mau, để lại quàng vào nhà khác tắm danh thiếp. Đến nhà người ta mừng tuổi, mà được chủ đi vắng, nhiều người cho là một sự may.

Vậy mà lối giao-thiệp giả-dối này lại rất cần cho những chỗ bè bạn sơ sơ. Vì quanh năm chẳng đến nhà nhau, hôm mừng một tết cũng chẳng đoái hoài đến nhau nốt, ấy là tình bằng-hữu đi đứt!

Ngày tôi còn ở Nam-dịnh, có một lần ông Đào văn Định, giáo sư, mới ở Bắc-Ninh đổi về, đến chơi tôi. Lễ tất nhiên tôi phải lại nhà ông để đáp lễ ngay.

Nhưng vì bận nhiều việc quá, tôi quên hết mất sự xã-giao sơ đẳng ấy.

Đến mãi tận giữa tháng chạp, chợt gặp ông Định ở ngoài đường tôi mới chợt nhớ ra. Hèn nào ông năng đi lại các nhà khác, mà nhà tôi ông không bước chân vào đến lần thứ hai.

Ông Định là người tử-tế nhã-nhận, bạn bè đều khen-ngợi và thân-mến. Không biết ông cho tôi là thế nào, chứ thực lòng, tôi tự trách tôi rất bất nhã. Nếu không hiểu cho tôi, mà ông không tha-thứ, tôi cũng phải chịu.

Bởi thế tôi phải liệt ông vào hạng nhất, trong sổ tên bạn mà

tôi cần đi chúc tết hôm mừng một. Hạng nhất, là các bạn quen soàng hoặc hay giận. Hạng nhì là các bạn quen soàng nhưng đại lượng.

Hạng ba là các bạn thân vừa. Hạng bét là các bạn thân lắm. Tôi chỉ cần đi chúc tết các bạn hạng nhất, còn từ hạng nhì trở đi, không tết năm nào tôi xử lại xòng-phẳng.



Sáng mừng một vì muốn được ngủ yên, rồi ăn bữa cơm cho

TÔI ba mươi tết năm ấy, tôi cố xong tất cả các công việc, để đến hôm sau, chịu cái tai nạn nó làm mất cả ngày: Nạn tiếp bạn đến mừng tuổi và nạn đi mừng tuổi bạn.

Sự đi mừng tuổi nhau hôm mừng một đầu năm thật là một cái nạn. Còn gì khổ cho bằng phải tiếp những người, hoặc phải đi đến nhà những người quanh năm chẳng gặp nhau lần nào, trừ sáng ngày Nguyên-đán! Chuyện đã chẳng có gì để nói, mà cứ phải cười gượng, nịnh nhau sảng, rồi mắt trước mắt sau, chỉ chực chuẩn cho mau đến nhà khác để cũng làm cái công việc nhặt-nheo ấy. Còn gì dơ-dàng cho bằng mình vừa ở nhà một ông bạn hằng thân gì, đã không có chuyện để nói, mà độ nửa giờ sau, ông bạn ấy đã lại ngheù ngheù đến nhà mình cũng chẳng để nói một chuyện gì hơn là để mình khỏi trách là xử quýt.

Cho nên, ngày mừng một tết, ở nhà nhưng nói dối là đi vắng, tức là đã làm một việc nghĩa rất to tát. Nhiều ông cũng chỉ cần dò xem mình không có nhà lúc nào, là đến tốt ngay, để quàng lại trên

Chén quan hà

Tiền đưa một chén quan hà,
Chàng đi thiếp ở lại nhà buồn tênh.
Oan đâu cột mãi với tình?
Nửa đường, trăm gậy tan bình như chơi!

Chưa vui xum họp đã xa-xôi!
Hợp hợp, tan tan, ngán nỗi đời!
Thương cái dĩa-tràng xe cát bễ,
Cánh bèo bễ thắm, biết đâu trôi!

Vùng trăng ai sẽ làm đôi?
Đường tình, ai vẽ ngược xuôi lơ làng?
Cho đành lòng kẻ tha hương,
Dặn rằng: «Giữ ngọc gìn vàng cho hay».

Giọc ngang trời biển bấy lâu nay,
Cái chữ công-danh ng.ĩ cũng rầy,
«Nhi-nữ tình trường» ngao-ngán nỗi,
«Anh-hùng trí đoản» có chi hay?

Ngày đi, xin nhớ từ nay,
Tin về, mong đợi ngày rầy năm sau.
Yêu nhau, xin nhớ lời nhau...

TRINH-THỤC-OANH

thong thả, ngon lành, tôi dặn người nhà là hễ ai đến, đều nói dối là tôi đi vắng. May mắn thay cho những người đến chúc tết tôi!

Chừng hơn mười hai giờ, tôi mặc quần áo chỉnh tề, đi chúc tết các bạn hàng nhất.

Cố nhiên, tôi phải đến ông Định trước tiên.

Nhà ông Định, tuy tôi chưa lại lần nào, nhưng tôi đã hỏi cô Quý, nên biết rồi. Nó ở phố hàng Song, về bên số chẵn, không rõ là bao nhiêu, nhưng cô Quý bảo ở xế cửa nhà ông Chi, chắc vào khoảng từ số năm mươi đến sáu mươi. Cả giấy chỉ có nhà ấy có gác, lại dễ nhận nhất là thường ngoài có treo chiếc màn xanh, cấp đỏ.

Tôi đến phố hàng Song, đi một mạch tới gần nhà ông Chi, mới đề ý nhận.

hưng sự tìm - tôi không dễ dàng như tôi đã tưởng. Từ số năm mươi đến sáu mươi, không thấy nhà không có gác. Cho nên tôi phải dùng sự thông-minh và trí xét-đoàn để xem ông Định ở nhà nào. Cố nhiên ông không ở nhà in này. Lại cố nhiên ông không có cái nhà đề-sô kia. Trong khoảng phố ấy, chỉ có mỗi nhà gác xinh - xinh. Chắc hẳn nhà giáo ở đấy.

Tôi bèn tiến vào, gõ cửa.

Một người ra dáng con Sen chạy ra. Tôi hỏi:

Ông giáo Định có nhà không?

Tôi hỏi rõ thế là đề hễ lắm, tôi hỏi ngay.

Nhưng con Sen vừa trả lời, thì ngoài phố, một tràng pháo nổ làm lấp cả tiếng nó. Tôi chỉ trông thấy miệng nó lấp bắp.

Tôi yên trí, ngồi chờ trên ghế đệm bông. Còn con Sen thì đi tuột vào trong và lên gác. Tôi ngắm bát thủy tiên đặt trên bàn ăn khăn sa tanh thêu, màu tiết tề, bụng bảo dạ:

— Anh chàng này cũng sinh ra. Mà nhà sang lắm. Anh em

cứ đồn là kiết.

Bởi vì tôi thấy cạnh bát thủy tiên, một tráp đồi mồi đầy cau đậu, trâu vàng vỏ tía, và một hộp bạc, gài hai hàng thuốc lá thơm.

Tôi nhặt miếng trâu, miếng thuốc lá.

Tôi ngắm nhà trang - hoàng rất lộng-lẫy. Trên mặt tủ tré khảm đánh bóng lộn, có bày bộ ngũ sự đồng sáng nhoáng. Ở tường, ba bốn bức thêu rất đẹp còn nếp gập-nguyên.

Sực tôi trông thấy phía trên hai cửa ra vào hai bức truyền thần lồng trong hai chiếc khung gụ. Tôi ngạc nhiên. Không phải vợ chồng ông Định mà cũng không thể ông cụ bà cụ, vì người mới trạc độ bốn mươi.

Ờ, mà quái, ông Định là người ưa mới, không lẽ tủ tré của ông lại la liệt những đồ cổ.

Bỗng con Sen đến, nói:

— Ông con mời ông lên gác.

Tôi vui-vẻ, gật đầu, theo nó đi, và hỏi:

— Ông làm gì trên ấy?

— Bẩm, ông con đang đỡ hội tổ tôm.

— Có những ai đánh?

— Bẩm đến bảy tám ông vừa đánh, vừa chầu đĩa, con không biết những ông nào.

Tôi lên vài bậc thang. Gót giày nện vào gỗ thình-thịch. Tôi sốc lại áo, gài lại khuy, thì có tiếng nói ra bằng giọng thân-mật:

— Nào, có đánh thì tôi nhường chân cho đây.

Tôi chưa rõ là ai, nhưng cũng vừa cười vừa đáp:

— Đánh thì đánh, sợ gì!

— Phải, sợ gì, thua hết chớ khóc đấy.

Cả một hồi cười ồ, và tôi cũng cười ồ theo, chạy thoăn-thoắt lên bậc.

Đương đỡ cười, tôi đã nhỏ đầu khỏi sàn gác.

Sợ rồi ngồi vào bàn tổ tôm,

tôi không có dịp, nên vội-vàng nói:

— Xin lỗi ông, quanh năm bận, năm mới, tôi mừng ông...

Nhưng ồ lạ! Từng ấy mắt đổ vào nhìn tôi. Tôi cũng nhìn cả vào từng ấy người. Không có một ai quen. Té ra tôi cũng là người lạ nốt. Tất cả ngấn ấy gằn miệng nhường sức cho gằn mắt. Im lặng...

Tôi bối-rối. Tay quờ cái nọ cái kia, nhưng không có cái gì để quờ. Tôi bèn hỏi:

— Tôi xin lỗi các ngài, tôi hỏi ông giáo Định.

Cả bọn nhìn nhau, rồi lại nhìn tôi, ngỡ-ngạc.

Bế quá, tôi vội vàng đánh tháo, mặt nóng bừng bừng.

Và trong khi xuống gác, tôi còn bị những tiếng cười nhạo ném theo.

Rồi tiếng gắt:

— Con ranh con, cửa cứ mở toang, ông Hoan đẩy chứ giá là kẻ gian thì có chết không?

Như bị phát đạn nũa, đi qua bàn khách, tôi vội vàng trút trả miếng trâu và miếng thuốc lá, cút thẳng một mạch!

NGUYỄN-CÔNG-HOAN

GIA-ĐÌNH NÀO CŨNG

NÊN CÓ QUYỀN

X

MUON

1

HỌC GIỎI

KIM CHỈ NAM CỦA BẠC CHA MẸI

KINH NHẬT-TỤNG CỦA CÁC

NAM-NỮ THIẾU-NIÊN

Sách giấy 200 trang. in đẹp

Tác-giả: THÁI-PHÍ - Giá: 1p00

ĐỢI MỚI XUẤT - BẢN

BÀN ĐÀN XUÂN

(THANH KHÚC)

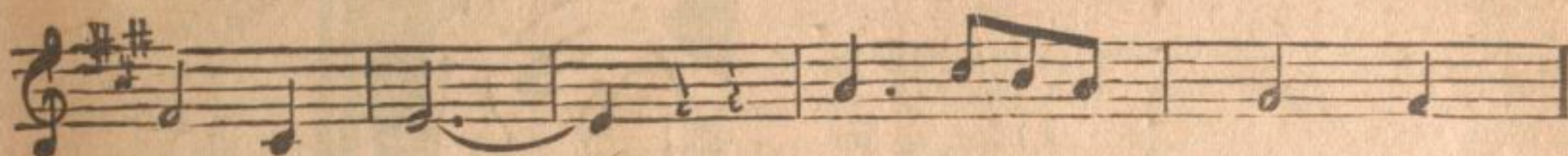
Lời ca và âm - nhạc của Thẩm - Oánh

Thong thả, nhịp nhàng

Tặng những hoa xuân



Muôn lời ca oanh yến lén lo bên đào tươi; nắng xuân bằng thắm



phở nhanh mai — Đây, giêng xuân êm dềm, yêu



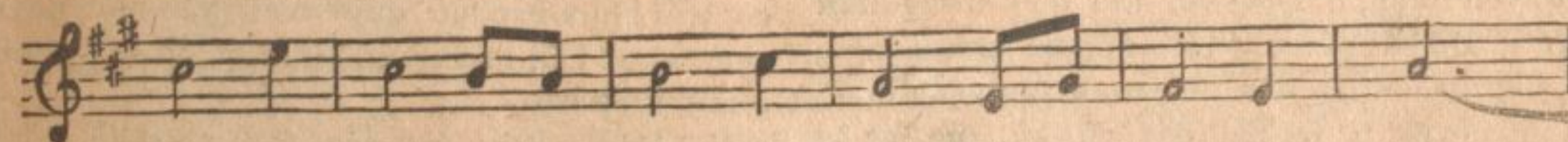
kiều thắm đón hoa, đục chim ca hát câu tình ái



— Trời xuân ngát hương; liễu xuân tơ mảnh vương; hồ



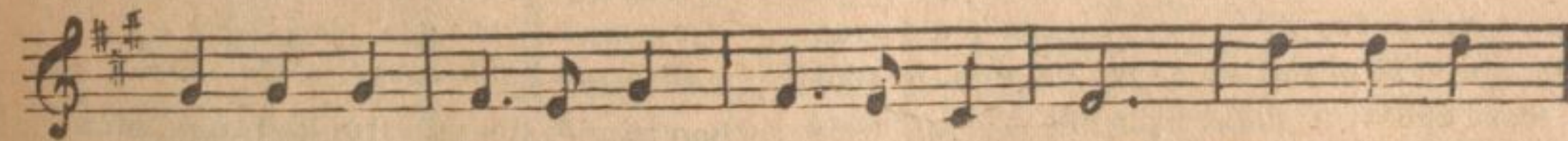
xuân sáng gương. Ói! lòng say vì yêu đương! Muôn lời ca ca h



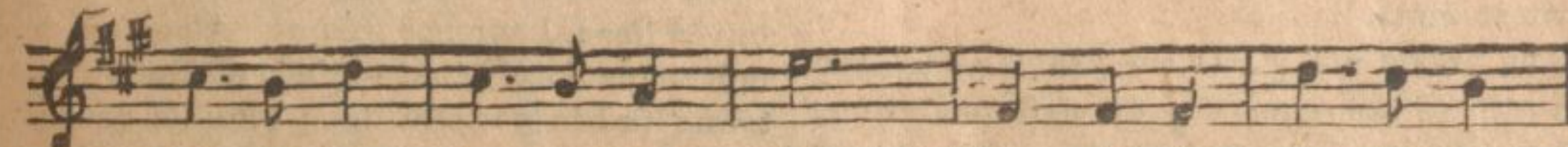
gến lén lo bên đào tươi, tiếng xuân nhịp khúc trong hồn mai



— Sắc phôi thắm tươi mừng đón xuân reo màu hồng.



Ánh nắng thướt tha, vờn giáng mây, rơi ngoài song. Thấp thoáng bướm



ong tìm đón hoa trong vườn thắm Lòng trần cần giấc xuân mơ



mình đầy ước mong.

Tết năm Quý Mùi

TÙY HỨNG

Thiếu-nữ trong tranh

Nhà họa-sĩ mới tài tình sao! Bức vẽ linh hoạt quá đỗi. Mắt như say đắm, môi phảng phất nụ cười. Tóc mây mượt sao êm, da sao thơm mát, khỏe mắt sao như đựng muôn thế-giới mơ hồ? Thiếu-nữ không nói mà sao lòng ta vấn vương? Nàng ở đâu lại? Ở Giao-Tri, ở Nguyệt-Điện, hay ở đầu con đường thăm thẳm có ai rặng hoa đào và suối chảy? Hay nàng ở trong những giấc mộng đêm xuân của ta? Ta nhìn nàng không chán mắt, lòng ta bỗng say mê một bóng rồi.

Hôm nay giờ êm nhẹ; lá xanh, cỏ thơm, men sống sôi nổi trong tim, như thể một tạo-hóa mới đã nảy nở, mà ta cứ ở phòng sách này, bên cửa sổ, ngắm một nhan sắc trên giấy. Chim hót, dơi rộn rịp, ánh sáng. Mặc kệ nguồn sống trời bên cửa sổ, ta đã đặt trong thế giới của ta nàng thiếu-nữ ngọc ngà bên hoa mai. Ta đã vào trong thế giới của nàng. Ta đặt tên cho nàng. Thơm mát, đẹp, đẹp vĩnh viễn. Nàng là Phương Anh bắt đầu từ hôm nay.

Phương-Anh, nàng sẽ giữ xuân xanh cho đến tận cùng thế-kỷ. Ta sẽ cất tác phẩm này của họa-sĩ vào trong một trang sách, rồi ta lại cất quyển sách ở một nơi kín đáo trong một ngăn tủ. Để hai mươi năm sau, ba mươi năm sau, biết bao nhiêu nữa, lúc xuân xanh của ta đã qua đi, lúc da ta đã bắt đầu cũ kỹ, lúc tóc ta bớt đen nhánh, khi ta đã bước chân qua cái vệt bóng tối của Maurois, ta lại lấy nó ra xem, thấy Phương Anh muôn thuở đẹp và muôn thuở mang say sưa đắm đuối trong mắt huyền. Muốn thuở còn nụ cười giai nhân bên khóm liễu, để khi những người đàn bà đẹp mà ta biết cũng đã mất đôi mắt trong sáng và hương ngát của yêu đương chớm nở, ta sẽ ngắm lại nàng, để tâm ở suối Jouvence cho trút gánh nặng của tháng ngày, trở lại đầu đường có mây ngũ sắc, có hoa, có bướm và chim.

Nàng không nói gì. Ở cái yên lặng ấy bao nhiêu thi vị. Nói năng chỉ để nhớ phải dùng những tiếng ô trọc, nặng nề. Sống làm chi để ngày qua lưu vết lại trên dung nhan? Cái mong manh phảng phất của Đẹp đọng lại trên tờ giấy này, nhờ tài của họa sĩ; bám vào mặt giấy, ngao



nghe mĩa mai thời gian. Giòng sông đi không ngừng, ác nghiệt, lạnh đậm, phá hoại sắc của Tây Thi, vùi súa nụ cười của Hélène, làm tiếng ca vui nên tiếng ca thương tiếc. Phương - Anh của ta, nàng cứ ở trong trang sách này. Quyền

sách này, sau ta sẽ có người tôn trọng nó, rồi truyền nó đi, rồi nó còn mãi mãi, mặc dầu hoa rụng và các thế hệ qua. Rồi một chàng thanh niên, sau khi kiếm hoài một vẽ đẹp hoàn toàn, ngày kia sẽ đến bên nàng tìm trong kiều lệ của nghệ thuật chút an ủi và hi vọng.

Xuân, một nhớ tiếc

Hoa đào tung bừng nở. Mầu thơ khắp đó đây, lời thơ ở chim oanh. Tết hiện tại hay là tết của một dĩ vãng xa rồi? Ở, sao nhớ tiếc luôn một cõi trời chưa bao giờ được biết, yêu một duyên chưa ai hề kết, nhớ những hương-vị như ở một kiếp nào!

Một lời tiên diu dặt, véo von như kẻ lẽ nỗi buồn của bao thế kỷ, nỗi buồn giòng sông, nỗi sâu lẫn cả trong sương lam phủ xứ thiên thai, vì ở thiên thai cũng có phân ly:

惆悵溪頭從此別
碧山明月照蒼苔

Tru trường khê đầu tòng thử b'ệt,
Bích sơn minh nguyệt chiếu thương đài.

Bao năm đi tìm một trời lý tưởng, một nguồn hứng thi vị. Trái tim tìm để đập những cảm xúc huyền hoặc. Laurence trên núi Alpes rồi bước một chàng Jocelyn hay cô thiếu nữ Đông-Phương trưng tư bên gốc phù dung? Rồi tôi đã qua cái cầu nổi bên này với bên kia, hai thế giới, cầu nổi Đào Nguyên với cõi trần. Từ bước chân trên cỏ êm đến bước chân trên đường sỏi đá gập ghềnh. Từ sáo vi vút ngân nga nói những

tiếng cao ngất, đến tiếng đàn hạ giới, hờn giận nặng nề. Từ áo trắng tha thướt của tiên nga đến mồ hôi chảy trên những mình khô héo. Hôm nay ngắm bức tranh thiếu-nữ của nhà họa sĩ vô danh, cảm thấy như động lại những nét, những màu, những năm tháng để vĩnh viễn một tình đẹp. Họa sĩ nào có vẽ ai, chỉ là vẽ mộng của nhân loại. Cổ em, sáo vi vút, áo thướt tha bên hoa, tất cả đã có ở trong tranh này, mở cửa cho động đảo tôi trở lại với chiếc cầu cũ, cúi trông xuống giòng thấy bóng thế giới bên kia, lắng tai nghe thấy tiếng tiêu xa vắng mơ hồ. Nhưng cỏ đã lấp vết chân đi, cửa động then cài. Chỉ có nước rung rinh dưới chân cầu vắng. Tim đau thấy dường xưa mang tới thăm cung của người đẹp?

ĐINH-GIA-TRINH



NGÀY XUÂN VỚI NÀNG THƠ

Xuân đến đem lại cho ta tất cả nỗi hồi-hộp trong lòng. Những ánh Xuân đâm ấm, tung bừng trên ngọn cỏ, lá cây, những sợi mưa xuân bắt-hiu trước gió thoảng mơ hồ, những tràng pháo nổ đuổi nhau vang dậy gần xa, những hương lẫn trong khói trầm nghi ngút, những chậu hoa xinh - xắn nở đầy nhà, những tranh gà, cóc, tiền Tài, tiền Lộc om sòm trên vách... biết bao nhiêu thứ, kể sao cho cùng?

Giữa trời xuân nao nức ấy, nàng chén trà ngọt-ngào hương, nhấm cánh mứt, cắn hạt dưa... Ôi! biết bao thú-vị!

Thú-vị ấy sẽ được đưa lên bổng ngọn thần tiên, nếu ngày xuân được lắng nghe câu chuyện về Xuân đầy thú vị.

Xin hiến các bạn đọc câu chuyện du xuân của người Nhật. Người Nhật du xuân như thế nào?

Theo lời ông P. Louis Couchoud vừa là bác sỹ, vừa là thực-sỹ, lại vừa là thi-sĩ thì người Nhật thích du xuân hơn ai hết ở trên mặt địa cầu này.

Du xuân của người Nhật là đi trong sương tuyết, lặng ngắm hoa nở... lạnh lùng. Thi-sĩ thật.

Mà thật thế, Người Nhật có óc thi-sĩ ít ai bằng.

Họ thi-sĩ đồng loạt như nhau chứ không như mình có người thi-sĩ lại có người không ưa thi-sĩ.

Vẫn theo lời ông P. L. Couchoud, người Nhật thi-sĩ từ người cu-li xe trở đi:

« Những bác nhà quê, những người cu-li, bọn người lam-lũ đều biết thưởng-thức cảnh đẹp thiên nhiên của đất, trời. Tôi còn nhớ một hôm ngồi xe, người kéo xe kéo tôi chạy mãi vào trong sương tuyết đang khi tôi bởi trút xuống. Đường thì khó đi mà người kéo xe thì nhọc mệt. Chợt thấy hẳn quay lại, tôi tưởng hẳn muốn phản-nản điều gì. Không. Hẳn quay lại để tỏ cho tôi một ngọn cây bị phủ tuyết ».

Một người cu-li kéo xe còn biết thưởng-thức cái đẹp của tuyết phủ trên ngọn cây nom như một chiếc mũ trắng lạnh-lùng thì thật là thi-sỹ hết chỗ nói.

Họa-sĩ và nhạc-sĩ, tất cả đều thi-sĩ, có khi không tự biết. Bác nhà quê sau vụ gặt đi ngao du khắp nước Nhật đem theo ở thắt lưng một quyển sổ con để ghi cảm-giác khi thì bằng những nét phác họa, lúc thì bằng ba câu thơ ngắn ngắn ». (lược dịch)

« Tout le monde est poète, musicien et peintre, sans y penser. Le paysan qui, après la moisson, se met en pèlerinage à travers le Japon, emporte à sa ceinture un petit carnet sur le quel il notera ses impressions tantôt par un croquis, tantôt par trois petits vers. »

P. Louis Couchoud

Người Nhật thi-sĩ trước những cảnh đẹp thiên-nhiên của đất trời, sương sa, tuyết phủ, hoa nở, trắng lên.

Nói đến hai chữ « trắng lên »

tôi lại không thể quên được câu nói bất hủ của một nhà báo thi-sĩ Nhật khi qua thăm thành phố Ba-Lê (Paris) :

« Ba-Lê đẹp lắm, nhưng nhà cao quá. Làm thế nào để ngắm trăng cho được ? »

« Paris est très beau, mais les maisons sont trop hautes. Comment peut on voir la lune ? »

Nhà ở Ba-Lê vì cao quá nên không thể nhìn thấy trăng. Ở Hanoi, nhà không lấy gì làm cao cho lắm, nhưng cũng không mấy ai chịu ngắm trăng. Thế mà người mình cũng có tiếng là, thi-sĩ kia đấy.

Người Nhật du xuân và làm thơ.

Du xuân thì các bạn đọc đã được thấy rồi — họ đi trong sương tuyết, lặng ngắm hoa nở lạnh lùng — Còn thơ của họ thế nào ?

Thơ của họ là thứ thơ ngắn nhất trần gian, nhưng cũng khó làm nhất trần gian.

Khó đến nỗi nhà bác-sỹ kiêm thạc-sỹ, kiêm thi-sỹ P. Louis Couchoud sau một tháng trời trên tàu lênh đênh mặt nước với hai người bạn tập làm thơ

Haikai — thứ thơ ngắn nhất trần gian đó — mà rồi chẳng được câu nào ra hồn cả (*Deux amis et moi, au cours d'un voyage en bateau nous nous sommes exercés pendant un mois d'été à faire des Haikai français, sans règle prosodique, à l'imitation non des originaux japonais, mais des traductions françaises. Aujourd'hui pas une de ces épigrammes ne nous satisfait* »).

Thứ thơ khó làm đó thường xếp thành ba dòng : dòng thứ nhất 5 tiếng (5 syllabes), dòng thứ nhì 7 tiếng, dòng thứ ba 5 tiếng. Tất cả 17 tiếng.

Với 17 tiếng ấy, làm sao cho thành một bài thơ bất hủ thì làm.

Không có bản thơ chính bằng tiếng Nhật, tôi xin lấy mấy câu thơ dịch bằng tiếng Pháp trình cùng bạn đọc vậy :

*Pleine lune,
Sur les nattes,
L'ombre nette du pin.*

*O lune brillante
Je voudrais renaître
Pin sur une cime !*

*Au fond de la marmite
Où cuisent les patates,
Le reflet de la lune.*

*Peu sous la cendre
Maison sous la neige.
Minuit.*

Đó thơ Haikai.

Xin miễn dịch và xin nhườn phần dịch cho các bạn đọc yêu xuân và yêu thơ. THAO-THAO



Bước phân ly

Chàng ra đi.
Trời thăm thăm,
Lòng ta nặng,
Mối ai hoài...

Hỏi ông trời
Cột gì ai ?
Vùng trăng nở,
Xẻ làm đôi !

Người góc bể,
Kẻ bên trời,
Xa xa lắm,
Tật mù khơi !

Ta đã nguyện
Chẳng đợi ai...
Cớ sao cứ
Thờ than hoài ?

Lòng se lại,
Lụy sầu rơi.
Nhớ tới ai,
Dạ tới - bời.

Yêu nhau mà
Phải chia-phôi.
Đời hiu quạnh,
Có gì vui ?

Kìa gió lướt,
Nọ mây trôi.
Ngày xanh cũng
Có thể thôi.

Đa đoan mấy,
Bồn - phận ôi !
Đề Hỷ-Sinh,
Một kiếp người.

TRỊNH-THỰC-OANH



— Thời buổi văn-minh phải vẽ vôi thế này thì ma quỷ mới sợ.

BỨC TRANH XUÂN

Họa-sĩ Phụng - Nam soa tay gặt gù :

— Hà hà, bức tranh đẹp lắm !

Chàng ngắm nghía mãi bức tranh sơn dầu mà chàng vừa vẽ xong. Đầu chàng hết nghiêng sang bên phải lại vẹo sang bên trái, trông đến hay ; đôi mắt chàng có lúc trợn trượng lên như làm ngoáo ộp dọa...trẻ con, có lúc lại lim dim như nhà thi-sĩ đang tha thiết trước cảnh nên thơ.

Họa-sĩ ngắm một cách say-sưa triu-mến bức tranh. Chàng đã đặt vào đấy bao nhiêu tâm trí trong lúc vẽ. Bức tranh cao thước hai, rộng tám mươi. Chàng vẽ một « thiếu nữ tiếc xuân », mặt thiếu nữ, họa-sĩ khéo tả được những vẻ « buồn thương, nhớ tiếc » biết bao ngày xuân đẹp đã qua...

Màu hồng êm vui của áo thiếu nữ, màu tươi thắm của những bông hoa cắm trong bình, chúng đã vô tình mai mỉa bộ mặt thiếu nữ, như muốn khóc còn cố gượng tươi cười, vì lại một ngày xuân mới đến.

Thiếu-nữ trong tranh tên là Mộng-Lan. Cái tên đẹp nhưng người chẳng đẹp. Hai mươi bảy tuổi, nàng trông già gần bằng người ngoài ba mươi. Đáng người thô kệch, đi đứng chậm chạp : nàng lùn và béo.

Sở dĩ họa-sĩ Phụng - Nam quen Mộng-Lan là vì Mộng-Lan

xưa nay vẫn mẫn tài nhà họa-sĩ trẻ tuổi ấy, nàng lại là bạn thân của Thoa, người em gái họ của họa-sĩ. Mộng-Lan và Phụng-Nam thường gặp nhau ở nhà Thoa, thế rồi hai người quen nhau, rồi từ quen cho đến thân.

Một hôm, họa-sĩ ngồi trước mặt Mộng Lan, chàng bỗng sung sướng phác họa trong trí một bức tranh xuân cực kỳ đẹp : « Thiếu nữ tiếc xuân ».

Chàng muốn nhờ Mộng - Lan làm kiểu mẫu giúp. Phụng - Nam lúc ấy vẽ mặt có lẽ « say mê » Mộng-Lan lắm lắm chẳng ? Sau khi lúng túng nói mấy lời yêu cầu rất văn-vẻ, chàng — gờ — trò — nhắm mắt lại, cúi đầu xuống, nghe Mộng-Lan trả lời.

Tiếng oanh thỏ thẻ :

— Vâng em xin chiều anh. Vô khối người khen em đẹp đấy anh ạ !

Phụng - Nam cố nhin cười,



nhớ đến cái biệt - hiệu « cô lợn sữa » mà Thoa đã đặt cho Mộng-Lan. Chàng-sung sướng :

— Nhờ cô giúp, biết đâu tôi sẽ có một tác-phẩm bất-hủ.

Hôm sau Phụng - Nam bắt đầu vẽ. Chàng vẽ với một cảm hứng dồi-dào. Mộng-Lan ngoan ngoãn ngồi cho chàng vẽ, thỉnh thoảng hàng ngó họa-sĩ một

cách rất thân mến.

Ngày ngày cứ mỗi buổi sáng Mộng-Lan đến ngồi cho Phụng-Nam vẽ. Được mười hai hôm thì bức tranh xong. Họa-sĩ rất sung-sướng nhìn tranh mặc dầu Mộng - Lan chê : « Anh vẽ tôi chẳng giống tì nào ! » Sự thực thì giống lắm. Theo ý nàng, đã là một bức tranh đẹp, một bức tranh có giá-trị (?) thì « thiếu nữ » trong tranh phải đẹp như... như tiên, chứ ai lại vẽ cái mặt « lờ thờ » như thế này bao giờ !

Mộng-Lan giận-dữ ra không thèm chào qua nhà họa-sĩ « bất tài » ấy lấy nửa tiếng.

Bức tranh « thiếu nữ tiếc xuân » của họa-sĩ Phụng - Nam được các bạn đồng nghiệp ngợi khen nhiều lắm. Một bức tranh tuyệt tác ! Phụng - Nam chú ý nhất đến mấy câu khen của họa-sĩ Licouty : « Tên tuổi anh sẽ sống mãi với bức tranh này. Nghệ-thuật của anh đã tiến được một bước rất dài đó ! »

Có một người Ý-Đại-Lợi khần-khoan muốn mua bức tranh ấy lắm, ông ta xin trả ngay cho họa-sĩ một vạn bạc Đông - Dương. Phụng - Nam lắc đầu từ chối, lấy cớ muốn giữ bức tranh ấy để làm kỷ-niệm.

Người Ý-Đại-Lợi ấy rất khen tài Phụng-Nam. Ông ta có nói : « Tôi không ngờ mỹ-thuật ở cái xứ Việt-Nam lại mau tiến tới lắm vậy. Bức tranh này ông vẽ bằng sơn dầu mà vẫn có tính cách annam. Tài nghệ của ông sẽ được coi ngang hàng với những Léonard de Vinci, Rembrandt... Hãy cố lên, tôi hi-vọng một ngày kia được mua của ông một vài bức tranh đẹp... »

Một tháng sau, tết đến.

Họa-sĩ Phụng - Nam ăn tết một cách rất vui-vẻ, tuy không được đầy-dủ cho lắm. Giá mà

chàng bán bức tranh xuân cho người ngoại quốc ấy, lấy cái số một vạn đồng nhĩ? Chà, một vạn đồng, nhiều lắm! Như thế có phải là tết này chàng tha hồ mà ăn tiêu sung-sướng không? Ồ! ý nghĩ tầm thường, cái sung sướng vật chất ấy chàng có coi vào đâu. Chàng tuy không giàu, nhưng không « mê » và « nô lệ » tiền như ai. Bè bạn thường đùa chàng rằng sống như chàng thì cao thượng quá Cao thượng đến nỗi nhiều khi chàng thiếu cả tiền mua thuốc vẽ, thiếu cả cơm ăn để đến nỗi người gầy như bộ xương. Cũng may là chàng chưa có vợ đấy. Tính ra chàng đã ba mươi tư tuổi rồi.

Mồng hai tết, Phượng Nam về quê thăm một người bà con, đến chiều ra tới tỉnh, về đến nhà, chàng giật mình sợ hãi nghe nói bức tranh « thiếu-nữ tiếc xuân » đã bị cô Mộng Lan phá hủy.

— Trời ơi, thế thì nguy tôi rồi!

Họa-sĩ vội ba chân bốn cẳng chạy vào phòng khách thì, than ôi, bức tranh xuân tuyệt tác ấy đã bị cô Mộng-Lan lấy sơn đen bôi



bê bôi bét. Góc khung có gài một bức thư.

Phượng Nam tức giận đến cực điểm, nghiền răng kèn kẹt, bóc



XUÂN

XU' A

CỦA
NGUYỄN-BÍNH

Đây! cả mùa xuân đã đến rồi!
Từng nhà mở cửa đón vui tươi,
Từng cô em bé so hài gấm,
Đôi má hồng lên, nhi-nhảnh cười.

Và tựa hoa thơm mở cánh dần,
Từng nàng thực-nữ dậy thì xuân.
Đường hương thao-thức lòng quân-tử,
Vó ngựa quen rồi ngổ ái-ân.

Từng gã thư-sinh biếng chải đầu,
Lòng hăng toan tính truyện mai sau:
Lên kinh, thi, đỗ, làm quan trạng;
Công-chúa cài trâm thả tú-cầu.

Có những ông già tóc bạc phơ,
Xuân về mãi mực, bút đề thơ.
Nhưng bà tóc bạc hiền như Phật,
Sắm-sửa hành-trang trẩy hội chùa.

Pháo nổ đâu đây, khói ngập trời,
Nhà nhà đoàn-tụ dưới hoa tươi.
Lòng tôi như giấy hoa tiên đó,
Một áng thơ để nét chẳng phai.

thư ra xem:

Hanoi, le...

Ông Phượng-Nam,

Tôi mạn phép ông, lời phá bỏ bức tranh này, vì tôi không thể để ông làm mất danh-giá của tôi được.

Bức tranh xấu-xi này, ông còn giữ làm gì? Ở ngoài, tôi trẻ đẹp bao nhiêu thì ở trong tranh, ông

vẽ tôi già xấu bấy nhiêu. Sao ông nhỏ-nhen thế?

Tôi tha không kiện ông về tội cố ý làm mất danh-giá, nghĩa là làm giảm sắc đẹp của tôi là may cho ông rồi đấy. Thôi, chào ông.

Mộng-Lan.

T. B. Chúc ông năm mới tài nghệ được lẫn-lời nhiều nữa.

XUÂN-PHÁO

MU'U-MÔ LÃO KIẾT

KỊCH VUI của NGUYỄN-CÔNG-HOAN

MỘT HỒI — MỘT CẢNH

CÁC VAI (LÃO KIẾT
(NGƯỜI HÀNG XÓM

CẢNH NGOÀI VƯỜN

CÓ HÀNG RÀO TRÔNG SANG NHÀ HÀNG XÓM

SEN I

LÃO KIẾT

LÃO KIẾT tay ôm tráp bạc, tay cầm cuốc —
Thật có của cũng là một tai nạn! Người ta bảo
« ăn thịt cáy thì ngáy o o, ăn thịt bò thì lo ngay
ngáy », thế mà tôi thịt bò chả được ăn mà lắm
lúc nằm chợt nghĩ tiền bạc lại rất mình thon
thót! Tôi làm ăn chặt bóp ba bốn năm nay để
rành được một món là bốn trăm đồng. Từ rạo
tháng một đến giờ, trộm cướp nổi lên lung tung,
nên tôi lo-lắng quá. Tôi đã nhanh trí khôn đời
lấy bốn tờ giấy một trăm, ngày thì ép vào nếp
khăn đội trên đầu, tối thì để dưới gối. Nhưng mà
tôi ngủ chả ngon giấc lúc nào, vì tôi cứ nghĩ u
cháu nó nằm ngay bên cạnh. Nó biết tôi có tiền
mà lấy đi, thì thà nó cắt cổ mồ họng tôi không
bằng. Số là trước kia, tôi có cho nó vay. Vì tình
vợ chồng, tôi lấy nhẹ lãi, có mười phân thôi,
nhưng phải nói dối là đi vay hộ nó. Đến nay, nó
đã trả cả gốc lãi sòng phẳng, nhưng lại nói với
tôi đi vay cho nó chỗ khác để lo cho thằng Cả
nhà tôi ra khán thủ. Vì vậy nó mà vợ được món
này thì chết tôi. Cho nên tôi nghĩ ra một kế, là
theo gương cô nhân, đem ra vườn chôn quách
xuống đất là kín đáo nhất. (Tim chỗ) Ừ, vườn
này tiếng rằng hờ nhưng mà hờ kín, còn chắc
chắn bằng vụn trong buồng, kín mà kín hờ. (Thở
dài) Tôi làm ăn lương thiện, chắc rằng ở hiền
gặp lành. Tôi chỉ làm giàu bằng nghề cho vay
lãi có hai mươi phân, chứ không bóp hầu bóp cổ
ai, không hút máu hút mỡ ai, vậy xin Quỷ thần
Thiên Địa chứng minh cho tôi. Hiện bây giờ u
nó nhà tôi với thằng Cả đi vắng, tôi phải đem
chôn ngay bạc đi mới được. (Tim chỗ) Ừ, chỗ
này tiện lợi nhất, dễ nhận nhất. Ngày ngày tôi
có thể ra đây thăm nom luôn được.

Có tiếng chó cắn, lão Kiết dẩu chap vào trong

áo, đứng nghe. Một lát thấy yên, mới đặt chap
xuống đất, lấy cuốc đào, thì :

SEN II

LÃO KIẾT — NGƯỜI HÀNG XÓM

NGƯỜI HÀNG XÓM dòm sang hàng rào thấy
lão Kiết đang lúi húi đào, bèn nấp một sớ. Đào
xong, lão Kiết chôn chap bạc rồi mỉm cười, thở
dài một cách sung-sướng — Ừ, bây giờ thì có
thành biết! Các cụ ta ngày xưa nghĩ và làm cái
gì cũng chí lý thật. Chap bạc này mà tôi không
chôn vào đây, thì không biết bao giờ tôi mới có
thể yên tâm được. Thôi thì từ nay tha hồ ăn no
ngủ kỹ. (Vào)

SEN III

NGƯỜI HÀNG XÓM

Người hàng xóm lách qua hàng rào, sang vườn
Lão Kiết, rồi nhìn theo phía lão, cười. — Từ nay
tha hồ mà ăn no ngủ kỹ! Hà! hà! Hân thắng chả
này chôn bạc. Nó giàu mà kiệt, tôi cho nó một
vố này cho bổ tức. Ai lại ở cạnh nhà nhau, mà

Ngày xuân với học-trò hội Truyền-bá quốc-ngữ

Tết năm nay tôi sung-sướng
hơn những tết trước, vì tôi
đã được hội truyền Bá Quốc
ngữ dạy cho biết đọc, biết viết.
Nay đọc được những sách, báo
tết ra hiểu được những cái
hay trong sách báo ấy, tôi
lấy làm thích lắm.

Đào-ngọc-Quế

Học-trò trường Bờ-Sông HANOI

Khóa thứ 9

nhà nó có đèn để thấp ban tối, tôi bảo nó cho khoét tí vách nhà nó sang, để tôi nhờ ánh sáng sang bên nhà tôi, mà nó không bằng lòng, đòi rằng có thuê ba hào một tháng thì nó mới cho khoét! Ai lại bắt nhân đến như thế bao giờ. Hàng xóm láng giềng nên ăn ở với nhau cho có tình. Nó đã không có tình với tôi, tội gì tôi tha nó phen này. Với lại để báo thù hôm nọ nó mất gà nữa. Nó biết rằng tôi lấy, nên cứ bảo vợ nó chõ sang bên tôi rêu ông tam đại tứ đại thẳng ăn cắp gà lên mà chửi, thì có giận không. (Tim chõ Lão Kiệt chôn bạc) Ồ, đây rồi, chõ đất mới lấp mới để nhận làm sao (Hai tay bới đất) Gớm, nó lên mới chật chứ! (Lấy được chập lên) Ồ! nào xem phen này hai ta đũa nào được ăn no ngủ kỹ nào! Ra số giàu đem đến rưng - rưng thật! (Mở chập ra đếm)



Sướng quá! Bốn trăm! Mình làm ăn bao giờ cho được số tiền này! Thôi, phen này tôi tha hồ mà tậu nhà tậu ruộng (có tiếng chó cắn, người hàng xóm vội lấp hố rồi lui về, sắp lại hàng rào).

SEN IV

LÃO KIẾT

LÃO KIẾT (lững - thững ra vườn). — Quái, động dạng gì ở ngoài này thế này. Ủ nó với thằng Cẩu chưa về, thì ai có ở vườn này mà chó sủa rầm lên thế. (Đi đến chỗ chôn bạc) Tôi chôn tiền ở vườn, có mà thánh biết (bỗng ngơ ngác) Ồ! quái, cái que tôi cắm để đánh giấu, sao lại đổ xuống thế này? Thôi chết rồi, ai bới đất lung lung lên thế này? (Run rẩy lấy hai tay đào đất lên. Một lát, mếu máo). Thế này thì tôi chết mất, trời đất ơi! Đũa nào lấy mất chập bạc của tôi rồi! Khô thân tôi thế này (hu hu khóc) Ồi trời đất cha mẹ ơi! Thà mày giết cả nhà tao đi còn hơn...

SEN V

THÊM NGƯỜI HÀNG XÓM

(Người hàng xóm đi ở bờ rào bên kia để dò tin tức, lão Kiệt thoáng trông thấy).

SEN VI

LÃO KIẾT

LÃO KIẾT (nghĩ-ngợi một lát, gật đầu). — Hay lại nó? Nhưng sao nó lấy nhanh thế được? Ủ,

chỉ nó chứ có còn ai? Ra có anh hàng xóm gian giảo cũng khó chịu thực. Mà không những nó gian giảo, còn tham-lam vô độ nữa. Hôm qua, trời mưa to vì máng hỏng, nước ở giọt danh mái sau nhà tôi chảy sang sân nhà nó, thế mà nó lấy ngay nồi hông ra hứng, đòi thế nào cũng không trả! Gớm, quân đều giả thế đấy! Thì ra lúc nào nó cũng dòm dò nhà tôi. Hẳn nó nấp ở đâu, biết tôi chôn bạc, rồi lấy mất. (Nghĩ - ngợi) Tôi mà mất bạc thì tha tôi đi tự-tử cho rảnh đời. Sống làm gì với hai bàn tay trắng. Đời tôi chỉ lấy mấy tờ giấy bạc ấy làm vui. Nay thế này, thì vui gì mà sống nữa. (Toan đập đầu vào gốc cây). Nhưng mà mình chết để nó sống sung-sướng, sống sung-sướng bằng của mồ hôi nước mắt của mình, rồi nó cũng cười cho! (Nghĩ-ngợi) Ồ, phải (gật đầu mấy cái) tôi phải nghĩ kế lấy lại mới được... Thằng này vốn tham lam. Tôi phải lấy cái tham lam để bẫy nó. Phải, được rồi... Ủ, mày mà tham thì mày chết (Chợt người hàng xóm đi trở lại).

SEN VII

LÃO KIẾT — NGƯỜI HÀNG XÓM

LÃO KIẾT (gọi). — Kia, bác! đi đâu mà có vẻ hơn hở thế. Sang đây chơi đã.

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Ờ kia cụ, cụ làm gì mà ra vườn thế, lại đứng chơi mát đấy chứ gì?

LÃO KIẾT. — Vâng, và tôi cũng có một tý việc đang nghĩ-ngợi mãi không ra.

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Việc gì thế? Lành hay dữ?

LÃO KIẾT. — Lành thôi, tôi thì có việc gì là việc dữ nữa. Bác có rỗi sang chơi bên này, để bàn hộ xem, ngộ có giúp tôi được ý gì hay không?

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Cụ lại định giồng thêm cây thêm cối gì ở vườn này chứ gì. Nào thì sang, nhưng sang bằng lối nào mới được chứ. Hai nhà

ĐÃ TÁI BẢN:

PHỤ-NỮ với GIA-ĐÌNH

(hay là những phương-pháp giản-dị trở nên người đàn bà đẹp cả về phần xác lẫn phần hồn. Những bí-quyết gây hạnh phúc yêu đương mà bạn gái nào cũng nên biết để sống cuộc đời mới).

Tác-giả: **Dũng-Kim**

Giá: **1p20**

SẮP CÓ BẢN:

PHỤ-NỮ với HÔN-NHÂN của Viên-Đình

PHỤ-NỮ với XÃ-HỘI của Nguyễn-lương-Bích

ĐÀN-BÀ với TÌNH YÊU của Lan-Khai

ĐỜI MỚI XUẤT-BẢN

tiếng rằng gần nhau, nhưng gần nhà xa ngõ. Lắm lúc tôi muốn sang chơi bên cụ, chỉ ngại cái lối đi.

LÃO KIẾT. — Bác xem có cái rào nào yếu thì rút nó lên mà lách sang cũng được mà.

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Phải, chứ công nhà cụ lúc nào cũng đóng im ỉm, và đàn chó dữ như đàn hùm. (Lấy tay sờ cái rào ban nãy)

LÃO KIẾT (để ý gạt đầu một mình).

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Nào, cụ định hỏi gì nào?

LÃO KIẾT. — Này, bác ạ. Phương-ngôn có câu bán anh em xa, mua láng giềng gần, thực là đúng lắm. Tôi được láng-giềng thực-thà như bác, thật là sung-sướng.

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Phải.

LÃO KIẾT. — Mà cũng là người tốt nhin nữa. Vì nếu không nghĩ tình láng giềng với nhau, mà ngày nọ nhà tôi mất gà cứ neho neho lên như thế...

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Phải, không phải là tôi thì ai người ta nhin đến thế được. Tôi chỉ nghĩ rằng việc đời dù kín đến đâu, rồi một ngày nó một ra, chứ dấu-diểm thế nào được mãi. Đây, cụ xem, cụ bà cứ nghi tôi lấy gà, chứ gà cụ mất, có một ngày ra đâu, nào?

LÃO KIẾT. — Không, nhà tôi đâu dám nghi bác. Nghĩa là trò đàn bà mất của thì hay tức, tức thì chửi. Vả lại thấy bên bờ dậu phía nhà bác có ít lông gà mới, đúng như lông gà nhà tôi, thì chửi gọi là làm phép, cho láng mạc khỏi cười là mất của phải im, chứ có nghi-ngờ gì ai đâu.

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Mấy lị nếu bảo tôi lấy, phải có tang-chứng chứ.

LÃO KIẾT. — Phải, thôi, xin bác đừng nghi ngại gì nữa. Từ hôm ấy đến nay, tôi giận nhà tôi quá, nên việc to việc nhỏ trong nhà, tôi nhất quyết không bàn bạc gì với nhà tôi nữa.

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Cụ xử thế chỉ phải.

LÃO KIẾT. — Nhưng một mình tôi tính toán việc nhà thì già nua lẫn-căn, lắm lúc nghĩ không ra, tôi sợ nghĩ một đường, lại làm một nẻo, thì hỏng.

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Hổng là thường chứ.

LÃO KIẾT. — Cho nên tôi gặp bác và mời bác sang tính toán hộ việc nhà.

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Vâng, xin cụ cứ nói.

LÃO KIẾT. — Rồi tôi phải làm cái công ở hàng rào này để thỉnh-thoảng mời bác sang bàn việc nữa mới được.

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Thế thì hay lắm, nhưng cụ hãy giết lủ chó nhà cụ đi trước đã.

LÃO KIẾT. — Ấy bán chứ, ai lại giết có phi

không.

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Vâng, tùy cụ.

LÃO KIẾT. — Bác ạ, chả nói dấu gì bác, tôi có món tiền riêng, làm ăn mấy năm nay...

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Thế à?

LÃO KIẾT. — Mà tôi không muốn cho nhà tôi biết.

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Đem mà cho vay, cụ ạ. Thế cụ có bao nhiêu?

LÃO KIẾT. — Tôi có cả thầy tám trăm. Tôi không muốn cho ai vay, tôi muốn giấu kín đi.

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Giấu kín bằng cách nào?

LÃO KIẾT (ghè tai). — Tôi đem chôn, bác ạ.

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Chôn à? Ừ, chôn thì chắc đấy.

LÃO KIẾT. — Ồ, thế thì bác với tôi thật là tri kỷ. Đem chôn thì chắc đấy, bác nhỉ.

Ông Đào-văn-Khang tác-giả quyển :
THANH - NIÊN KHỎE



« THANH-NIÊN KHỎE » là quyển sách rất ích lợi cho những bạn trẻ muốn biết cách luyện-tập thân-thể cho cường-tráng và cách tự-vệ ngoài đường. Sách gần 200 trang, 200 hình vẽ, soạn rất công phu. Giá 1p00. Đợt Mới xuất-bản.

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Chắc lắm chứ, còn ai biết nữa.

LÃO KIẾT. — Bác đừng nói với ai nhé. Tôi đã chôn bốn trăm rồi.

NGƯỜI HÀNG XÓM (vờ). — Thế à? Cụ chôn bốn trăm rồi à?

LÃO KIẾT. — Phải. Tôi chôn rồi. Sao bác đồng ý với tôi thế. Thích quá nhỉ!

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Ồ, thế nào gọi là hàng xóm láng giềng. Không đồng ý với nhau ai ở được với nhau. Thế cụ bây giờ hẳn là yên tâm lắm.

LÃO KIẾT. — Yên tâm thì cố nhiên là yên tâm. Nhưng tôi chỉ yên tâm một nửa.

NGƯỜI HÀNG XÓM (rất mình). — Sao? Sao cụ lại chỉ yên tâm có một nửa?

LÃO KIẾT. — Là vì tôi mới chôn có bốn trăm. Còn bốn trăm nữa, tôi chưa chôn nên thấp-thỏm lắm.

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Thấp-thỏm là phải chứ, ai bảo cụ không đem chôn cả đi cho xong.

LÃO KIẾT. — Thế tôi mới, đại vậy bác bảo tôi có nên đem chôn nốt hay không?

NGƯỜI HÀNG XÓM. — Thì dễ làm gì cho thêm thấp-thỏm.

L. K. — Ấy đấy, già hay lẫn-cẩn thế đấy. Nhưng, bác ạ, không biết tôi nên chôn vào chỗ cũ, hay nên chôn vào chỗ khác nhỉ?

N. H. X. (vui sướng, nhưng vờ nghĩ-ngợi) — Cụ chôn vào chỗ cũ hơn, để thỉnh-thoảng ra thăm nom cho tiện chứ?

L. K. — Nhưng tôi sợ mất thì mất cả. Tôi chôn vào hai nơi, thì có mất cũng chỉ mất một nửa.

N. H. X. (cười khẩy) — Cụ chôn để mong mất à?

L. K. (cũng cười) — Ừ nhỉ, tôi quần quá.

N. H. X. — Cụ chôn làm hai chỗ, kẻ trộm nó dễ thấy hơn, vì có hai nơi, nó chẳng thấy món nọ thì nó thấy món kia, chứ cụ chôn một nơi, thì chỉ một chỗ, nó mới khó tìm.

L. N. — Vả lại ngoài bác với tôi ra, còn đứa nào gian giảo biết nữa đâu nhỉ.

N. H. X. — Phải.

L. K. — Nhưng bác đừng nói với ai nhé.

N. H. X. — Ồ, cụ cứ phải dặn, người hay vật lại đại-dột như thế.

L. K. — Bác đừng nói chuyện gì cả với nhà tôi nữa nhé.

N. H. X. — Không, ai lại trống truyện như thế được.

L. K. — Thế bác bảo tôi nên chôn vào chỗ cũ à?

N. H. X. — Phải, chôn chỗ cũ chứ ai chôn chỗ mới bao giờ.

Câu đôi Tết

— Thường « Xuân Đới Mới », say-sưa bên tác - phẩm văn - chương, muôn chữ khoe hay: nào thơ, nào truyện khôi-hài, nào tiểu-thuyết, nào kịch vui, truyện ngắn...

— Chơi « Tết Quý-Mùi », ngây-ngất trước công-trình mỹ - thuật, trăm màu phô thắm: này ảnh, này tranh hoạt-họa, này thiếu-nữ, này cúc nở, đào tươi ..

D. H. I.

L. K. (nghĩ một lát, rồi cười ngặt-nghèo) — Ừ, ra bác trẻ-trung bao giờ cũng mưu-mô hơn tôi thật.

N. H. X. — Tôi mưu-mô gì?

L. K. — Không; là tôi nói mưu-mô công việc sáng-suốt hơn tôi. Giá để mình tôi, thì tôi đã chôn làm hai chỗ rồi đấy. Phải, chôn làm một chỗ vẫn hơn. Phải, thỉnh-thoảng còn phải ra thăm nom cho tiện chứ.

N. H. X. — Thôi, tôi bận chút việc ở nhà, cụ nghỉ nhé. Bao giờ cụ cần bàn-bạc điều gì, cụ cứ gọi.

L. K. — Vâng, già ơn bác. Tôi nhất định nghe bác đấy. Tôi phải đi làm ngay mới được.

(Người hàng xóm về nhà. Lão Kiết vào.)

SEN VIII

NGƯỜI HÀNG XÓM

(Người hàng xóm tay ôm tráp bạc, cười khi khi)

— Mày ngốc, cho mày chết. Ai bảo mày đại-dột, lại hỏi ý tao. Đây nhé, tráp bạc này đã vào tay tao, nhưng tao hãy cho mày mượn một lúc để mày bỏ nốt bốn trăm của mày, rồi tao mới lấy cho gọn chuyện! Ai ngờ già mà đại! Hỏi ai không hỏi, đi hỏi ngay thằng này! Tin thằng này lắm, thì chết! Sao mà mình may thế. Nó lại trông thấy mình mà gọi sang, bàn giúp việc, không có nó chôn chỗ khác mất thì thật phí của. Tôi chôn tráp cái tráp với món tiền cũ của nó vào chỗ cũ, thực là mưu-mô cao-kỳ. Nó đào lên, thấy tiền vẫn còn nguyên, yên tâm là chắc-chắn, mới bỏ nốt bốn trăm nữa vào đó. Tiêu cả tám trăm phen này mới sung-sướng làm sao! Tha hồ mà may-mặc, tậu ruộng tậu nương (ngồi xuống bới đất). Ai ngờ thần tài nhà nó lại chạy sang nhà tôi. (chôn tráp bạc và lấp đất) Không biết ông cha tôi tu-nhân tích-đức đến thế

nào nên tôi mới được hưởng phúc thể này! (đứng dậy). Nào, để rồi xem từ nay thằng nào làm bộ với thằng nào. Mày có lạy tao, tao cũng không cho vay một đồng xu nhỏ (vào).

Sân-khẩu vắng một lát.

SEN IX LÃO KIỆT

L. K. (túm-túm). — Mày mà tham tâm là mày mắc mưu tao phen này. Tôi nói dối nó là có tám trăm, chứ kỳ thực có đâu? Nhưng nó muốn nuốt nốt bốn trăm nữa của tôi thì phải đề trả vào chỗ cũ cả chấp lẫn tiền. Nó làm như vậy là để cho tôi mắc mưu, nhưng không biết thằng nào mắc mưu thằng nào! Tôi thì làm cho nó chết điếng mới được. (Ngồi xuống, quay lưng ra phía hàng rào, đào đất. Lúc ấy, người hàng xóm ra đình, nhấp nhòm, khoai tri lăm. Lão Kiệt trông thấy, nhưng giả vờ, cứ làm việc như thường. Lão lấy chấp, đếm lại giấy bạc, thấy còn nguyên, sướng quá, đập chấp lại chôn xuống chỗ cũ, lấp đất, rồi đứng giây. Người hàng xóm chạy thụt vào trong).

L. K. — Bây giờ có thánh lấy nổi.

N. H. X. (lại thập thò, tay cầm cuốc.)

L. K. (bỗng quay sang gọi) — Bác ơi! (lại gọi) bác ơi!

TIẾNG N. H. X. — Gì thế cụ? Tôi đang bận một tý, chốc tôi sang có được không ạ.

L. K. — Bác sang ngay, tôi có tý việc cần hỏi bác.

SEN X

LÃO KIỆT, NGƯỜI HÀNG XÓM

N. H. X. (vờ) — Gớm, tôi đang dở tay, cụ có việc gì cần thế?

L. K. (hớn hờ) — Tôi chôn cả tám trăm vào chỗ cũ rồi. Cảm ơn bác nghĩ cho cái mưu cao quá.

N. H. X. (cũng đắc tri). - - Mưu cao lắm chứ lì.

L. K. — Như vậy còn ai lấy nổi của tôi nữa.

N. H. X. — Phải. Cụ chôn cả tám trăm vào chỗ cũ rồi à?

L. K. — Phải, giá tôi còn tiền thì tôi quyết chôn cả vào đấy.

N. H. X. — Thế cụ chỉ có tám trăm ấy thôi à?

L. K. — Vâng, tôi muốn mời bác sang, để cảm ơn bác và dặn bác kỹ rằng bác đừng chuyện trò với ai cả nhé.

N. H. X. — Cụ cần-thận quá.

L. K. — Thế là từ nay tôi yên tâm. À, tôi cần đến đảng ông Lý có tí việc, thôi, bác lại nhà nhé.

N. H. X. (vui sướng). — Vâng.

Lão Kiệt quay lưng, bước vài bước. Người hàng xóm trông theo, bụng miệng cười, trở xuống chỗ chôn bạc rồi cũng đi vào, đắc tri. Nhưng lão Kiệt chột quay lại.

L. K. (gọi). — Này, bác ạ?

N. H. X. (quay lại). — Gì thế cụ?

L. K. — Nhờ bác đứng lại, coi cho tôi làm việc này.

N. H. X. — Việc gì.

L. K. (đến chỗ chôn bạc). — Nhờ bác đến đây.

N. H. X. — Vâng.

L. K. (ngồi xuống, đào đất, lấy chấp lên, ôm chặt vào hai cánh tay, cười khà khà). — Thôi, bác ạ, cảm ơn bác nhé, tôi lấy lên chứ chả chôn nữa.

N. H. X. (chết điếng). — Ờ kia, cụ, sao đại thế?

L. K. (vừa đi vừa cười) — Vâng, thằng nào đại thằng ấy chết!

N. H. X. (chạy theo). — Ồi! cụ ơi!

HẠ MÀN THẬT NHANH



Cũng thường xuân

MUỖU

Rượu xuân hăm để uống nồng,

Thơ xuân ngâm để dịu lòng mười phương,

Hoa xuân cười để tung hương,

Pháo xuân nổ để chiến-trường cũng xuân.

NÓI

Xuân về hoa đua nở,

Dục khách trần sự nhớ truyện xuân qua,

Trời xuân chung, chang khắp mọi nhà,

Thường xuân, khách bầy hoa đặt rượu.

Ôn cung kiếm tung năm ba điệu,

Giở đối thi thảo mấy chục bài.

Mỗi xuân sang là một cảm hoài,

Xuân tươi thắm tô lòng người thắm lại.

Nghĩ đến chữ: xuân qua bất tái.

Những xuân xưa hồ hải biết gì xuân.

Thường xuân còn mấy chục lần?

HOÀNG-VĂN-SỰ

CÔNG VÀ NGỒNG

TRUYỆN TẾT của GIAO-CHI

Ông Giáo Nhè bỗng đặt cái chén xuống khay và hỏi :

— Mua gì được nhỉ ?

Bà Giáo giật mình đến thót một cái, ngờ-ngác nhìn chồng. Ông Giáo Nhè cau mặt, gắt :

-- Mua gì để đưa sang ông bà, tết cụ ấy mà ? Hai mươi tám Tết rồi !

Bà Giáo đã hiểu — bà hiểu hết cả nghĩa hai tiếng «Mua gì?» ấy.

Cứ mỗi năm, đến Tết Nguyên-Đán, theo lệ thường, ông Giáo Nhè và các em trai, gái khác đều đã ở riêng hay chưa, đều phải mua đồ, lễ đưa sang hai ông bà thân-sinh để... «Tết cụ».

Hai tiếng «mua gì» có nhiều ý nghĩa lắm !

Mua gì ? Tức là phải mua thứ gì không tốn tiền lắm mà lại «trông được» ! Thật là cả một bài tính khó-khăn — Lệ thường, ông Giáo-Nhè và các em, ai cũng bỏ ra ba đồng «mua gì» để Tết cụ. Nhưng ai cũng muốn tuy chỉ có ba đồng mà đồ-lễ của mình phải to hơn đồ-lễ của người khác !

Số tiền đã đều nhau thì các con phải đua nhau về tài khéo mua, khéo bán. Từ mấy hôm nay, ông Giáo Nhè nát óc lo-nghĩ, tính-toán xem với ba đồng, có thể mua thứ gì trông nó... «to to» được. Ông mãi xuy nghĩ xem làm thế nào cái lòng... hiểu của mình to hơn cái lòng hiểu của các em, vì thế ông không được vui.

Ông đã ôn lại bao nhiêu thứ đồ nấu mà ông thuộc hơn những bài «Leçons de choses». Nào bong-bóng, nào ngự, nào mực Bắc-Hải... Ông bĩu môi :

— Hém ! Những thứ ấy, với ba đồng, phỏng mua được là bao !

Một gói con bọc giấy bản ! Trông cổ lắm ! Phải tìm thứ gì trông to to cơ !.

Ông nghĩ đã qua năm hôm mà chưa tìm thấy thứ gì cả ! Ngoài phố, những cảnh đào đỏ ối đi qua đi lại, càng làm cho ông sốt ruột, vì cái Tết đã vùn-vụt đến sau lưng. Hôm nay, gần ngày quá, ông đành... hạ mình hỏi ý-kiến vợ vậy, một điều mà ông không thích vì ông quen tính dạy người khác, chứ không chịu ai dạy mình. Vì thế mới có câu hỏi vợ đột-ngột :

« — Mua gì được nhỉ ? ».

Bà Giáo khi hiểu được ý chồng, sung-sướng vì một việc... tầy trời ấy, mà chồng cũng chịu bàn-bạc với mình — Bà nghiêng cái đầu, chống nẹ cánh tay vào sườn ngắm-nghĩ...Giáng-điệu còn có vẻ «quan-trọng» gấp trăm lần ông.

Một việc như thế, quan-trọng thật ! Chả mấy khi chồng hỏi đến, phải nghĩ cho ra chữ ! Nên một hồi lâu sau, bà lim-dim hai mắt làm một cuộc du-lịch tưởng-tượng quanh chợ lính nhà, bà sung-sướng trả lời :

— Hay là ta mua đôi ngỗng và một quả con gao nếp ?

Ông Giáo-Nhè vừa nghe, đã nheo trán lại. Ông thấy hình như những thứ ấy đắt lắm, tốn trên ba đồng bạc ! Lòng hiểu của ông chỉ có ba đồng thôi, không hơn, không kém ! Ba đồng một cái Tết Cụ là phải lắm, là đại hiểu lắm rồi !

Tiền quá ba đồng ? Làm gì có con cháu nào lại hiểu đến thế ! Trong ba anh em giai của ông và ba chị em gái của ông đã lấy chồng chắc chả có ai lại... hiểu những ba đồng hơn ! Nên ông vội cau



mày lại toan mắng vợ, nhưng nghĩ mắng thế, nhờ vợ tinh ý biết là mình tính chữ hiểu chắt-chiu quá, vợ khinh mình đi, nên ông vừa cho cái trán cau lại, lại để cho nó răn thẳng ra ngay và dịu giọng hỏi :

— Thế mua mất đô bao nhiêu tất cả ?

Bà Giáo nhăm nhăm :

— Khéo mua ra chỉ mất hai đồng sáu đôi ngỗng đã trông được. Còn gao nếp thì đông năm hào gọi là có, san phẳng cho kín cái đáy quả sơn, trông đã...đẹp. Nếu muốn hơn hẳn các cô, các chú ấy, mình mua thêm hai chai rượu trắng, thì có giới ăn đứt. Tất cả chỉ tốn thêm một đồng nữa, gọi là các cô, chú ấy mua bán tài giỏi đến đâu cũng phải thua mình !

Ông Giáo Nhè ngồi lắng tai nghe, chăm-chú hơn nghe học-trò đọc bài. Ông không ngờ vợ ông lại có tài nội-t trợ thế ! Thế mà từ trước đến nay, mỗi lần mua đồ Tết Cụ, ông chả chịu bàn với vợ, cứ «độc-đoán» sai người nhà đi mua — Nên hỏi vợ, có phải mấy lần Tết trước ông đã hơn hẳn các cô, chú ấy rồi không !

Ông ngắm-nghĩ một lát, thở dài sung-sướng :

— Ừ ! Thêm có một đồng bạc, mà trông to thật !

Ông Giáo Nhè sung-sướng, bà Giáo Nhè sung-sướng — Thế là trên

đường hiếu-thảo, ông chắc chắn đã bước nhanh hơn các em một bước, là hơn một... đồng! Phen này, hôm Tết, sẽ biết tay nhau!

Mùng một Tết đã đến với hoa đào tươi đỏ, với tiếng pháo rộn-rã, với đèn nến sáng choang và hương trầm khói tỏa trên ban thờ Cụ.

Ông Giáo Nhè đã chắt bộ quần áo tây «se-vit» để thắng bộ nam-phục. Ngày mùng một Tết năm nay ông sung-sướng vui-vẻ hơn ngày mùng một Tết năm ngoái nhiều và từ sáng đến giờ, ông đã hết sức dò xem các đồ lễ của các em đưa sang để so-sánh.

Quả thật như lòng ông mong-trước. Các đồ lễ của ba cô em ông đưa sang hai cụ thân-sinh sao mà trông thăm thế! Người thì một gói long-tu, người thì gói vẩy, người thì bọc bóng sộc-sộc, trông chẳng ra sao cả! Mà nào có ít tiền đâu! Mỗi thứ tinh ra cũng trên ba đồng cả.

Ông Giáo và vợ sung-sướng nhìn quả gạo nếp có kèm thêm hai chai rượu, nhất là đôi ngỗng mới đẹp làm sao! Tinh ra ông Giáo phải bỏ ra những bốn đồng mốt. Nhưng chắc! Một năm có một lần. Một đồng nữa đã oai bao nhiêu! Bà Giáo đi qua đi lại, cố ý quệt gấu quần sa-tanh trắng vào mớ hai con ngỗng, làm cho chúng kêu «coac, coac»... Thật là âm-ỹ, vui-vẻ!

Ba cô em tức lắm, lặng ngẫm những bọc vẩy, bóng, long-tu của mình mà hậm-hực. Bả cô ngẫm-ngẫm biết thế mình cũng mua ngỗng cho xong! Bốn đôi ngỗng nó kêu «coac-coac», thì phải biết! Mà có phải cũng chỉ ngang nhau, chẳng ai hơn ai! Mua vẩy, mua bóng, thế mà đại! Chúng nằm im lìm trong bọc, chẳng kêu được một tiếng nào! Nếu chúng có miệng, biết đâu chúng chẳng hét:

— «Vây đây, vây hảo-hạng, ba đồng tư một lạng đây!»

— «Long-tu đây! long-tu hảo-hạng đây! ba đồng rưỡi một lạng đây! mở ra mà xem nào!»

Thế có phải họ-hàng ai cũng biết là lễ-vật chỉ hơn kém nhau có dăm ba hào không! Chết một cái là chẳng cái bọc nào nói lên được

một tiếng. Chả lẽ lại người nói họ, không sang-trọng tí nào, dẫu là nhắc khéo-léo đến giá tiền.

Hai con ngỗng được trọng-đãi đến nỗi chúng bầy cả ra nhà mà không ai nói đến vì chúng hứa-hẹn bao nhiêu đĩa ngon lành, nào sào, nào nấu, nào rán. Lại còn tiết-canh nữa. Món tiết-canh ngỗng là món cụ ông nhà thích nhắm rượu nhất.

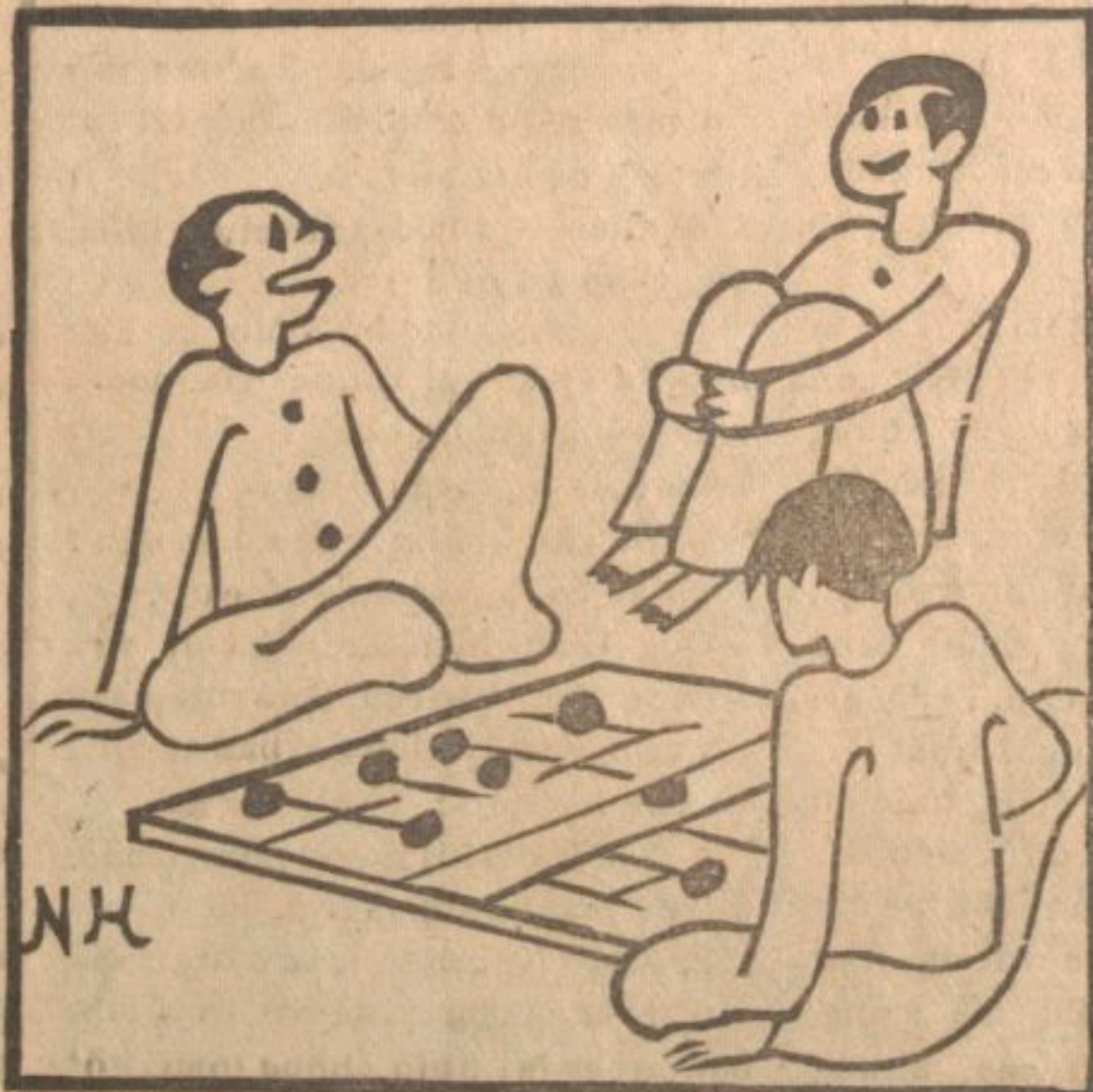
Hai vợ chồng ông Giáo cả sung-sướng lắm. Riêng ông sung-sướng hơn. Ông cầm chắc phen này thắng các em. Ông lầm-nhầm:

— «Chắc chắc nữa, chú Hai và chú Ba ở Hanoi xuống cũng chỉ đưa đến lễ, táo là cùng. Lại cũng như mọi năm chứ gì! Đẹp làm sao bằng đôi ngỗng!»

Trong tất cả họ-hàng, con cháu, chính ông Giáo Nhè là người mong chú Hai và chú Ba về hơn hết, không phải vì nhớ mà vì mong gặp để so-sánh lễ-vật Tết Cụ!

Ông chạy ra, chạy vào, lại nhìn ra phía cửa. Một cái xe tay chạy qua cũng làm cho lòng ông hồi-hộp. Trong ván bài hiếu-thảo năm nay, ông đã rút được mười cử sừng, chỉ lo người khác có mười ông cụ.

Ông nghĩ hối-hận sao... không bỏ ra cả năm đồng mua lễ vật, còn tiếc rẻ một đồng nữa làm gì để phải lo nghĩ.



Hai bác phong-lưu thật, lên xe xuống ngựa luôn,

Một chiếc xe tay, hai chiếc xe tay đổ trước cửa.

— «A! Hai chú đã về!»

Một điều ông nhận ra trước mọi người là có hai chú đều về tay không cả, chẳng có va-ly gì cả. Thế thì lễ vật hai chú để đâu? Ông Giáo Nhè ngẫm-nghĩ hai em như ngẫm hai cái quái vật, cố tìm đề hiểu xem hai chú đưa thức gì về giỏ cụ.

Ông Giáo Nhè kèm sát hai chú, không xa nửa bước, xem hai chú thừa với hai cụ ra sao về món lễ-vật. Nghĩ đến cảnh hai chú ở Hanoi vốn tính chơi-bời vong-mạng, ông lầm-bầm: — «Hay là lại về với hai bàn tay trắng đây thôi, hai ông tướng cũng chơi lắm cơ, có lẽ cũng chỉ đủ hai xuất tầu là may!»

Ông Giáo Nhè không ngờ mình là một nhà mô-phạm và đứng trưỡng mà lại có những ý-tưởng «sát đất» thế! Nhưng chắc vì lòng «hiếu» của ông mạnh quá nên ông mới bận tâm về giá cả của lễ-vật đến thế!...

Sau khi «hàn-huyên», chú Hai.. móc ví lấy ra bốn tờ giấy con công, nhẹ-nhàng để lên trên bàn trước mặt hai cụ thân-sinh và thưa:

— Thưa thầy me, chúng con được nghỉ chậm quá, vội về nên chưa kịp mua thức gì về Tết Cụ. Chúng con nghĩ thức gì thì thầy me cũng có rồi, nên chú Ba và con

mạn phép đưa biểu thầy me hai chục đề thầy me tiêu thêm trong ngày Tết...

Thật là một tiếng sét đánh ngang tai cũng không làm ông Giáo Nhè rất mình bằng khi nghe chú Hai nói. Ông lặng cả người! Tuy ngày Tết giá lạnh mà ông thấy người nóng bừng-bùng. Thật là bất ngờ quá lắm! Chú Hai và chú Ba lấy tiền đâu ra mà nhiên thế? Mỗi chú một chục bạc! Hai cụ



ĐÔI CHIM NON

Ảnh Lê-dinh-Chữ

thân-sinh đương lúc túng đã toan gọi bán một cái nhà, thì chắc một số tiền lúc này đến phải lúc hơn là một đôi ngỗng. Một chục, chứ nữa, mình cũng có thể bỏ ra được nếu mình biết trước là hai chú ấy đưa tiền. Chắc là hai chú ấy được bạc hay thế nào, chứ làm gì mà làm tiền thế. Nhưng được bạc hay sao, thì bốn tờ con công vẫn là bốn tờ con công, chứ có phải là bốn tờ giấy trắng đâu. Ông Giáo Nhè khổ sở thấy mình thua hai em. Ông lo, ông lo mất lòng yêu của hai cụ thân-sinh.

Ông như người mất trí... Thế là hai con ngỗng, trời ơi! Hai con ngỗng của ông sao bây giờ chúng nó... chúng nó vô giá-trị thế. Nó chỉ bé bằng hai con chim sẻ. Hai con ngỗng. Gọi là hai con ngỗng... giờ đây nữa thì cũng chẳng đáng kể vào đâu cạnh hai con... «công».

Có tiếng một cô em gái quát:

— Thằng bếp đâu? Mang hai con ngỗng nhốt vào lồng dưới bếp đi. Để nó bây bữa cả ra nhà thế kia à?

Ông Giáo Nhè nghe tưởng như cô em vừa mới gọi ông mà mắng. Ông toan mắng một câu, nhưng mắng làm gì khi hai con ngỗng của

ông còn có là hai cái chốt của ngày Tết nữa đâu.

Ông thấy ông khổ-sở nhất đời. Ông thấy ngày Tết năm nay buồn quá. Ông lăm-lăm, li-li, đi lung tim vợ; ông lung từ nhà trên đến nhà dưới, mãi tới bếp ông mới tóm được bà giáo đương ngồi thái đồ nấu. Ông bấm, gọi vợ ra một chỗ và thét rất vô-lý:

— Ngỗng... Ngỗng! Tại sao mợ lại mua ngỗng, tại sao mợ lại sui tôi mua ngỗng hở?

Bà Giáo còn ngờ-ngác chưa hiểu, ông Giáo lại quát:

— Sao lại ngỗng hở? Mợ có biết hai chú ấy đưa gì không? Hai con... con «công», nghe chưa?

Bà Giáo ngay-thật, hỏi:

— Đâu? đâu? Hai con công đâu? Nó mua có đẹp không hở cậu?

Ông Giáo hậm-hực vừa đi vừa kéo vợ lên nhà trên. Đứng nấp sau cái rèm, ông chỉ lên cái bàn sa-lông và bảo bà Giáo:

— Kia! Kia! Hai con công nằm ở trên mặt bàn kia chứ đâu.

Bà Giáo Nhè ngờ-ngác chưa hiểu sao hai con công lại nằm ở trên mặt bàn, quay lại nhìn chồng toan hỏi Ông Giáo Nhè định thần nhìn lại

GARÇON LA CON GÁI

Ông Phan Minh buồn lắm. Ông buồn về nỗi chỉ sinh con một bề. Ai lại bốn mươi tuổi rồi, mà để đến bảy lần, lần nào cũng con gái.

Năm nay bà Phan cũng lại có mang, và ở cữ vào tháng chạp.

Hồi tháng một, ông phải đi lên Lao-kay. Bà sợ nước độc, ở lại Hà-nội. Trước khi đi, ông ngâm-ngùi, bảo với vợ rằng:

— Hễ bạn này đẻ con gái nữa, nhất định tôi không về ăn tết.

Bà Phan Minh tuy đã ngọt tứ tuần, nhưng tính người còn trẻ. Bà hay nhí-nhảnh, thường chuyện trò với ông cứ hay nói lái. Đại khái, muốn bảo ông đi ngủ thì bà nói:

— Ơi minh, ngu đi.

Hoặc gọi ông giầy thì bà nói:

— Ơi minh đi giầy, gió đến lam đi rồi.

Ông sờ dĩ còn cảm bà đến bây giờ, chưa đủ động đến sự lấy vợ lẽ, cũng ở chỗ ăn nói tình-tử ấy.

Ngày hai mươi tháng chạp, ông tiếp giầy thép trong có chữ:

Garçon

Bạn hữu xóm lại hỏi thăm tin. Ông Minh rầu rầu, đưa tờ giấy xanh cho mọi người. Ông chán nản, thở dài, nói:

— Thôi, tôi ở trên này ăn tết một mình, nhà tôi lại sinh cháu gái.

Mọi người ngạc-nhiên:

— Kia, bác mẹ chắt, garçon là con trai chứ là con gái à? Chả chữ garçon là gì đây?

Ông Minh cau mặt, nhìn kỹ bức điện-tín rồi ngâm-ngẫm. Bỗng ông rú lên, nhảy chồm chồm, cười sảng-sắc:

— Ừ nhứt trời ơi! tôi lại cứ đọc ra *gai-con* là con gái!

NGUYỄN CÔNG HOAN

không thấy hai tờ giấy bạc đâu nữa, bực tức, và quên cả kiêng-khem:

— Thầy me bỏ vào túi rồi! thầy me bỏ vào túi rồi! Con khỉ! Sao mợ lại sui tôi mua ngỗng? Sao lại ngỗng, sao lại ngỗng??? ...

GIAO-CHI

NHÀ NHIỆP-ẢNH VỚI XUÂN...

TRUYỆN THỰC 100% CỦA LÊ-ĐÌNH CHỮ



Mỗi lần xuân tới là một lần tôi nhớ đến người bạn tri-kỹ « đầu tiên » của tôi. Người bạn ấy là chiếc máy ảnh « Box » mà bạn Chi đã để lại cho tôi với cái giá đặc-biệt là hai đồng bạc. Năm ấy, tôi còn nhớ rõ là năm 1923, vào dịp tết Nguyên-Đán. Bạn Chi nói là đã chịu lỗ mất hai đồng rưỡi bạc vì bạn gửi mua tận bên Tây những 45 quan !

Rồi bạn lại không quên « thêm » cho tôi cả cái « đèn đỏ » để rửa ảnh làm bằng mấy tấm danh thiếp đỏ ngày tết. Bạn lại còn bảo tôi dùng mấy cái đĩa « con phượng » làm chậu rửa ảnh và chum cái chần da đỏ làm « buồng tối » !

Sau khi trao máy cho tôi, bạn Chi liền giới-thiệu cho tôi một thứ kính ảnh chụp tốt nhất, gọi là kính « Rioclaire » và bảo tôi cứ đến các hiệu ảnh mà mua. Tôi cũng nóng muốn chụp ngay nên lập tức đi khắp Hà-nội lùng thứ kính ấy. Nhưng các hiệu ảnh đều trả lời rằng không có thứ kính nào là kính « Rioclaire » cả. Tôi rất bực mình, lại quay về tìm bạn Chi để hỏi lại. Bạn liền biên rõ ràng ra giấy chữ « Rioclaire » và quả quyết rằng có bán ở hàng cô V. X. phố nhà Hỏa. Tôi lại đến hàng cô V. X. trách cô sao không bán cho tôi thứ kính ấy, thì cô hàng tức mình lấy chìa khóa mở hết cả tủ ra cho tôi xem đủ các thứ kính. Tôi thấy nào là : Lumière Etiquette Bleue, As de Trèfle, nào là Guilleminot Radio Brom, Radio-Eclair, v. v... Nhìn thấy chữ « Radio-Eclair », tôi mới

sực nghĩ ra rằng ông bạn quý của tôi định mách cho tôi thứ kính « Radio Eclair » nhưng không hiểu tại sao ông lại biên nhầm ra là « Rioclaire » !

Được ít lâu, chán cái máy « trình-thám » ấy, tôi lại gửi sang mua tại « Saint Etienne » một cái máy khác to hơn và tốt hơn, giá những 150 quan. Máy này chụp bằng kính 9 x 12, ống kính Anastigmat Luminor F. 6, 8.

Chẳng nói giấu gì, hồi ấy lương tháng của tôi chỉ vồn - vồn có 22p.50 mà tôi dám mua một cái máy ảnh những 15p. kể cũng đã là liều-lĩnh lắm. Lại còn tiền mua kính, mua giấy, mua thuốc và một trăm thứ tốn nữa... thật là nguy !

Một hôm, cô tôi ở nhà quê ra chơi giữa lúc tôi hí hửng vừa tậu được một hộp kính ảnh. Cô tôi

hỏi hộp gì thì tôi trả lời là hộp kính để chụp ảnh. Nói xong, tôi có việc chạy vào nhà trong. Cô tôi ở ngoài liền hí hoáy mở tung hộp kính ra xem... Lúc tôi chạy ra thì cô tôi khen rồi khen rít :

—À, ra Tây họ cũng tài thật, kính trắng nõn thế này mà chụp lại thành hình người được nhỉ ?

Thấy tá kính bị ánh sáng làm hỏng, tôi không còn biết nói làm sao nữa, chỉ toát mồ hôi ra, lạnh cả người... Chẳng nhẽ bắt đền !! ...

Ngày ấy, tôi có tất cả 6 cái « chassis », cái nào cũng đánh số rất cẩn thận, thế mà vẫn không khỏi bị nhầm. Thí dụ cái số 1 và cái số 2 chụp rồi thì lại quên, tưởng mới chụp số 1 thôi, thành ra số 2 bị chụp những hai lần. Có một bận, tôi chụp cái tháp ở giữa hồ Gươm. Một lúc sau tôi lại chụp cái phố Hàng Đào có xe điện đang chạy. Đến lúc rửa kính thì tôi vừa tức mình mà lại vừa buồn cười :

Đường xe điện thì chạy thẳng vào giữa cái tháp mà xe điện thì sắp sửa chui qua tháp để chạy sang nhà giấy thép !

Lại một lần nữa, tôi chụp một ông cụ ngồi ghế ; về sau cũng cái kính ấy tôi chụp ngoài bờ sông. Đến lúc rửa hình: thì thành ra ông cụ ngồi ở giữa sông mà hai chân thì lại ghếch lên trên mũi thuyền.

Nếu tôi không cẩn thận mỗi khi chụp xong một phim thì đầu đến nỗi sây ra những sự lầm lẫn tai hại như thế ? Lại còn nhiều khi quên không đóng ống kính sau khi mở ra để ngắm và « lấy nét » vào « kính mờ ». Cái quên này lại có phần tai hại hơn cái quên trên, vì khi rửa kính ra thì chỉ còn là một miếng kính đen kịt vì sáng vào



hiều quá.

Cũng bởi máy chụp kính vừa có nhiều cái phiền-phức, vừa nặng nề cồng-kênh, nên hồi ấy rất ít người chơi ảnh. Không những thế, xách máy ảnh đi ngoài phố còn bị các thiếu-nữ ghét là khác, vì các cô nghĩ rằng mình định chụp trộm các cô để làm sự bậy-bạ...

Của đáng tội, hồi ấy cũng có thể thật. Những hạng đi chụp trộm những cô «con nhà tử-tế» rồi đem đi khoe và nói khoác với mọi người là «nhân-tinh» thì cũng chẳng ít gì! Bởi vậy các cô trông thấy máy ảnh như là trông thấy con «quái vật» cần phải lánh xa.

Đến năm 1929, những máy ảnh kiểu tối-tân và tiên-lợi (chụp bằng phim) đã thấy xuất hiện. Chiếc máy ảnh thứ nhất trong tủ kính hiệu Bazin phố Tràng-tiền là chiếc



LẦU CAO

Có người con gái tôi yêu,
Lại xa tôi những mấy chiều tóc tơ,
Nhà tôi vách đồ phen thưa,
Có đôi cánh liếp lại vừa đỡ đun.
Hoa khô đánh đồng làm hương,
Trơ tàn đánh đồng làm son bẽ bàng.

Tôi trông sang lối nhà nàng,
Cánh son khép mở, tiếng vàng
sơn sao.

Trăng liềm ngấp ghé lầu cao,
Ói chiêm bao, hỡi chiêm bao sót
lòng.

Có ai biết chỉ tôi dùm,
Con đường sang bến Tầm-Dương
tôi nhờ..

ĐẶNG ĐÌNH HỒNG

«Ikonta» 6x9, ống kính Novar F, 6.3. Ông Bazin cho tôi biết rằng ông mới nhận được có mỗi một chiếc ấy mà thôi, do bên Tây gửi sang làm mẫu. Nhưng vì tôi đã được xem «catalogue» của nhà Omnium Photo ở Paris gửi sang cho tôi từ trước, nên tôi đã biết rõ nó lắm, và chỉ không đầy năm phút, tôi đã được làm chủ chiếc máy ấy với cái giá là ba mươi đồng.

Lần ấy là lần đầu tiên tôi được cầm chiếc máy nhẹ-nhàng, gọn-ghe và xinh-xắn. Tôi không thể giấu nổi sự sung-sướng của tôi nhất là sau khi đã chụp thử một cuộn phim được kết-quả rất mỹ-mãn...

Thế rồi, một ngày chủ nhật, vì muốn làm vui lòng một người bạn gái, tôi đã chụp cho cô cả một cuộn phim 8 kiểu. Ngay tối hôm ấy, tôi rửa phim luôn. Kết quả: cả tám kiểu đều đẹp. Sáng hôm sau, tôi phải vội đi làm, nên tôi phải để phim ở nhà và dặn người nhà đem ra hiệu «Hương-ký» bảo in mỗi thứ một chiếc. Hồi 11 giờ trưa, đi làm về, tôi lấy làm ngạc-nhiên thấy hiệu «Hương-ký» đưa trả lại cả cuộn phim và tất cả tám cái hình, cái nào cũng bị kim đục thủng lỗ vào hai con mắt.

Các ngài thử tưởng-tượng xem cái «tức» của tôi lúc ấy nó lên đến bậc nào? Mất công đi chụp, mất tiền mua phim, rồi lại mất cả tin-nhiệm với người bạn gái nữa. Lúc ấy tôi đã có thể đoán ngay được là «ai» đã đục thủng phim của tôi ra... nhưng tôi cũng cứ lơ đi như là không hề xảy ra việc gì quan-trọng cả. Và lại việc cũng đã rồi không thể nào lấy lại được nữa. Mãi về sau, «nhà tôi» mới chịu thú-thật việc đục thủng phim và có vẻ hối-hận, vì thấy tôi càng ngày càng chụp thêm nhiều bạn gái khác nữa thì mới hiểu rằng tôi chụp vì... nghệ-thuật, chứ không phải vì ái-tình.

Năm 1930 nhà chế-tạo zeiss Ikon bên Đức lại sản xuất ra một kiểu máy ảnh ti-hon tên là «Ikontami-nature» chụp được 16 ảnh 3,4. Tôi gửi sang mua ngay tại nhà Photo Plait bên Paris, ống kính

Novar F. 4, 5.

Chẳng bao lâu, một kiểu máy thứ hai nữa ra đời: đó là chiếc Ikonta 4, 5x6 chụp bằng phim 6x9, cũng được 16 ảnh. Tôi thấy nó tiện và lợi hơn nên lại vội bán đắt bán rẻ cái máy 3x4 đi để mua ngay. Lần này thì tôi mua ở nhà Gôđa, vì nhà này giờ đã làm đại-lý độc quyền cho nhà zess Ikon nên đã nhận được nhiều máy ảnh gửi sang. Cái máy này của tôi cũng ống kính Novar F.4, 5 giá là sáu mươi đồng và là cái «cuối cùng» đến bây giờ, vì hiện nay, tôi vẫn còn dùng nó. Nói tóm lại, trong cái đời nhiếp ảnh của tôi, chưa có lúc nào tôi có được hai chiếc máy ảnh và cũng chẳng bao giờ mua nổi một chiếc máy có ống kính «Tessar»...

Thưa các độc-giả, đó là sự thực một trăm phần trăm, các ngài cũng đã thừa rõ cái cảnh ba cọc ba đồng... Nó cũng là một «chứng cớ» để các bạn mới học chụp ảnh hoặc sắp-sửa vào làm chụp ảnh biết rằng không cần phải «giàu có» mới có thể chơi được ảnh và cũng không cần phải «máy thật tốt» mới có thể trở nên một nhà nhiếp-ảnh có tài...

Các bạn chỉ cần chịu khó nhận-xét, tìm-tòi và nhất là cần phải đọc nhiều sách giấy về ảnh để biết rõ những cách-thức cùng những luật-lệ về việc dàn-sếp một bức ảnh «règles de la composition». Ảnh dù chụp đẹp đến đâu mà nếu không sắp-đặt cho đúng cách thì cũng coi như là vô giá-trị, khác nào như một bài «thơ» hay mà làm «thất luật».

Chính tôi đã nhận thấy một số rất nhiều các bạn tài-tử nhiếp ảnh không chịu theo luật-lệ, quy-cử gì cả trong cách xếp-đặt một bức ảnh, nhất là về ảnh phong-cảnh.

Phải chăng các bạn ấy đã coi rẻ nghề mình hay là đã khinh-thường công-chúng? Không, ta phải công nhận rằng một số đông công-chúng — kể cả phái đẹp — tuy không chơi ảnh mà cũng hiểu rất cặn-kẽ về ảnh, bởi họ đã từng đọc nhiều sách giấy về nghề ảnh. Họ đã sẽ biết phân-biệt những bức ảnh nào có giá-trị với những

bức ảnh chụp văng-mạng...

Tôi không bao giờ quên được một thời kỳ oanh-liệt trong đời «nhiếp-ảnh» của tôi..

Kỳ trưng-bày tại phòng Triển-lãm 1936 của hội Việt-nam Mỹ-thuật, những tác-phẩm của tôi được xếp ngay vào «Thượng-hạng ngoại-hạng» (hors concours). Đến năm sau, 1937, tôi lại được hội cử luôn vào ban giám-khảo «membre du Jury».

Năm 1938, tôi gửi tác-phẩm sang trưng-bày tại phòng triển-lãm quốc-tế ở thành Budapest (kinh-đô Hongrie), tôi được hội-đồng giám-khảo bên ấy tặng thứ huy-chương đặc-biệt «Médaille Daguerre».

Năm ấy, phòng triển-lãm của hội V. N. M. T. được quan Toàn quyền Brévié đến khánh-thành. Ngài để ý xem-xét rất cẩn-thận những bức tranh vẽ cùng những tượng bán-thân của các họa-sĩ và điêu-khắc, và ngài không ngớt lời khen các nghệ-sĩ... Sau cùng, ngài đến thăm khu bày ảnh và ngài chú-ý đặc-biệt đến những bức ảnh mỹ-thuật của tôi.

Rồi, vài hôm sau, ngài nhờ tôi chụp cho ngài ít nhiều ảnh. Tôi cảm-động quá về cái cử-chỉ ấy. Mà cái phút hồi-hợp nhất của tôi là khi thấy mình là một nhà nhiếp-ảnh quen mà được tiếp-đãi một cách rất trịnh-trọng.

Một tháng sau, tôi được nghỉ đặc-biệt mười lăm ngày để cùng quan Toàn-quyền sang Lào và Cao-Mên, nhân dịp khánh-thành con đường thuộc-địa số mười ba mới làm xong. Tôi run lên vì sung-sướng, khi thấy các báo hàng ngày đăng rõ-ràng tên tuổi tôi vào trang thời-sự, dưới cái tit: «Quan Toàn-quyền đi kinh-lý».

Sau khi đã sửa-soạn hành-lý cùng máy ảnh và phim, chúng tôi từ-giã Hà-thành, đáp xe-lửa tốc-hành vào Nhatrang. Nghỉ tại Nha-trang một ngày, rồi dùng xe hơi qua tỉnh mọi Ban-mê-thuật, vượt mấy đồn binh, sau rẽ xuống Thủ-đầu-một, tới những rừng cao-xu bát-ngát của xứ Nam-kỳ, rồi lại ngược lên tỉnh Kratié (Cao-mên)



và theo con đường mười ba (chạy dọc theo con sông Cửu-long-giang) đi qua các tỉnh Stung-treng-Khong, đến Pakse. Đến tỉnh này, mới biết rằng mình đã đến xứ Lào. Thật là yên-lặng, yên-lặng quá! Đến nỗi một người tài-xế bóp còi ô tô inh-ỏi cũng bị ông Cẩm ra cự rằng anh không biết đây là đâu à? Anh định phá cả cái yên-tĩnh của xứ này hay sao?

Rồi đến Saravane, đến Savanna-khet, rồi đến Thakhek... tỉnh nào cũng làm tôi say-sưa với cảnh và tốn hàng tá phim.

Trong cuộc hành-trình cùng quan thủ-hiến, tôi được tha-hồ đi các nơi để thu vào ống ảnh nhiều phong-cảnh đẹp và những đền chùa cổ mà hiện tôi vẫn giữ ảnh kỷ-niệm.

Sau cùng, chúng tôi từ giã xứ Lào để trở ra Tân-Áp (Trung-kỳ). Khi chuyển xe lửa riêng đưa chúng tôi và những cuộn phim ảnh về đến Hà-nội thì vừa đúng hôm ba mươi Tết...

Tết! Tết! Đẹp dễ thay cảnh Tết! Vui vẻ thay cảnh Tết. Còn gì sung sướng cho nhà nhiếp ảnh bằng đi chụp các thiếu-nữ mua hoa ở cửa chợ Đồng Xuân trong mấy ngày Tết. Nhất là hôm ba mươi Tết, ở đấy thật đã biến thành một rừng hoa, một rừng mỹ-nhân với gần đủ mặt

các nhà «săn ảnh» ở Hà-thành...

Các máy ảnh thì nhau phổ ổng kính trước những bộ mặt tươi hơn hoa. Thỉnh-thoảng cũng có một vài thiếu-nữ không ưa ảnh, tặng các nhà nhiếp-ảnh những cái «cau có» và những cái lườm nguyệt dài dằng-dặc... Cũng có cô khôn khéo, lấy bó hoa che luôn luôn lên mặt để khỏi bị chụp. Song, nghề nào cũng có mảnh khỏe riêng. Chúng tôi bàn với nhau mỗi người đứng một góc, vòng quanh thiếu-nữ mua hoa. Quay trước, quay sau, quay tả, quay hữu, cũng đều bị chụp cả. Cũng có cô tránh mãi không được, đành dăm liều để cho tha hồ ai muốn chụp bao nhiêu thì chụp.

Nhưng được cái may, cũng có nhiều cô lại thích được chụp ảnh nên cứ giả vờ mà cả mua thật lâu để được chụp nhiều. Nhưng khổ một nỗi, những cô này phần đông lại thuộc vào hạng không được chim sa cá lặn cho lắm.

Sáng ngày mồng một, mồng hai và mồng ba Tết bọn săn ảnh chúng tôi lại tổ chức những cuộc đi săn tại các đình chùa, nhất là đền Ngọc-sơn, chùa Quan-Thanh và đền Voi-Phục. Cuộc đi săn này cũng vui-vẻ và cũng ráo riết lắm, song không đến nỗi kịch



liệt như cuộc săn ở chợ Đồng Xuân...

Thỉnh-thoảng gặp một vài cô

bạn quen, hay là vài chị em dưới xóm trông quen, bảo chụp cho vài tấm ảnh. Nhưng các cô khó tính quá: bảo các cô đứng chỗ này thì các cô lại nhất định đòi đứng chỗ khác, kêu: chỗ này trông xấu xấu là... Tôi lại phải giảng-giải để các cô hiểu rằng có nhiều chỗ ở ngoài trông rất xấu, rất sơ-sài, thế mà chụp vào ảnh thành ra rất đẹp; trái lại, nhiều chỗ trông ở ngoài đẹp mà chụp vào ảnh không ra gì hết. Cũng có cô nghe ra, ngoan - ngoan đứng vào chỗ tôi bảo, nhưng cũng có cô lại bướng và tự phụ rằng mình sành sỏi lắm nên nhất định: « anh cứ chụp cho em chỗ này, xấu mặc kệ em... » Khổ thay cho nhà nhiếp - ảnh, đã chụp « cung-phụng » thì chớ, lại còn phải chiều các cô như chiều vong. Mà chiều như vậy đã xong đâu? Đến khi ảnh đã rửa, nếu không vừa ý là các cô ấy xé liền, chẳng nề-nang gì cả. Thế cũng còn là may; chứ nếu ảnh mà đẹp thì mới lại chết nhà nhiếp - ảnh: « Anh rửa cho em mỗi thứ nửa tá « các bốt-tan » nhé, và làm « sù ve » cho em một cái thật to, đánh cả « cu-lơ » nữa nhé... »

Nói của đáng tội, cô nào có trông được, hay ít ra cũng phải ăn ảnh thì mới được chụp, chứ có phải ai cũng được thu vào ống ảnh đâu? Có khi bốn, năm cô cùng đi, nhưng chỉ độ một, hai cô ăn ảnh. Chẳng nhẽ chỉ chụp cho một, hai cô thì sao cho tiện. Bởi vậy, bọn săn ảnh đã có lối riêng là bấm giả vờ rồi bảo: xong rồi.

Ở Hà-nội thì như thế, trái lại ở Saigon không có cuộc săn ảnh nào cả, có lẽ vì một là Sài-thành ít người chơi ảnh, hai là vì ít người đẹp đi sắm Tết, mặc dầu mấy ngày trước Tết, quanh chợ Bến-Thành, người ta có tổ chức những cuộc bán hàng lớn lao tương tự như những cuộc chợ phiên lớn ngoài Bắc mà người đi lại như nêm cối suốt đêm ngày...

ledinh Chử

THUỐC NHẬT MỚI

Không có thuốc muối, bôm, ngọt, uống vào dịu ngay, 1 ve uống 8 ngày. Giá 6p30

Từ-Nhật-Khước-Yên-Hoàn giá 3p50 ở xa phải mua: nghiệm nhẹ 8p50, nặng 7p00 mới khỏi cai đồ đang mà hết thuốc.

CAI - A - PHIÊN

HEN, XUYỀN

Những ngày cơn nước, những hôm dờ trời là cơn hen nổi lên bất kỳ bệnh mới hay bệnh kinh niên, ở xa phải mua luôn 2 chai uống 2 ngày liền, mỗi chai giá 10p. Thuốc này không có vị độc hoặc làm cho say người.

ĐAU BAO TỬ, ĐAU DẠ DÀY

Mua thuốc phải gửi trả 1/3 tiền trước, ngân phiếu đề tên M. NGỘ VI VŨ VIỆT-LONG 58 Hàng Bè Hanoi. Nếu không xin miễn gửi. Đại lý: Mai Lĩnh Hảiphong, Saigon. Việt Long Namdinh. Quang Huy Hảiduong. Thiên Dâu và Sinh Huy ở Vinh.

NÊN ĐỌC:

Kẻ đến sau

Tâm - lý tiểu - thuyết
của Lê-văn-Trương

500 trang — in làm 2 quyển
mỗi quyển 1p50

ĐỜI-MỚI XUẤT-BẢN

ĐÃ CÓ BÁN:

Hai tâm - hồn

(Một truyện tâm-tinh mà bạn gái nào cũng nên đọc trước khi về nhà chồng).

Tác-giả: Lê-văn-Trương
300 trang — Giá: 1p80

ĐỜI-MỚI XUẤT-BẢN

Mở từ năm 1930:

NHÀ THUỐC THƯỢNG-ĐỨC

15, Phố Nhà Chung, Hanoi

Xem mạch, bốc thuốc — Bán đủ các thứ cao đơn hoàn tán, chữa các bệnh nam phụ lão ấu. Các ngài muốn hỏi han gì về thuốc men xin gửi thư cho ông Lê Ngọc Vũ, chủ nhà thuốc Thượng Đức Hanoi — Giấy nói: 1629 và 1630.

QUÀ TẾT KHÔNG GÌ LỊCH SỰ BẰNG « BƯỞI LONG-THÀNH »

Nhà đồ Long-Thành 58-Rue des Tasses (phố Bát Xứ) Hanoi sẽ bán thứ bưởi ngon, thơm, nhiều nước đặc biệt đó mà các quý khách Hà - Thành đã từng thưởng thức và khen ngợi năm ngoái, bắt đầu từ tháng 10 tháng chạp trở đi.

Quà Hà noi không gì quý bằng bưởi Long-Thành

Vì là một thứ bưởi rất tinh khiết ai đã dùng qua đều chịu là một tuyệt-

phẩm, và không bao giờ muốn dùng các thứ bưởi khác.

Hiệu Long-Thành còn đứng đồng-phát, hành Fixateur Reina, Brillantine Selecta Giấy lờ Tổ Nữ,, mà ai cũng ưa chuộng. Các thứ thuốc Nhật, Kim máy khâu-giấy carton dày mỏng đủ hạng, lín, dùi, tuyệt đẹp và bền.

BÁN BUÔN, BÁN LẺ, GIÁ HẠ

Gin đại lý các tỉnh

Sắm áo Tết
cho trẻ em
xin lại

XUAN-LOC

XUÂN-LOC

33 PHỐ CỬA NAM HANOI



TẾT CỦA THANG HUYỀN



NĂM trong chiếc giường con êm-ấm, bé Huyền thao-thức mãi. Mọi đêm khác, đến lúc này nó đã ngủ được một giấc dài. Mọi năm khác, đến bây giờ mẹ nó đã gọi dậy để đốt pháo và chờ xem năm mới đến...

Nó thao-thức, không phải vì cảm-động sắp thêm lên một tuổi. Nó thao-thức chỉ vì cũng như mọi năm, nó đã đòi may áo mới, đã đòi mua giày mới, nhưng không như mọi năm, năm nay nó sẽ không có cái vui được mặc áo mới mà cũng không có cái hãnh-diện được đi giày mới.

Vẫn biết rằng đôi giày tây của nó vẫn bóng; cái quần len của nó vẫn mượt; nhưng sao năm mới đến, nó lại không có gì là mới và năm mới này lại không như mọi năm mới khác, Huyền sẽ không có áo cùng giày mới.

Nó thấy nó khổ lắm. Lần thứ nhất, nó thấy cậu mẹ không thương yêu nó nữa. Lần thứ nhất, nó thấy nó hờn-giận cha mẹ. Nó tung chăn vùng dậy, sờ-soạng mở cửa ra nhìn. Gió lạnh tạt vào mặt làm cho nó rùng

minh. Bên ngoài tối đen và im-lặng. Bóng đèn điện le-lói trên đường nhựa vắng tanh. Một ý-nghĩ thoáng qua trong trí. Nó mặc áo, đi giày, rồi đứng yên một lát nghe tiếng tim đập mạnh, nghe im-lặng ở quanh mình. Nó rón-rén lên ra buồng ngoài. Đèn vẫn sáng, nhưng giường vẫn không: cậu mẹ nó vẫn chưa đi ngủ.

Huyền rón-rén xuống cầu thang. Mỗi lần bậc thang kêu lên, nó lại dừng chân, nín thở. Lâu lắm mới đi tới đất, nó se-se mở cửa thông ra sân, rồi lên ra ngoài. Dưới bếp, đèn còn sáng.

Huyền lần ra đến cổng. Cổng còn mở. Nó lách ra đường.

Vắng lạnh và đêm tối. Bóng đèn le-lói, mịt-mùng trên đường nhựa đen sẫm hơn bóng đêm. Nó dừng lại, nghe-ngóng. Ngập-ngừng. Lặng-lẽ quá. Chân nó như cồng lại. Sợ. Buồn và tức-bực. Huyền ôm mặt khóc.

Bỗng nó thấy một bàn tay ấm dịu vuốt-ve tóc nó. Ngược mắt lên, Huyền ngạc-nhiên thấy trước mặt mình một cô gái trắng như sương, tươi như hoa, mặc áo nhung xanh óng-ánh những hoa vàng lộng-lẫy. Chung quanh cô là ánh sáng và hương thơm.

Cô cầm tay Huyền, âu-yếm hỏi:

— Tại sao em khóc?

Huyền gạt lệ, nghẹn-ngào:

— Em khổ lắm!

— Nhưng tại sao em khổ?

— Em khổ vì cậu mẹ không yêu em nữa và không cho em áo mới, giày mới như mọi năm. Năm mới đến, ai cũng vui mà chỉ có một mình em buồn khổ. Em không muốn ở nhà với cậu mẹ nữa đâu.

Cô gái cười:

— Thế em đi với chị nhé! Em đi với chị, rồi em sẽ không thấy em khổ-sở nữa.

Huyền chợt nhớ đến lời khuyên của mẹ dặn không được đi theo người lạ, song Huyền không hiểu tại sao thấy mến yêu và tin-cậy cô kia.

Huyền và thiếu-nữ giắt tay nhau đi trong cảnh an-tĩnh của vạn vật chờ buổi giao-thừa.

Phố vắng ngắt. Nhà cửa đóng. Tối mịt ở trong nhà, tối hơn ở ngoài đường. Và yên-lặng. Cảnh buồn-rầu, vắng-lặng của sự chết.

— Đây em xem, phần nhiều người ta đi ngủ cả rồi. Nếu họ vui, họ đã tung-bùng sửa-soạn để chào đón chị em ta.

Huyền lại đi... Mãi mãi mới đến một nhà, đèn le-lói sáng. Nhìn khe cửa, Huyền trông thấy một gian buồng nhỏ hẹp, một người đàn ông đang cặm-cui khâu giày bên cạnh một người đàn-bà cũng đang khom lưng ngồi khâu và mấy cái quần áo rách.

— Đây em xem, ngày hôm nay mà họ còn cặm-cui, nào có vui-sướng gì đâu!

Huyền lại đi.

Hai bên đường, nhà tối om và yên-lặng. Rồi mãi mới lại thấy ánh sáng ở một nhà. Qua khe cửa, Huyền bỗng thấy một cảnh huy-hoàng. Trong gian buồng, ánh sáng tung-bùng, bàn thờ trang-hoàng rực-rỡ. Bên tràng-kỷ, một ông khăn áo chỉnh-lẽ ngồi ngáp dài nhìn mấy chậu hoa cúc trắng. Trên sập gụ, một bà cũng khăn áo sang-trọng ngồi ngủ gật mà nhai trầu.

— Đây em xem, buổi xuân sang mà họ ngồi đó chán-nản, ngán-ngờ.

Huyền đi nữa. Qua bao nhiêu

nhà cửa đóng như bưng, im-lặng như tha-ma, rồi đi đến một nhà còn sáng, có vẻ tấp-nập, tung-bừng.

Lách cổng vào, Huyền được bề lên nhìn. Cổ giương mắt trông qua cửa kính, Huyền ngẩn-ngơ trông thấy trong phòng, một người đàn-ông mặt hăm-hăm đứng ở giữa nhà và một người đàn-bà cũng trạc mợ Huyền đang sũa tóc ôm mặt khóc bên cạnh hai đứa bé cũng đang mếu máo, sụt-sùi.

—Đấy em xem, trong lúc này, họ hãy còn đánh mắng, cãi cọ nhau : họ có vui đâu !

Đi lúc nữa, rồi lại một nhà hãy còn ánh sáng.

Một thiếu-phụ đầu chít khăn ngang, ôm hai đứa con còn nhỏ tuổi, ngơ-ngác nhìn bàn thờ khóc than kẻ-lẽ, cùng cái ảnh bán thân của một thiếu-niên võ phục.

—Đấy em xem, họ khóc than vì từ biệt trong khi vạn vật sắp hồi sinh : họ có vui đâu !

Huyền buồn chán và tiếc nhớ cảnh đầm ấm của nhà mình. Nhưng nó vẫn đi.

Nhà hai bên đều im tối, như im tối trong cảnh hoang-tàn hay trong nghĩa-địa. Hai bên hè, thỉnh-thoảng vài cái đồng đen sù sù như những mộ phần. Có khi những nấm mồ ấy bỗng mở ra, và sắc chết gầy còm rách-rưới ngồi nhồm dậy, suýt-sòa rên-rỉ mà than thân đòi rét, rồi lại nằm xuống lặng im.

—Đấy em xem, ngày mai tết mà hôm nay hãy còn có người đòi rét : họ có vui đâu !

Huyền dừng lại :

— Thôi, em không đi nữa.

— Thế em còn thấy em khổ-sở vì không có giày mới, áo mới nữa không ?

— Không, chị ạ. Chung quanh em, còn có nhiều kẻ khổ-sở hơn em.

— Em còn thấy người vui mà

em buồn nữa hay thôi ?

— Không, chị ạ. Chung quanh em, em chẳng thấy có ai vui, mà em cũng không muốn vui một mình em nữa. Nhưng chị ơi, năm mới đến mà sao nhiều người buồn khổ thế. Mọi năm, sao em thấy họ vui-sướng, tung-bừng ?

— Em nhầm đấy. Năm mới nào cũng vậy. Cũng những cảnh ấy, cũng những người ấy ; nhưng mọi năm, phần nhiều người còn đối-trá lấy gương vui, hi-vọng mà quên đau khổ. Năm nay, vui gương của họ cũng đã không còn nên em mới được trông thấy bộ mặt thực của cảnh người khổ-sở. Vả năm xưa, em hãy còn bé quá, đã biết gì đâu.

— Nhưng sao họ không gương vui mà hi-vọng như mọi năm ?

— Vì người đời chỉ biết nghĩ đến riêng mình và họ không còn tin-tưởng tốt - đẹp ở ngày mai được nữa.

— Em xin hứa với chị, rồi em sẽ nghĩ đến họ luôn luôn để họ bớt khổ, [còn chị, em muốn chị đến bảo cho họ hay rằng ngày

mai sẽ đẹp, như thế họ có sung-sướng hơn không ?

Nhưng hai chị em đã về đến cửa nhà Huyền. Huyền bịn-rịn, không muốn chia tay cùng bạn :

— Chị là ai ? ở đâu ? chị cho em biết.

— Chị không có tên. Chị ở một nơi mà em không thể đến được bao giờ.

— Nhưng nếu sau này, em muốn gặp chị thì em làm thế nào ?

— Em không ngại, mỗi năm chị sẽ đến với em một bận. Cũng ở buổi này. Chị sẽ đến với em cũng như đến với tất cả mọi người, mang cho họ cái hi-vọng ở những ngày mai. Còn em, em cố nhớ đến lời em hứa : Bao giờ cũng nghĩ đến những người buồn khổ ở chung quanh em và mong chờ cho mọi người được sung-sướng.

Cổng hãy còn hé mở. Huyền theo lối cũ, rón-rén lên gác, vào buồng. Đèn dưới nhà, trên gác vẫn sáng choang. Cậu Huyền đang ngồi xem sách. Mợ Huyền đang lúi-húi sắp đặt bàn thờ để cúng ngoài sân. Huyền hết cả giận bố mẹ, nhưng trái tim bé nhỏ của Huyền hơi hơi se lại. Cảnh nhà Huyền vui - vẻ, nhưng chung quanh có ai vui sướng nữa đâu.

Nằm trong giường đệm ấm, Huyền nghĩ đến những cảnh Huyền vừa trông thấy. Huyền không hiểu, nhưng thấy lòng bồi-hồi xót-thương.

Tiếng pháo giao - thừa xa xa lác-đác. Chuông trống các chùa nổi động vang vang. Huyền thấy yêu thương như sóng nước cuộn-cuộn, tràn ngập tất cả như bóng tối mênh-mang đang tràn-ngập đất trời, và mắt Huyền cố nhìn qua tối đen để trông thấy những cảnh vui tươi mà Huyền đang ước-ao cho những kẻ ở quanh mình được hưởng.

TẶNG CÁC TRẺ EM



Hình Táo-Quán một nết (từ A đến B)

TRẦN-VĂN-TUYÊN

DẦU TRỊ BÁ CHỨNG ĐÔNG-Á

(à base de menthe japonaise) sẽ đánh đổ hết thảy các thứ dầu có tiếng tại đây — cần thêm đại lý độc quyền từng tỉnh —

Hãng chính : 80 Médicaments — Hanoi

Nói đến thuốc Nhật là nói đến ĐỨC-THẮNG Hanoi

TIẾT NGÀY XUÂN

Ngày xuân đầm ấm khắp gần xa
Những lúc vui xuân thường thờ trả
Nhớ hiệu TRUNG LƯƠNG mua tiếp khách
Khắc nào du ngoạn chốn lầu hoa
Hương bay phảng phất mùi thanh lịch
Vụ lại thơm tho nước đậm đà
Nhấn nhủ đồng bào ai đó tá,
Lợi quyền ta giữ lấy cho ta.

TRUNG-LƯƠNG

TỔNG-CỤC

38, Phố Hàng Lọng
HANOI

CHI-CỤC

115, Phố Khách
HAIPHONG

ĐẦU NĂM, MUỐN LÀM QUÀ BẠN KHÔNG GÌ QUÍ VÀ LẠ HƠN

Rất dễ, ai làm cũng được : cắt một phần thư lấy bút tích và chữ ký của bạn mình (không kể trai gái) gửi theo tem 1p00 cho nhà triết-tự có chân-tài và thực học, M. An-ngọc-Phụng, Kiosque Thanh-Tao (Vinh). Đợi vài ngày sẽ nhận được bản cắt nghĩa rõ-ràng tâm-địa, tư-tưởng, ý-chí, tính-tình và sức khỏe của bạn mình.

ĐÃ XUẤT BẢN

VÀNG SAO — Thơ không vắn chứa đầy tư tưởng cao siêu của thi sĩ CHẾ-LAN-VIÊN. Một áng văn sâu xa và thâm-thúy, vượt hẳn tập thơ ĐIỀU TÀN.

Sách in toàn trên giấy vergé bouffant. Giá : 2p50

TRIẾT HỌC NIETZSCHE

Những nhời thơ thâm trầm và chuốt như những viên ngọc. Một triết lý của nghệ thuật. Giá 1p95

TRIẾT HỌC KANT

Một học thuyết mở đường cho tất cả nền triết-học Tây phương hiện thời. Giá 1p50

ĐỜI VẦN — Gồm có những bài phê bình, những giai thoại, những cuộc tranh luận về văn chương gom góp trong ngót 10 năm viết văn của TRẦN-THANH-MẠI. Giá 0p95

HÃY ĐỌC

LUẬN TÙNG

Trong « Tủ sách Tân Việt »

Lần đầu tiên ở xứ ta những vấn đề thuộc về phương pháp-luận được diễn giải một cách rõ ràng, rành mạch do một học giả có tiếng tăm.

TRIẾT HỌC EINSTEIN

của Nguyễn đình Thi

Một tia sáng rọi vào sự bí mật vô cùng của vũ-trụ. Chỗ gặp nhau của khoa học và triết học để đánh bại thiên nhiên. Bước tiến mới nhất và dài nhất trong tri thức của nhân loại.

CHIỀU BA MƯƠI TẾT

Một thiên tình sử sống của bạn Đỗ Quang Tiểu kinh hiến bạn đọc vào dịp xuân Quý mùi.

SẮP CÓ BẢN

THI HÀO TAGORE

TRIẾT HỌC DESCARTES

Chú ý. — Nhớ hỏi mua nơi các hiệu sách loại trình thám và võ-hiệp của Tân-Việt. Đã ra : ĐÃ KHÔNG DUYÊN KIẾP (0p80). THIÊN HƯƠNG (1p15). ĐƯỜNG GUOM HỌ LÝ (võ hiệp của Văn-Tuyên) Sắp ra : LƯỚI KIẾM HỒNG VÂN.

NHÀ XUẤT BẢN

TÂN VIỆT

49, Takou — Hanoi

Xuân về, muôn vẻ thắm tươi,
Ai ơi, xin nhớ những lời sau đây :
Người ta, Nam, Bắc, Đông, Tây
Uống chè Quang-Thái thêm ngậy-ngất tình.
Chè này, cánh nhỏ, nước xanh
Hương thơm, vị đậm, người mình chế ra,
Mời nhau chén nước đậm đà,
Ngày xuân, tình cũng mặn-mà thêm xuân.
Yêu nhau xin hãy ăn cần
Dùng chè Quang Thái một lần xem sao.
Chè ngon mà giá chẳng cao
Hăm-năm (25) hằng Giỗ hãy vào mà mua !

CHÈ

Quang - Thái

Chè nội hóa, chế tạo theo đúng phương-pháp của nhà làm chè có thực nghiệm, nhỏ cánh, xanh nước, hương thơm, vị đậm. Cần Đại-lý các nơi, hoa hồng hậu. Thư từ xin gửi cho :

M. Trần-văn-Quang

dit Quang-thái

25, Rue du Papier, Hanoi - Tél 1293

Nhức đầu, ngạt mũi sốt nóng, đau mình nên dùng :

THỐI NHIỆT TÁN ĐẠI-QUANG

Khi thời tiết thay đổi thường bị cảm, mạo nên dùng :

THỐI NHIỆT TÁN ĐẠI-QUANG

Xin nhận kỹ hiệu **Bướm-Bướm** mới khỏi lầm

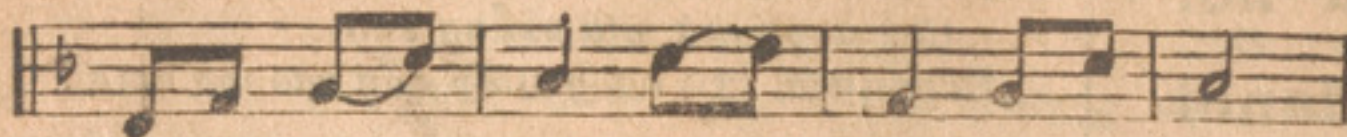
23, Phố Hàng Ngang, Hanoi — Tél. 805

TIẾNG OANH VÀNG

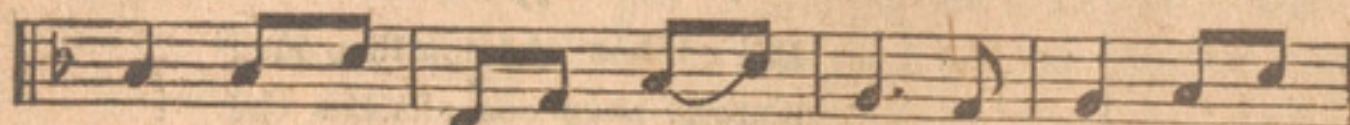
Âm nhạc của VÂN - CHUNG



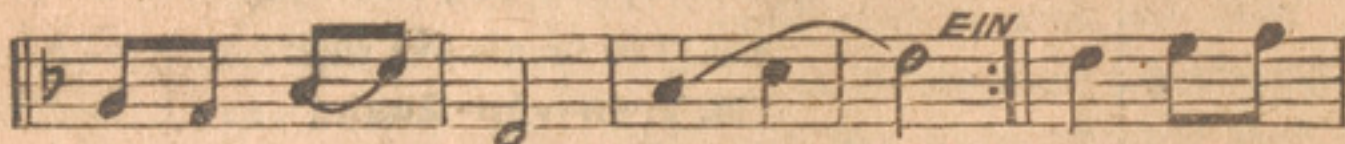
Gió xuân nhẹ nhàng lướt qua muôn bông đào
Cớ sao lặng nhìn hỡi bao nhiêu cô nàng ?



Cột chào xuân — sang, khắp — vườn như sơn sao ;
Một trời xuân — sang, khắp — vườn chim hót vang.



Phở hương sắc cùng ngàn liễu — xanh, đẹp, tươi, Hoa lá
Sao cô nữ lạnh lùng với — xuân đẹp tươi không hát



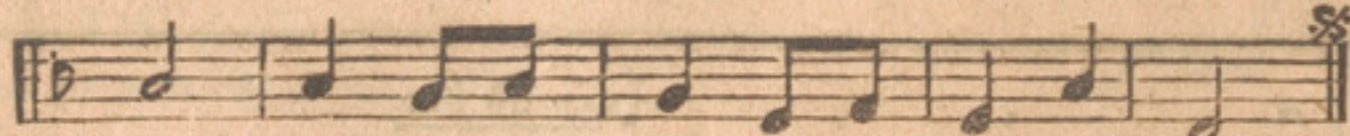
như cùng với — người cùng cười vui... Kia xuân thăm
đi cùng với — đời cùng cười vui... Cùng lên tiếng



sang trong sớm mai tươi hồng. Ánh dương chiếu in muôn sắc
đi cho gió đưa theo đàn. Đó canh yến đang im tiếng



trên đời sống. Chào xuân thăm sang, chim hót vang trong
mong lời hát. Một khi tiếng cô lan khắp trong khu



vườn. Khiến bao đóa hoa nghiêng múa theo tiếng đàn ..
vườn, Chắc bao yến, oanh, hoa, bướm kia đắm hồn...

II

Cớ sao ngại lời, hỡi bao nhiêu cô nàng ? ...
Một thời xuân tươi có được bao tấc gang ?
Vui đi chớ để đời sống cam một mai
Xuân thăm qua thời kiếp người dành nhặt phai
Cớ sao thẹn thò, hỡi bao nhiêu cô nàng ?
Điệu dân yêu đương khiến lòng ta rộn sang
Ta vui hát chào mừng tiết xuân đẹp tươi,
Cho gió đưa cùng khắp trời đầy lời vui...

(Lời ca của Kim-Bình)

MỜI IN XONG :

Thanh-niên với Aĩ-tình

của NGUYỄN-LƯƠNG-BÍCH (ngót 200 trang) Giá : 1p00

— ĐỜI MỜI XUẤT BẢN —

HÓM-HÌNH

Năm mê

— Bà ơi ! Hôm qua cháu năm mê
thấy Bà mừng tuổi cho cháu năm hào.

— Ủ, cháu giữ lấy, đừng có tiêu
nhảm đấy !

TÝ (6 tuổi), SỬU (5 tuổi), hai anh em.

TÝ : — Hôm qua tao năm mê vào
một hiệu bánh ở Hàng-Đào. Ở đấy,
tao ăn đủ thứ, nào mít, nào kẹo,
nào bánh cốm...

— Thế em có ăn với anh không ?

— Không, Lúc bấy giờ mày không
có đấy.

Thế là Sửu hu-hu khóc,

Lịch-sử

Trò A (học-trò trường Thăng-Long):

— Hôm nay tao học lịch-sử vua
Lê-Lợi.

Trò B (học-trò trường Gia-Long):

— Hôm nay tao cũng học lịch-sử
vua Lê-Lợi.

Trò A (vẽ mặt tự-đắc):

— Nhưng lịch-sử vua Lê-Lợi của
tao hay hơn lịch-sử vua Lê-Lợi của
mày !

Hai chai rượu

Mồng một Tết, Tý đến chúc-mừng
chủ. Lúc về, chủ đưa cho anh
hai chai rượu, một chai cho anh, và
một chai cho thằng Mão cùng làm
với anh và ở gần nhà anh. Đi được
mấy bước, Tý trượt chân, ngã vỡ
một chai rượu. Anh lóp-ngóp đứng
đấy, miệng lăm-băm :

— Thằng Mão đen thật !

Làm gì ?

— Lúc nhón, mày làm gì ?

Thảo (6 tuổi) :

— Nhón, tôi đi lính.

— Thế mày không sợ bị giết à ?

— Ai giết ?

— Quân thù-dịch.

— Thế thì tôi sẽ là quân thù-dịch.

Khuất-duy-Các

Kỷ - niệm trường Bưởi

BÀI VĂN CHÚC TẾT

của LAN-KHAI

Chỉ còn mấy hôm nữa là chúng tôi đã hòansiêng về ăn Tết.

Cái vui xum-hạp với cha mẹ, với anh em trong mấy ngày đầu năm long-trọng, những kỷ-niệm rực-rỡ màu xanh đỏ và âm-vang tiếng pháo làm cho chúng tôi càng tung-bừng, náo-nức, không thiết chi đến sách vở nữa. Lúc này mà còn cặm-cui vào những toán-học, địa-dư, cách-trí thì anh em sẽ chế ngay mình là « học gạo » đây ! Cả một khu trường Bưởi, từ mấy hôm nay, đã bao-phủ trong không-khí Tết, mặc dầu ở đây không có tiếng lợn bị cắt họng, tiếng giã-dò, tiếng pháo đốt cái mọt. Đến nỗi, các ông giáo cũng bao-dung hơn ngày thường, kỷ-luật chặt-chẽ tự nhiên thành lỏng-lẻo, cả đến những ông giám-thị — ồ Tết vạn tuế ! — cũng trở nên dễ-dãi, vui-vẻ, hay bông-lơn và « bình-dẳng » với chúng tôi nữa. Trong dịp này, anh nào không nghịch-ngợm thì anh ấy phải là một anh om hoặc « diên rù ». Bởi vì rằng, thuở bấy giờ, học trò cô-le đã nổi tiếng bất-trị, cũng như bọn Kiêu-binh bất-trị về thời Chúa Trịnh-Khai :

Học-trò cô-le

Ba-que xỏ-lá

Ăn cá cả xương

Nằm giường không chiều

Hút diếu không xe

Ăn chè liếm bát

Đi hát không xu

Lu-bà tán-gai !

Mà trong số những tay bất-trị nhất, nghịch-ngợm nhất, tôi đã được trên từ ông Đốc — ông Lomberger — dưới đến anh em công-nhận cho là một. Chẳng mấy ngày chu-nhật là tôi không bị *consigne*, nghĩa là bị giữ lại ở trong trường để chép bài phạt, rồi xếp hàng với những anh bị phạt khác theo một ông giám-thị đưa ra vườn Bách-thú xem khi nhàn. Cuối niên học, nót nhà trường gửi về cho thầy mẹ tôi, bao giờ cũng kèm thêm mấy phẩm-từ này : *lười-biếng, nghịch-ngợm !*

Như thế, khỏi nói ai cũng biết ngay rằng, mấy hôm học-trò nhôn-nhao về Tết này, tôi đã hò-hét, cưa-quậy dữ như thế nào !

Theo lệ hằng năm, học-trò, trước khi về nghỉ

Tết, thường làm những bài chúc-tụng để đọc trước mặt các ông giáo. Công việc ấy, do lòng thành-kính đối với các bậc nghiêm - sư đã đành cũng có, nhưng cái nguyên nhân chính bao giờ cũng vì kỷ, vì lợi hơn. Là vì, những bài chúc

Tết thường chúc cho chúng tôi những cái khổ dịch đọc bài hoặc phải gọi lên bảng hạch về toán-pháp, hóa-học, vật-lý học, là những thứ mà chúng tôi đã chềnh-mãng từ mấy hôm nay rồi. Những bài chúc Tết còn mở đầu cho những buổi nói chuyện rất vui giữa thầy và trò; và, sau cùng, nó còn là cái dịp để chúng tôi thi tài văn-chương với nhau nữa. Bởi thế, việc làm bài chúc Tết hiện là cái công-việc có hứng-thú, đầy hăm-hở, đầy hứa-hẹn vẻ-vang nhất trong mấy hôm nay của chúng tôi.

Riêng phần tôi, tôi cũng được anh em cử viết một bài chúc Tết một ông giáo dạy khoa văn-chương. Cái danh-dự ấy, tôi đã từ chối. Bản-tâm tôi vốn ghét lối văn thù-tạc không thành-thực. Thế mà phải nói những câu xáo không thành-thực thì khổ cho tôi vô cùng. Nhưng, muốn từ-chối, tôi phải viện được một lẽ chắc-chắn ! Tôi liền bảo với anh em :

— Bài chúc ấy, đũa nào viết thì viết, tao, tao còn bận viết bài chúc ông Đản-Ngựa ! (tên một ông giám-thị.)

Các bạn tôi tức khắc vỗ tay như pháo nổ : họ đoán trong việc làm của tôi một ý tình-nghịch một trăm phần trăm là ngộ-nghĩan lắm, buồn cười lắm, bởi nó là một việc chưa từng ai đã làm.

Được hết thầy tán-thành, tôi liền cặm-cui nghĩ bài chúc văn. Muốn hiểu rõ việc làm của tôi, bạn đọc cần phải hiểu rõ cái tình-trạng tinh-thần giữa giám-thị với học-trò đã. Giám-thị là những người



thay ông đốc đề giữ gìn và làm cho trật-tự của nhà trường được k í n h trọng. Đóng vai *đội xếp*, giám thị tất nhiên bị học trò ghét ngon ghét ngọt, nhất là những học trò nghịch ngợm. Các viên chức này lại không có cái quyền lực tinh-thần như các vị giáo - sư, vậy các ngài cứ tưởng tượng đủ thấy cái tình thế *chạch bở rở cua* của giám-thị là khó chịu như thế nào vậy. Họ bị học-trò chế riễu, chòng ghẹo bằng đủ cách. Họ bị học-trò đặt cho những cái tên hiệu rất buồn cười và tài tình. Bài thơ sau đây là một chứng cứ về cái tài đặt tên của bọn học-trò quỉ-quái :



*Nghìn năm văn vật đất cô le :
Ghi-đông xe cuốc (1) nghiêng Cự què,
Anh Phùng, trọc tếch đầu sư cụ ;
Anh Nhân, gà thiến gáy le te (2)
Đản ta khoản ấy cừ hơn ngựa ;
Thổ tục, ai hơn Bình tàu phè !
Mũ dạ từ thời chàng Tiểu Phở
Quỳnh cóc vận Trời ăn bần ghê*

Học trò ghét giám-thị như thù địch mà nay tôi lại xướng lên cái việc làm bài chúc Tết ông giám-thị thì chẳng cần phải thông-minh lắm, ai nấy đều biết là tôi định làm trò cười rồi. Mà trò cười lại là một cái gì học-trò thích nhất.

Buổi chiều hôm sau, giờ *étude*, phiên ông Đản-Ngựa. Khi ai nấy vừa ngồi yên chỗ, tôi liền đứng dậy và tiến lên trước bàn giấy của ông, tay cầm một bài chúc từ. Cả lớp im phăng-phắc — cái im lặng nó báo trước một trận bão cười. Và ông giám-thị, vừa 'hấy tôi dò lên, liền cau mặt hỏi :

— Cái gì ?

Tôi khúm-núm :

— Thưa thầy, anh em chúng tôi sắp về Tết. Nhân dịp thầy trò sắp tạm biệt nhau, chúng tôi gọi là có mấy nhời thành kính, xin thầy nhận cho.

Một sự phi thường đến nỗi ông giám-thị thấy

1.) Tên hiệu một viên giám-thị có bộ ria như cái gui-đon xe đạp.

2.) Một viên giám-thị có tật hễ nói là khuynh hai khuynh tay như đôi cánh con gà sắp gáy.

ngay một cái gì đáng phải đề phòng :

— Các anh có lòng quý hóa, tôi cảm ơn. Nhưng bây giờ làm gì ! Các anh cứ chịu khó tôn trọng kỷ-luật nhà trường là đủ... tỏ ra các anh có lòng mến tôi. Còn chúc-từ, anh đưa đây, không cần phải đọc.

Cả lớp nhao nhao :

— Không ạ, xin thầy cho phép chúng tôi... ề, Lan-Khai, đọc đi !..

Thấy học trò làm ầm-ĩ quá, ông giám-thị sợ những tiếng náo loạn như chợ vỡ lọt đến tai ông đốc chẳng, ông ta đành phải chịu nhượng-bộ, tuy đã đoán thấy rõ-rệt mình sẽ bị lũ học-trò quỉ-quái đem ra làm trò cười :

— Suyt ! Các anh sao lại ồn-ào quá thế ? Các anh muốn tôi nghe thì càng nên im-lặng lắm chứ. Nào, anh Lan-Khai đọc đi vậy !

Bằng sầm vớ được gậy, tôi liền giăng bẳng và liếc nhìn các bạn một lượt, đoạn nghiêm-trang đọc :

« Thưa thầy,

Ngày tháng như thoi đưa, như... ngựa chạy... »

Một trận cười, phát ra từ bốn mươi cái miệng há hốc, vụt tung lên trong gian phòng học, như cả một cái mặt bể nổi sóng. Ông đốc, người lùn và béo tròn như quả cam tức khắc hiện ra. Một cuộc thăm-vấn nhanh chóng để tìm thủ - phạm sự làm rối trậ - tự. Một trận mắng như tát nước vào mặt mà tôi cứ phải ngậy ra để nhận lĩnh lấy. Tiếp theo, một cái phạt ở lại trường bốn hôm, nghĩa là đúng ba mươi Tết. Mãi năm giờ hôm ấy tôi mới lên đến Tuyên-quang. Mẹ tôi nửa khóc nửa cười :

— Con học hành thế nào mà cuối năm còn phải phạt thế ? Mẹ tưởng con không lên thì Tết này mẹ nhất định không làm gì hết ! ...

LAN-KHAI

**MÃM MỚI, LỄ BÁI GÌ BẰNG! CẦU PHÚC
ĐẦU HƠN! CÓ BỆNH CHỈ NÊN DÙNG :**

Thuốc Hậu-Sản Bá - An

Chuyên chữa các chứng hậu-sản 2p00

Thuốc Đại Cổ-Tĩnh Bồ-Thận Bá - An

Chuyên chữa di, mộng tinh, bất cố và hiếm muộn. Giá 2p00

Thuốc Lậu Trắng Bá - An

Chữa các chứng lậu mới phải và kinh niên chỉ 1 hộp 3p00. Còn nhiều thuốc linh nghiệm nữa. Ở xa mua thuốc gửi thư về :

NHÀ THUỐC BÁ - AN

Xem mạch gọi đúng bệnh căn

30, Đường Cái Dải — Haiphong

ĐẠI-LÝ. — Hanoi : Thọ-Bình 73 phố Hàng Gai — Nam-Định : Việt-Long — Bắc-Ninh : Vĩnh-Sinh — Phú-Thọ : Vạn-Thọ — Bắc-Cầu : Trần-Mại.

NỮ' THI-SĨ VỚI THƠ' XUÂN

của bà MỘNG-SƠN

Nắng vàng trở lại. Chim cùng nhau hòa nhạc và những cánh mai tuyết điểm trời xanh đã báo tin xuân.

Xuân sang. Cảm-tưởng của những người yêu xuân, tiếc xuân tràn-ngập lòng. duy cách tả của từng người rất khác nhau vì mỗi người có một sinh-hoạt tinh-thần riêng. Bởi vậy muôn cảnh đẹp, ý hay của xuân thu vào lòng người mà khi nhìn nắng gieo, chim hót, hoa cười, mỗi người vẫn thấy lòng rung-lộng theo một nhịp riêng.

Nhất là đối với thi-nhân, xuân là nguồn hứng vô-tận, tài-liệu cho bao nhiêu văn tuyệt-tác. Lạc vào rừng thơ cổ của ta, tôi thấy những tài-hoa xưa với nỗi lòng của mình lên trang giấy bằng

muôn điệu khác nhau : bài hay về xuân - tình, bài đẹp về xuân - cảnh,

bài trội về xuân - hức, bài nổi về xuân - sầu. Mỗi bài một tứ như hoa xuân mỗi cánh một màu.

Tôi say - sưa đọc thơ chẳng khác gì người ngây - ngất nhìn hoa. Hôm nay mở cửa rừng thơ xưa, tôi mời các bạn cùng vào chơi từng cánh. Đi đi, xin các bạn nhẹ gót đi.

Hương xuân

bay ngào-ngạt. Ngàn cây đua tươi đề nhura dướn lên mọi lá, mọi cánh. Hoa cũng đua nhau nở và nở cả ý vui.

Trương Quỳnh-Như nữ-sử chỉ ưa sống một mình. Không lấy ai, nữ-sử đem cái tình bác-ái của thi-nhân sáp-hóa vào nhân-loại và vũ-trụ. Xuân về, nữ-sử cũng mở lòng đón xuân, nhưng đây là lòng từ-bi của người mộ đạo Phật nên tiếng kinh là tiếng chim, tiếng gió là tiếng đàn :

*Roành chở bè từ vòn sắc ngọc,
Đỉnh in trăng thệ tỏ màu hoa,
Vèo-von kệ mới câu chim giống,
Riu-rit đàn xuân khúc gió hòa...*

(Quỳnh-Như thi-tập)

Muốn lánh đời, Ni-Tần ẩn mình ở am mây, lấy vô-sự, vô-tâm làm đặc-chí. Nhưng Tiên-hoa viện Pháp-vân hạc-đạo am chỉ là nơi ngừng gót của bà. Năm lớn tuổi, vì lòng liên-tài, vua vời bà làm phi-tần. Vào cung được sáu tháng thì xuân về. Bà thấy những nhị vàng, trắng chen nhau, những cánh biếc, hồng tựa nhau mà liên-tưởng đến cái tình đậm-thắm của vua :

*Cung sáu trong trướng lại qua mừng,
Tha-thiết người thay ! hồi gió đông !
Man-mác nhị vàng chen nhị trắng !
Phất-phơ cánh biếc tựa cánh hồng...*

(Ni-Tần thi-tập)

Đến Hồ xuân Hương, chúng ta thấy cả một thế giới của xuân-tình. Với lời thơ tự-nhiên mà rất chuốt đẹp.

Cũng tả tình xuân nhưng tả bằng những tứ thơ dài-các, phảng-phất quốc-hồn, bà huyện Thanh-quan hạ bút :

*Duyên với văn-chương nên dán chữ,
Nợ gì trời đất phải giồng nêu.*

(Nhàn-Khanh thi-tập)

Xuân trang-nghiêm đến với vị Cung - trung giáo-lập của vua Tự-Đức thì xuân cũng hồi-hợp gõ cửa vào nhà Quận-Hoàn phu-nhân. Hoa đưa hương, nguyệt in rèm Thiện-Ninh các :

*Ngào-ngạt tin xuân hoa đón cửa,
Rõ-ràng vẻ thụy nguyệt in rèm.*

(Bá-Vân thi tập)



Cổ-nhân, có người thưởng xuân ở chùa, ở cung, ở lầu, nhưng cũng có người rước Đông-quân bằng cách chèo thuyền lững-thững ở trên sông. Ấy là bà Sương Nguyệt Anh. Sẵn hồn thơ thâm-hậu mà hòa-bình, bà đọc :

*Xuân về, già trẻ xuân xuân mãi.
Chèo quế, buồm lan đung-dĩnh chơi.*

(Thủy-dinh tân-thi)

Tuy vậy, trong muôn hoa nở, chúng ta vẫn thấy có hoa không ử được sương xuân, không ngấm được khí xuân, không đón được nắng xuân cho nên có đóa hương mà hương vẫn không bay được khắp bốn trời. Hoa không nở được hết sức nở của hoa thì ý xuân không đẹp, tình xuân không cháy và lòng xuân không trút được hết những hơi giá lạnh của tàn đông. Hóa-công đổi vạn vật thành ra vô-tình lắm.

Ở miêng đất văn-chương cũng vậy. Chúng ta đã lắng nghe bao nhiêu lời tiêu-sái của những thơ xuân-sầu, hoặc tiếc nhớ ngày xuân đã qua, hoặc ngậm-ngùi tuổi xuân sắp hết, hoặc ta-oán tình xuân thôi nông...

Các bạn ai lại chẳng say-sưa đọc bản dịch Chinh-phụ-ngâm của Đoàn-thị Điểm. Ngòi bút tài-tình, nùng-lệ của bà đã lôi-dắt chúng ta. Nhưng đoạn bắt ham-mê nhất chỉ là đoạn tiếc xuân, nhớ xuân của chinh-phụ đương đạo hải ở lâu cũ rêu in :

*Trải mấy xuân tin đi tin lại,
Tới xuân này tin hãy vắng không.
Thấy nhận luống tưởng thư-phong,
Nghe hơi sương, sấm áo bông sấn-sàng...
...Gió xuân ngày một vắng tin,
Khả thương-nhớ hết mấy phen lương-thi.
Sầy đến khi cảnh diêu đóa nguyệt,
Trước gió xuân vàng, tia sánh nhau.*

(Chinh-phụ-ngâm)

Thấy bông nhận, nghe hơi sương, đón chiều gió, chúng ta đã cảm-dộng vì văn-tài của Hồng-Hà nữ-sĩ, song chúng ta còn cảm-dộng nhiều hơn khi nghe tiếng khóc nghẹn-ngào của Ngọc-Hàn công-chúa.

Chúa Quang-Trung thăng-hà. Sống lại một mình, Ngọc-Hàn được chúa Cảnh-thịnh tôn làm Hoàng-thái-hậu. Ở ngôi cao - quý, đầy ngọc-vàng,

châu-báu, nhưng bà còn biết xuân là gì nữa đâu ! Thấy xuân về mà bao nhiêu hoa tình-ái đều rụng lá-tả như mưa, bà đem lời thống-thiết tỏ lòng

truy-mộ chúa Quang-Trung :

*Tưởng lời di-chức thiết-tha,
Khóc nào lên tiếng, thức mà cũng mê !
Buồn thay nhẽ ! xuân về, hoa ở,
Mỗi sầu riêng ai gỡ cho xong ?...*

(Ai-tình vãn)

Nghe những điệu lâm-ly của mấy thi-nhân, chúng ta cùng thấy cổ-nhân dụng ý. Xuân không riêng làm đẹp thế-gới bên ngoài, xuân còn phải làm tươi cả thế-giới bên trong. Khi lòng xuân héo thì cái đẹp của tạo-vật có ích cho ai !

Nhưng đọc cổ-nhân không phải chúng ta chỉ đi vào tâm-giới cổ-nhân, chúng ta còn phải vượt cả cung-tường triết-lý nữa. Tạm mở mấy cánh rừng thơ, xuân này chúng ta hãy cùng nhau cất tiếng ngâm.

Ngâm đề hiệu cái tình xuân và tình thơ của người xưa. Ngâm đề tin rất sâu ở cái quá-khứ của văn-học vì, trước ta, xuân còn nhiều, hiện-tại là đây, mà tương-lai chưa đến.

MỘNG-SƠN

Tâm
tình
cuối
năm



Từng cơn mưa lạnh đến dần,
Đời chưa trang điểm mà xuân đã về !
Hững-hờ để nước trôi đi,
Giấc chiêm-bao hết, lấy gì mà say ?

Quê ai đầm-ấm đầu đây ?
Cho tôi về sống mấy ngày trẻ thơ.
Ước gì trăng gió đón đưa,
Mắt chờ gặp mắt, tay chờ cầm tay,
Cầm lòng, nhận chút hương bay:
Tình thương đất lạ, cỏ cây làng người,

Quê nhà ai sẵn nụ cười,
Nước mây hồn hậu mà trời bao dung ?
Cho tôi về hưởng xuân cùng ;
Bao giờ hoa nở thì lòng cũng nguôi.

Đinh-Hùng



RÌU BÚA CỦA NHÀ NHỎ



Cuồng-sĩ Nguyễn-Xiễn được quan Tổng-đốc Tôn-thất-Thuyết biệt đãi giữa ngày mừng một Tết năm Nhâm-tuất (1862)

A I đã từng xem qua lịch-sử văn học cổ-kim của nước nhà hẳn cũng đều rõ lai lịch ông Cống-Quỳnh (tức là Trang-Quỳnh) ở đời nhà Lê, một bậc văn-nhân có tài khôi hài quán chúng ở thời bấy giờ. Những thí văn đối liên của ông ngày nay còn truyền tụng lại rất nhiều, song trước tác của ông toàn là kinh thể ngao đời khiến cho ai nấy, dù người bị châm biếm đi nữa cũng phải vui cười mà bái phục.

Bởi thế cho nên (ông nào cháu nấy) con cháu ông trang Quỳnh về sau cũng có nhiều người nổi được cái tài hoa lỗi lạc của tổ tiên mà cống hiến cho văn-học nước nhà những trang văn chương giá trị.

Dưới triều vua Tự-Đức, có ông Nguyễn-Xiễn cháu 4 đời của ông trang Quỳnh, người huyện Hoằng-hóa, tỉnh Thanh-hóa bây giờ. Ông đồ Xiễn là người học rộng, tài cao, văn hay chữ tốt, song vô duyên với nghiệp quan trường, thi hoài không đỗ. Ông bất đắc chí, nên trở ra ăn chơi phóng đãng, trà đình, tửu quán, vô sở bất vi, tuyết nguyệt phong hoa, ngón gì cũng thạo. Nhưng trời giả thường ghen ghét kẻ tài hoa, cảnh nhà ông đồ Xiễn thường luôn túng thiếu, ông phải đi ăn nhờ ở trọ với các bạn thân trong một năm hết 9 tháng.

Tết năm Nhâm-tuất (1862) đã đến, mà nhà cửa lại không sắm sửa được một thức gì, nên sáng mồng một mà ông vẫn lang-thang đi ngoài phố đề hương cái thú ăn Tết của mọi người an-nhàn giàu có. Vô tình, ông đi đến một dinh thự nguy nga, đồ sộ mới làm xong, ông hỏi ra mới biết đó là nơi nghỉ mát của quan Tổng-đốc thân vương Tôn thất Thuyết. Quyền hành của cụ Tôn hồi đó oai vang khắp xứ, được phép tiền trạm hậu tấu, khiến cho trên từ bậc công hầu, dưới đến hàng lệ thứ thầy đều khiếp sợ, lỡ vô ý hoặc trên tức cụ là bỏ mạng ngay.

Đồ Xiễn há phải không biết vậy, song anh đồ gàn dở không bao giờ biết sợ hãi trước oai phong uy liệt ấy, nên hôm đó, định vào yết-kiến đề tọc tức cụ chơi cho thỏa chí. Trong lúc cụ Tôn đang ngất ngưỡng ngồi trên sập gụ, rít một hơi thuốc lão trong ống bạc, và nheo mắt nhìn những hoành phi câu đối chúc tụng mình đầu năm đề các quan hàng tỉnh kinh-tặng, cụ lấy làm vui-vẻ khi nghĩ đến địa-vị cao-cả của mình, thì có tên lính hầu rón-

rén bước vào cúi bầm có một cổ-nhân muốn vào chúc-mừng cụ lớn.

Nghe tin cổ-nhân, cụ Tôn hớn-hở truyền lệnh cho mời vào. Thì ra cổ-nhân của cụ lớn là một gã nửa người nửa ngợm, đầu bù tóc rối, mặt-mũi nhem-nhuộc, quần-áo lòi-thời lệch-thếch, vênh-vào đến trước mặt cụ mà cũng chẳng xá chẳng chào. Cụ Tôn còn đang phân-vân trước con người dị-dạng ấy, thì gã kia bỗng cười lớn lên một tiếng ngạo-mạn rồi quay bước trở ra.

Thấy cái thái-độ kiêu-kỷ xất-xược của gã kia làm vậy, cụ Tôn tức-giận điên-cuồng quát hỏi :

— Người là thằng nào ? Sao dám vô-lễ trước mặt ta như vậy ?

Gã quay lại đáp :

— Bầm cụ lớn, tại cụ lớn trước, cụ lớn không biết chiêu-hiến đãi-sĩ, còn trách cuồng-sĩ này vô-lễ sao được ? Ông Châu-Công ngày xưa là bậc đại-thánh đại-hiền mà đang bữa cơm còn phải nhả ra đang gọi đầu còn phải vắn tọc lại đề tiếp-rước những bậc hiền nhân quân-tử. Cụ lớn hãy so-sánh với Châu-Công xem thế nào ? Vả lại cụ lớn là bậc Thân-Vương của triều-đình giữa lúc quốc-gia hữu-sự, cụ lớn không biết chiêu-hiến mộ-sĩ như Châu-Công mà lại còn nộ-nạt hiền-sĩ, đời nay còn ai muốn gần cụ lớn nữa.

Như bị dội 1 thùng nước lạnh vào người, cụ Tôn thất-Thuyết biết mình đứng trước một kẻ ghê-gớm, nên mới dịu sắc mặt giả-tảng vui-vẻ đáp :

— Lão-phu thật bất-cung, xin hiền-sĩ tha-thứ.

Nói xong cụ liền sai quân-hầu pha trà lấy ghế mời ngồi, tiếp-dãi như một vị thượng-khách. Uống xong một tuần trà, cụ Tôn bèn cất tiếng hỏi :

— Dám hỏi hiền-sĩ tôn-danh quý-tánh là gì ? và ở đâu đến đây ?

— Bầm cụ lớn, cuồng-sĩ này là con cháu bốn đời của trang Quỳnh, chính tên Nguyễn-Xiễn.

— À, phải hiền-sĩ cũng thuộc ở tỉnh này mà lão-phu thường nghe đại-danh, hôm nay lão-phu được thừa-tiếp thật là hạnh-ngộ. Có lẽ hiền-sĩ đã đến đây chắc có sự gì chỉ-gáo ?

— Bầm cụ lớn, có—cuồng-sĩ này trộm nghe cụ lớn được quyền «tiền trạm hậu tấu» nên chủ định đến đây nhờ ơn cụ hóa kiếp đi cho.

Cụ Tôn thất-Thuyết lấy làm ngạc-nhiên liền hỏi :

— Sao hiền-sĩ nói lạ lắm vậy ?

— Bầm cụ lớn, tôi là một hàn-sĩ, từng đọc hết thánh-hiền mà vẫn không được đất-dụng với đời, hôm nay là ngày mồng một Tết mà không có được một nén hương đề bá-vọng tổ-tiên, quần-quai trong cảnh cơ-hàn, nên không thiết sống nữa. Vậy mong ơn cụ lớn ban cho một lưỡi gươm hóa kiếp thì kẻ hèn này cảm ơn đức của cụ lớn vạn-bội.

— Ô, sao hiền-sĩ nỡ với chân đời thế, nếu hiền-sĩ muốn ra giúp việc triều-đình thì may lắm, để lão-phu bảo-tấu cùng chúa-thượng.

— Bầm cụ lớn, cuồng-sĩ này xin muôn vãn cảm tạ, song như vậy chẳng hóa ra trái với cái chủ tâm của kẻ hèn này trước khi bước đến đây hay sao? Cuồng-sĩ này đến đây chỉ cầu chết mà không cốt cầu sống, sống mà sống nhục, sao bằng chết mà chết trong. Kẻ cuồng-dại này thiết nghĩ đứng trước-trượng-phu mà gặp thời, thì nên đem cái sở học của mình ra mà phò vua giúp nước, sửa đời loạn-lạc thành ra đời thái-bình, hóa kẻ hung-tàn ra người có giáo-dục, như vậy mới tỏ ra cái chí-khí trượng-phu quân-tử. Còn nếu làm điều bất-nghĩa, hại kẻ một vô-cố, không cần nghĩ đến liêm-sĩ, thì giá cho kẻ hèn này làm đến chức tể-tướng thì cũng không dám nhận. Còn như ai chết mặc ai, ta sống cứ sống, sống để báo hại sanh-linh, đặc thời thì xem mạng người như cỏ rác, lúc thất chí thì bán nước cầu vinh, nay bợ đỡ kẻ quyền môn, mai chui lõn người khanh tướng, làm những việc mà kẻ có lương tâm không bao giờ thêm làm, nói những điều mà kẻ sĩ-phu không nỡ nói. Vậy sống như thế là sông để sống nhục, các bậc hiền-nhân không ai thêm sống.

Vả lại, bầm cụ lớn, người ta ở đời, ai cũng phải có một lần chết, có cái chết nặng như núi Thái-Son, lại cũng có cái chết nhẹ tựa lông-hồng, được chết mà còn nguyên khí-tiết của đấng trượng-phu ở đời loạn-lạc này thì cũng nên chết lắm.

Nghe đến đây, cụ Tôn biết Nguyễn-Xiễn đến đây mắng khéo làm nhục mình, song giả tưởng như không để ý, bèn đứng dậy nâng một tách trà đưa cho đồ Xiễn mà ngắt lời :

— Tục-ngữ có câu : Truyện-trò cùng quân-tử trong chốc lát bằng học sách mười năm. lão-phu được nghe cao-kiến khác nào như được mở đám mây mù, vén màn khói ám, ước gì hiền-sĩ ở đây với lão-phu sớm hôm đàm-đạo thì vui-vẻ biết nhường nào !

— Bầm cụ lớn, tôi là một kẻ cuồng, ngu, điên, ngộ, tính phóng-đăng đã quen đi rồi, chỉ thích cỏ thơm hoa đẹp, nước biếc non xanh, bạn cùng đặt khách tao nhân, vui cùng trăng

thanh gió mát, nếu đặc thời 'hì tung hoành vũ trụ, hò hét mây mưa, đem phẫn sơn mà tô điểm sơn hà, lấy vũ lực mà tranh quyền bá chủ. Còn không thời thì ôm chủ nghĩa « Độc thiên kỳ thân » ở nơi hang cùng ngõ hẻm mà cũng vui, ăn chén canh rau mà vẫn thú, lấy nghĩa-lý mà nuôi vẹn tâm thân, dùng văn chương mà làm bạn tri kỷ giàu sang cũng chẳng chuộng. quyền thế cũng chẳng ham, miễn lòng chẳng thẹn với lòng là đủ. Đó cũng là một cách tiêu khiển, xin cụ lớn đề cho kẻ hèn này được phép tiêu dao tự tiện thì hơn.

— Đã thế, lão phu nào dám ép, song có một điều là không hiểu tại sao hiền-sĩ lại tự nhận mình là cuồng ngu, điên ngộ, hiền-sĩ có thể cho lão phu rõ được chăng?

Đồ Xiễn từ tốn đáp :

— Bầm cụ lớn, cuồng là tôi cuồng với trời đất, ngu là tôi ngu với thánh hiền, điên là tôi điên-đảo hắc-kiệt, ngộ là tôi kỳ ngộ thần tiên đó thôi.

Rồi ông ứng khẩu đọc luôn 4 câu thơ :

Tàng-Điêm cuồng thiếu địa, (1)

Nhan-Uyên ngu thả-hiền.

Hán-Cao điên hào kiệt,

Võ-Đế ngộ thần tiên.

Đọc xong ông nói tiếp :

— Bầm cụ lớn, đó là cái thần-hồn Cuồng, Ngu, Điên, Ngộ của cuồng-sĩ này vậy.

Cụ Tôn-thất-Thuyết nghe xong cười lớn lên một cách thích chí và nói :

— Vậy thì « kỳ ngu bất khả cập » đó (nghĩa là cái ngu của hiền-sĩ không ai bì kịp, vậy).

Được ăn uống no say, đồ Xiễn đứng lên cáo thoái. Khi đưa tiễn đồ Xiễn ra khỏi dinh, cụ Tôn còn lấy vàng thoa bạc nén ra tặng nữa. Thế là năm ấy đồ Xiễn được tiền để ăn Tết chơi xuân tha hồ vậy.

(XUÂN KÍNH thuật)

1) — Ông Tàng-Điêm cuồng cả trời đất, Nhan-Uyên tức là ông Nhan-Hồi chỉ ngu là ngu với đức thánh Khổng, ông Hán-Cao-Tổ xoay xỏa làm điên-đảo cả hào-kiệt và ông Hán-vô-Đế kỳ ngộ thần tiên.

Y chủ

XEM MẠCH THÁI-TỔ

Gọi rõ bệnh căn, không cần bệnh-nhân phải kể ; chữa dân ông, dân bà, người già, trẻ em mọi chứng.

Các thứ thuốc chế thành cao, đan, hoàn, tán, đóng liễn, hộp, bệnh nào thuốc ấy tinh vi, cả thuốc chén, cho đơn v. v. ...

Giờ xem mạch : Sáng 7 giờ đến 11 giờ (mỗi lần 0p50).

Những phương thuốc đã có tín nhiệm :

KHÍ-HƯ-BẠCH-TRẠC-HOÀN SỐ 11

Chữa tử cung sai, lệch, lạnh, đau, ra khí hư mãi không chỉ v. v. ... 1p20 một hộp

ÂM-DƯƠNG DỊCH BỆNH SỐ 6

Đau dạ dày, phòng tích, lâu tiêu, ợ, ỉa ch, da bụng đầy, ngấm đau bụng, da vàng v. v. ... 0p60 1 gói.

ĐẠI BỒ NGUYÊN-KHÍ KIẾN TỖ BỒ VỊ SỐ 41

Hậu sản, đau bụng kinh niên, đau tức, đau gan, mặt, tý thận hư, hỏa kém, bỏ dạ giầy, lá lách v. v. ...

Giá 1p50 1 hộp

CỐ TINH BỒ THẬN HOÀN SỐ 7

Chữa mọi chứng về thận — mất mớ, đau lưng, phổi ráo, di, ho, mộng tinh v. v. ... 0p70 1 hộp

SÂM NHUNG DƯƠNG TÂM SINH HUYẾT

BỒ THẬN HOÀN SỐ 12 (2p00 1 hộp)

Bồi bổ lực phủ ngũ tạng, tâm, thận hư, khí huyết suy, óc kém, gân cốt yếu, dùng da thịt hồng hào trắng k ện.

BỒ-THẬN TRỪ-LÂM TUYỆT NỌC LẬU SỐ 3

Rút nọc bỏ hận.

Giá 1p00

Nhà thuốc Phạm-Bá-Quát SỐ 27, PHỐ HÀNG THAN HANOI

Vài nơi đại-lý — Haiphong : Mai-Linh — Namdinh : Việt-Long — Haidương : Quang-Huy — Bắc-Ninh : Vĩnh-sinh — Huế : Văn-hòa — Thanh-hóa : Phan-an — Ninh-bìn : Ích-trí — Đông-Triều : Đông-thụ v. v. ...



NGÀY XUÂN, NGƯỜI BỐC LỘT NGƯỜI

KÝ ỨC VUI của THIẾU-SƠN

bánh.

Tôi được anh tin nhưng cũng được cha tin, vì cha tôi khi nào bao giờ lại ngờ rằng tôi có thể để cho anh tôi « mua » được.

Một tết nọ, ông cụ đưa cho tôi 5 đồng bảo phải giữ cho kỹ và chỉ tới lúc nào anh tôi xuống thuyền đưa ra tàu về Haiphong nhập-học thì lúc đó mới đưa cho làm lộ-phí.

Điều bí mật đó anh tôi khám-phá ra một cách dễ-dàng và tôi cũng dễ-dàng với anh tôi thái-quá.

Mùng 3 Tết, hai anh em rủ nhau qua Đông-Hưng chơi. Đông-Hưng là đất Tàu chỉ cách đất Việt có một cái cầu nhỏ. Nhưng Đông-Hưng cũng có những chợ đồ-bác mà người đánh lại có phần đông hơn ở Mon-cay của mình.

Anh tôi bảo tôi đưa ra 5 đồng cho anh tôi đánh phân-thán và hứa chắc rằng sẽ kiếm được thêm tiền cho hai anh em đủ ăn lẩm-sẩm, bánh-bao và uống trà thưởng xuân ở một hiệu Cao-lâu thượng-hạng.

Tôi hỏi :

— Nếu rủi mà thua thì tiền đâu mua vé tàu về nhập học?

Anh tôi đáp với một cái lý-luận chắc khur :

— Thua sao được ? Đừng nói gở.

Thế mà tôi tin rồi tôi đưa ra cho một nửa phần tiền và đứng cạnh bên anh tôi với trái tim hồi-hộp.

Thật là một trận giặc chớp nhoáng vì chưa quá nửa giờ mà nửa cái gia-tài của chúng tôi đã tiêu sạch. Anh tôi bảo đưa thêm.

Tôi đưa ra một đồng nữa rồi xuất-kỳ bất-ý, tôi chuẩn.

Chuẩn về tới cầu bên đây, tôi nghĩ thế nào không biết lại chung với một sòng phân-thán và đánh với số tiền còn dư : trên một đồng.

Đánh liều mạng mà trúng luôn mấy keo.

Tính đánh một keo cuối cùng với những số tiền đã trúng và nếu được

thì sẽ gỡ thua cho anh và có tiền ăn lẩm-sẩm.

Tôi đặt chênh thần « Nhất », nhưng liền ngay lúc đó lại có một ông khách đem số tiền của tôi đặt qua cửa « Tam ».

Tôi cần hăn thì hăn nói :

— Không hề gì lờ !

Mà không hề gì thật, vì ở sòng bạc vẫn có lệ cho người này chạy tiền của người khác. Nếu trúng thì ăn cả tiền chạy lẫn tiền trúng. Rủi thua thì cũng phải bồi-thường cả vốn lẫn lời cho người ta.

Kết-quả mở ra : Nhất.

Thấy anh khách mặt xám lại mà tôi đâm lo-ngại trong lòng.

Tôi ra hiệu bằng mắt. Mặt anh vẫn xám ngắt mà điềm nhiên.

Tôi ra hiệu bằng tay. Đầu anh hơi động dẩy.

Tôi thúc-hối bắt thưởng. Anh co giò toan chạy.

Tôi niu áo anh, tôi kêu cảnh sát,



Cảnh sát tới bắt anh phải bồi-thường. Anh móc túi đưa ra có mấy xu vốn-vẹn.

Anh đành lộ áo ngoài vớ cho anh chủ sòng. Anh này đưa ra một đồng

Hồi thừa nhỏ tôi ở Mon-cay khá lâu và thường lui tới những sòng bạc công khai hợp thành chợ.

Ở đây, người ta đánh đồ chữ, đánh phân-thán và đánh thò-lò mà người ta không gọi là thò-lò, nhưng gọi theo các chú là : lục-phống.

Lục-phống tức là thò-lò sáu mặt.

Tôi ưa đánh lục phống vì nó là thứ đồ-bác của hạng ít tiền và của loại con-nít.

Tuy không ham-mê lắm nhưng thỉnh-thoảng có 5, 3 xu hay một vài hào tôi cũng cao-hừng lần mò tới sòng để kiếm chác thêm hay để đóng góp cho mấy chú con trời.

Tôi có một người anh học ở Hải-phong, cứ nghỉ hè hay nghỉ tết lại ra chơi Mon-cay.

Anh tôi hình như có máu cờ-bạc trong huyết quản nên từ mỗi lần về nhà là tức-thị phải chơi phân-thán.

Có tiền chơi mà không tiền cũng chơi được.

Mỗi lần ngài muốn chơi là ngài cứ việc tới Vạn-Báo cầm quần, cầm áo, cầm nhẫn hay đồng-hồ.

Nếu về tết thì ngài đem về luôn cả quần áo mùa hè.

Nếu nghỉ hè thì ngài cũng không quên mấy bộ y-phục mùa đông.

Ngài có thể cầm những đồ đó và chuộc ra liền sau khi khai hoàn đắc thắng.

Nhưng phần nhiều là ngài gửi luôn ở đó để kỳ sau về sẽ chuộc.

Những công-việc ấy ngài làm một cách rất kin-đáo vì nếu cha tôi mà hay được thì có đòn.

Nhưng kin-đáo với cha mà không kin-đáo với em vì tay không xúi-dục nhưng tôi vẫn a-lòng.

Rể anh đâu thì có em đó, và mỗi lần anh phát-tài tức thì là em có quà

bạc (1).

Anh lột thêm đôi giày, thêm được 5 hào nữa. Lột thêm đôi bít-tết còn mới tinh, 2 hào. Cộng lại mới là tiền vốn của tôi mà chưa đủ.

Anh đành lột thêm cái quần, được thêm một đồng bạc. Tổng cộng vẫn cứ thiếu như thường, nhưng còn đôi chỉ nữa?

Chủ khách ta hiện chỉ còn lại một mảnh áo lót mình với một cái quần đùi nếu có cầm thì được thêm độ hai hào nữa là nhiều lắm.

Thầy cảnh-sát bảo tôi chịu đi và tôi cũng đành phải làm ơn cho nó được kín-đáo lắm thân mà trở về nhà với vợ con của nó.

Tôi ở sông ra thì vừa gặp anh tôi mới qua cầu về tới.

Tôi hỏi, anh tôi trả lời bằng một cái lắc-đầu đầy thất-vọng.

Tôi móc túi đưa ra một cục bạc hào và vài đồng bạc giấy.

Anh tôi vui mừng lộ ra mặt, vỗ vai tôi mà khen giỏi, khen hay.

Tôi buồn-rầu, chán-nản đem câu chuyện vừa qua mà thuật lại.

Anh tôi bảo tôi:

— «Mày bóc lột người ta. Mày đồ vô-nhân-đạo!»

Tôi đáp lại:

— «Vì anh».

Dưới trời xuân sán-lạn, hai anh em tôi đùa nào cũng được vẻ u-sầu.

Tuy có thừa tiền mà chúng tôi đều không ai nghĩ tới chuyện ăn-lim-sấm, bánh bao và uống nước trà ở hiệu cao-lâu bên đất Khách.

THIẾU-SƠN

(1) Chủ sông cũng cầm đồ, nhưng rẻ hơn ở Vạn-bảo. Nếu quá một kỳ-hạn bao nhiêu ngày không chuộc ra thì họ sẽ đem cầm lại cho Vạn-bảo.

BÀ VUA BẾP VỚI HAI ÔNG CHỒNG

Truyện vui không-tiền khoáng-hậu của D.H.I.

Một buổi, Ngọc-Hoàng lâm chính-điện, Trăm quan bái phục trước sân rồng, Đồng-thanh chúc thọ: «Muôn muôn tuổi»

Ngài truyền ban yến khắp triều-trung.

Chức-nữ quý bên dâng rượu thọ, Tay nâng chén ngọc, nhat đưa duyên Về phía Ngưu-lang say ngấm bần, Sây tay rơi vỡ chén quỳnh-tiên.

Mặt rồng thấtsắc, Thiên-Hoàng giận, Nồi con thịnh-nộ, thét trăm quan Đem sớ Thiên-tào ra nghị tội Và đây Chức-nữ xuống dương-gian

Tề-tướng xuất ban: — «Tâu Bệ-Hạ' Ở m'ền hạ-giới, trên địa-cầu «Hiện thiếu người trông coi bếp nước «Táo-Quân, chức ấy khuyết từ lâu.

«Hạ-thần thiên nghĩ việc tề-gia, «Rất nên cắt-cử một Tiên-Bà. «Tài-đảm ai bằng sao Chức-nữ, «Xin phong xuống trị việc muôn nhà».

Ngọc-Hoàng ngấm-nghi, ban lời khen, Truyền cho ả Chức giáng-trần liền, «Táo vương Thần-nữ», Trời phong sắc Đầu rau cai-trị, một tay tiên!

Chức-nữ cúi đầu, thâm nuốt tủi, Thôi đành cách-biệt hẳn Ngưu-lang,



Mỗi năm chẳng được cùng nhau gặp, Trông vờ Ô-thước, lệ muôn hàng.

Táo vương gặt lệ, cưỡi mây đi, Mây cũng sa-sầm lúc biệt-ly, Bên giải Ngân-Hà, ai thấp-thoáng, Tiếng tiêu đưa lại nhạc sầu-bi.

Một năm nhậm-chức dưới trần-gian, Quen vị đưa tương, chẳng thờ-thần. Gương chẳng buồn soi, đầu biếng chải Đêm khuya, chiếc bóng đợi canh tàn.

Bệ ngọc, một hôm Trời nghĩ lại, Thương thân Táo-nữ một năm ròng Chịu cảnh cô đơn, lòng quạnh-quẽ Ai người ấp lạnh những đêm đông?

Ngài bèn truyền cả Ngưu-lang xuống, Thụ sắc-phong là chức «Táo-Quân», Giữ sớ chi-tiên cho Táo nữ, Cùng coi bếp nước ở trên trần.

Tạ ơn Ngọc-đế, chàng Ngưu vội Cưỡi một trâu tiên, thẳng bước đường Đi suốt đêm ngày, mong chóng tới... Để tìm cho gặp bóng yêu-thương.

Táo-nữ, một đêm trăng sáng tỏ, Đang ngồi thơ-thẩn ngấm mây bay,

QUỐC HOA

61A PHỐ LỚN — THANH-HÓA

Cửa hàng bán sách và tạp hóa

ĐĂNG TIN CAY

Chợt thấy một chàng trai tiến lại
Khean-thai cất tiếng hỏi — «Ai đây?»

«Đêm đã khuya, sao vẫn lặng ngồi
«Giữa trời đông lạnh, hừng sương
rơi?
«Ý chừng có một niềm tâm-sự,
«Hãy ngỏ cho nghe, thiếu-nữ ơi!»

Nữ-vương e-lệ, khẽ nghiêng đầu :
— «Chức-nữ là em, tục gọi «Ngẫu»,
«Năm trước, Thiên-cung, rơi chén
ngọc,
«Trời dấy, cai-quản việc đầu-rau».

Chàng trai nghe đoạn, nghiêng mình
xá:
— «Thỗ-địa là tôi, mắt chẳng tỉnh,
«Ngọc-nữ không hay, cam thất-kính,
«Cúi xin công-chúa rộng lòng tình».

Nữ-vương khiêm-tốn : — «Chẳng hề
chi,
«Giai-cấp, than ôi! có nghĩa gì?
«Thỗ-địa tiên-sinh! Sương lạnh quá,
«Vào đây, đàm-luận truyện văn-thi».

Thỗ-công theo gót, tiến vào trong.
Chức-nữ lân-la, ngỏ nỗi lòng...
Từ đó, hai bên thường sánh bóng
Chẳng còn e-ngại tiết trời đông.

Ngừng bước, chàng Ngưu vội buộc
trâu
Vội-vã tìm ngay đến cò-lâu,

Mắt liếc qua sông, nào thấy bóng...
— «Ô hay! Chức-nữ của ta đâu?»



Ngoài sân, tha-thướt bóng hai người,
Một cặp tình-nhân : ai với ai?
Ngưu bỗng định-thần nhìn thật kỹ,
Dưới trăng, chàng thấy, ôi! mĩa-mai :

Táo-nữ kẻ vai với Thỗ-công
Song-song rạo bước, truyện đang nồng.
Chàng Ngưu ngã gục, tay ôm ngực :
— «Lặn-lội làm chi cho uổng công?»

Vương-nữ đi qua, bỗng ngạc-nhiên,
Kéo chàng Ngưu giầy, hỏi căn-nguyên.

Chia tay giới-thiệu : — «Đây ông Thỗ,
Còn đây người cũ, bạn tình em ».

Hai chàng cười gượng, bắt tay nhau,
Ngượng-ngịu, không ai nói một câu,
Thờ-khắc nặng-nề, êm-ả quá,
Cả ba cùng đứng lặng giây lâu...

Táo-nữ cất lời oanh thỏ-thể :
— «Ấu là duyên-nghiệp tự ngàn xưa,
«Chư anh-hùng hãy nguôi ghen-giận
«Và bình-tĩnh lại, thiếp xin thưa ;

«Duyên-nợ, thôi đành phải trái-trang,
«Thiếp vâng sửa túi cả hai chàng,
«Không phân cả lẽ, ngôi cao thấp,
«Cùng liều cam-chịu tiếng đa-mang».

Cả đôi nén hận, gượng ưng theo,
Trách cụ Tô-Hồng thực trớ-trêu,
Chỉ đỏ chập đôi, không rõ biết,
Già nua lẫn-căn, khéo se liều !

Hôm đó, hai-mươi-ba tháng chạp,
Ngày lành tháng tốt, kết nhân-duyên:
Thỗ-địa, Táo-công cùng Táo-nữ,
Hai anh-hùng chung một thuyền-quyên

Từ đây, dân-gian khắp mọi nhà
Nhớ tuần tháng chạp, buổi hăm-ba,
Lập đàn kỷ-niệm ba vua Bếp,
Cúng vái hai ông với một bà !

D. H. I.

Lòng Thành - Chúa trong đêm cuối năm



Đêm hai mươi tháng chạp.

Bao phủ trong màn sương
điềm bụi mưa mờ trắng, kinh-
thành Thăng-long tự hồ lặng
nghe thời - khắc trôi rì-rì trong
tiếng dế dun lạnh-lùng...

Một hồi trống điềm canh ba
thình-linh vang lên giữa khoảng
tịch-mịch, trì-trọng đến gần như
thê-thảm. Tiếng trống vọng xa
trong không-khí ẩm lạnh, thấm
vào tận thâm - cung, bên long-
sàng đức Thánh-Tôn Hoàng-đế...

Đức vua khẽ buông một tiếng
thở dài ; đoạn, tung tấm chăn

bông nồn phủ vóc vàng, ngài
chống tay ngồi giầy. Viên Thái-
Giám túc-trực bên ngự-tâm, vội-
vã đứng lên, tiến đến trước long-
nhan và chắp tay, cúi đầu chờ
nghe một ý-chỉ.

Nhà vua vẫn lặng im. Ngài tư-
lự nhìn con phượng bằng than
tàn đương cháy đỏ rực trong
lòng chiếc lò sưởi bằng đồng
mắt cua trạm tứ quý.

Một cơn gió rít ngoài sông ;
tám giấy bịt khung cửa sổ tròn
chữ thọ rách toạc ; một luồng
gió từ đêm sương lọt vào, như

một lưỡi thép của con dao rạch ngang bầu không-khí thâm cung đậm ấm. Lý Thánh-Tôn Hoàng Đế rùng mình ; ngài suýt-soa cảm thấy sờn cả da thịt. Thái-giám sợ hãi, vội quay ra tìm bát hồ đề và chỗ giấy rách, nhưng nhà vua gạt đi :

— Hiền Khanh !...

— Tâu Thánh Thượng ?...

— Đêm nay, trời sao rét quá vậy !... Trăm ngự trong cung, trên chần, dưới nệm mà còn buốt thấu xương không ngủ được, thì bọn tù nhân ở nhà Linh Ngũ khổ - sở biết chừng nào !...

Viên Thái-Giám không hiểu ý vua định nói gì, vẫn cúi đầu không nhúc-nhích.

Thánh-Tôn Hoàng-Đế tiếp theo, giọng buồn-rầu :

— Nghĩ thương cho chúng, cũng là con dân của Trẫm cả. Chỉ vì ngu dốt, đôi rách, tham lam, chúng đã phạm quốc pháp, cứ lý thì nên giặc mà tình thực nên bao dung. Nhất là bây giờ, năm hết Tết đến rồi, người ta ai chẳng có quê hương, chẳng có mẹ cha, tiên tổ. Chúng ngồi trong ngục, nghĩ đến nơi phần tử, nghĩ đến bát nước nén hương cho người chín suối, gan ruột khỏi sao như muối xát... Nay Khanh, ý Trẫm muốn thử thi-hành một chính sách mới, vậy Khanh khá tuân theo chiếu chỉ, bắt đầu ngay đi...

— Hạ-thần xin tuân lệnh.

— Sớm mai, Khanh truyền cho bọn tội-nhân lên cả ở sân rồng chờ buổi chiều để nghe Thánh dụ.

— Phụng mệnh !

Viên Thái-Giám lui ra. Và Thánh - Tôn Hoàng - Đế, từ lúc ấy, mới tự hồ được yên dạ. Ngài nằm xuống chỗ cũ, im lặng... Ở một góc cung, cơn rồng đức vẫn lạnh-lùng bỏ rơi từng giọt quang âm thánh thót...

Tình sương hôm sau.

Văn vũ trăm quan đã túc-trực ở giữa Triều - đình. Ngoài sân châu âm sương lạnh, bọn tội nhân nối nhau ngồi thành mấy hàng dài, co ro trông về sợ-hãi, ngờ vực.

Bỗng, một hồi trống long phụng. Ngự giá đã tới ! Đức vua lên bảo-tọa. Các quan chấp sự hành triều lễ. Văn vũ tung-hô vạn tuế...

Lễ Triều-bái xong, đức vua từ từ đứng dậy, rời khỏi ngự tọa, tiến ra thềm son. Bọn tội-nhân cúi rạp cả xuống trong khi đức vua nhìn cái cảnh đôi rách, cái cảnh gông đóng chổng mang ấy một lượt bằng đôi mắt long-lanh ướt... Ngài cảm-động quá, thở dài mà rằng :

— Các con ! Năm hết tết đến rồi, các con có nhớ cửa nhà, cha mẹ, vợ con hay chăng ?

Một vài tiếng đáp rụt-dè, kèm những tiếng nức nở...

Vua tiếp :

— Các con đã phạm tội, các con phải giam cầm, vậy thì cha mẹ, vợ con các con ở nhà mong-mỏi, thương nhớ các con biết chừng nào. Chẳng những thế, bàn thờ ông vải nhà các con có lẽ còn khói tàn hương lạnh nữa ! Trăm ngồi trên chín bề, cảm thấu cái khổ tình của các con, lòng Trẫm thương lắm. Vậy, Trẫm

tạm tha cho các con về ăn Tết. Các con sẽ mỗi người được lĩnh năm quan tiền, một tấm áo kếp và lương ăn đường...

Một luồng điện chạy như sóng gợn trên đám tội - nhân ủ-rột, những nét mặt sạm ngoét vụt sáng hẳn lên ; trăm cái miệng cùng tung-hô :

— Thánh-Thượng vạn tuế !...

Vua chờ cho sự ồn-ào đã dẹp mới nói :

— Nhưng, các con phải hứa với Trẫm một điều !..

— Chúng thần xin hứa với Bệ-hạ một nghìn điều !

— Không, một điều thôi ! Là, qua ngày khai-hạ, các con lại phải đến đây chịu tội, nghe chưa ?

— Chúng thần xin tuân lệnh ! Lý Triều vạn tuế ! Thánh-Thượng vạn vạn tuế !..

Sự vui-mừng cuồng ngộ làm cho bọn tội nhân nhẩy múa reo hò, quên cả giữ lễ. Vua quay lại bảo Thái-Giám :

— Khanh đưa chúng sang Công-bộ lĩnh tiền, áo và gạo.

Lũ tội-nhân lập tức rạp đầu lạy tạ ơn vua rồi kéo nhau ra. Thánh-Tôn Hoàng-đế trên thềm son nhìn theo, hai giòng lệ nhân từ chảy ướt cả hai gò má...

LAN-KHAI



Thờ - công nói truyện tâm-tình:

— Tại văn-sĩ đến hay chế - riếu chúng mình.

— Bây giờ giấy khan, họ sắp giải nghệ cả rồi.

— Cho chết ! Ai bảo hay chế !

BÓI THƠ' BÁCH HOA

Đông-Phương cũng như Tây-Phương, đều có nhiều cách bói-toán : nào bói Tiên-đỉnh, bói Hà-Lạc, Tử-Vi, Lục-An, bói bài, bói gương, bói bã cà-phê, bói vết mực, thôi thì đủ thứ. Ấy là chưa kể đến những cách xem may rủi, số-mệnh bằng tướng tay, tướng mặt, tướng chàm đầu và cả đến tướng chữ nữa !

Mà người ta càng hay nghĩ đến việc

Cổ-nhân xưa còn có cách bói Thơ tiên nữa. Xin thẻ (xâm) tại các đền-chùa miếu-mạo tức cũng là một thẻ-cách xin thơ giảng vậy.

«Ta chỉ là một kẻ ăn-dật, uống nước Suối Long-toàn, nằm đệm cỏ Bồ-Hợp, nhân xét thấy có phép bói thơ gọi là «Bách-Hoa thi-giảng», nghĩ cũng có chỗ

Thủy-tiên, Cầm-chương, Sen, Trà. Hạnh, Khẩn-nguyện thành-tâm, ứng tức thì !

11

Cách bói rất là giản-tiện :

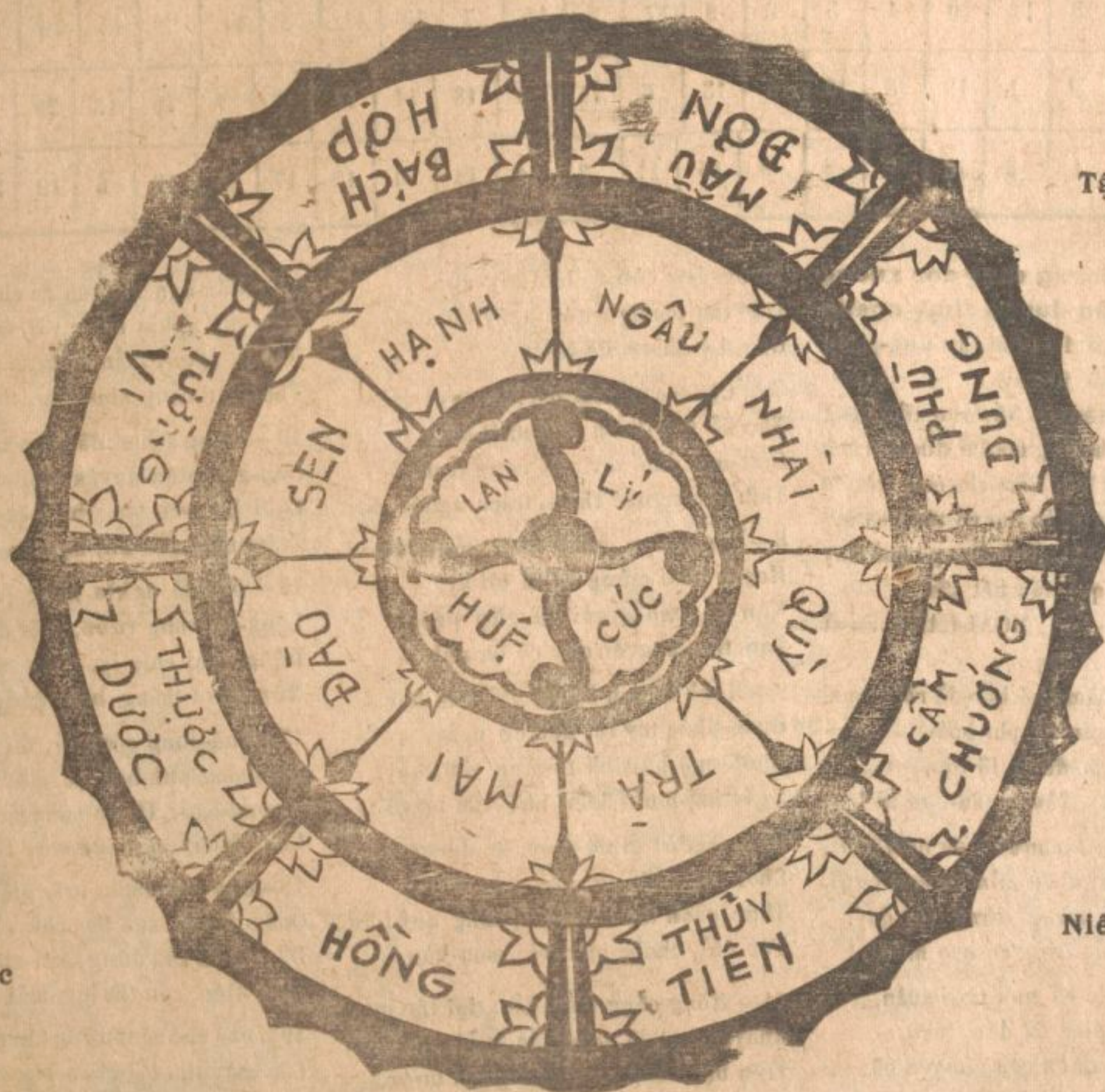
Một chén nước trong, một cánh hoa tươi, ba nén hương thơm, hay chỉ một lòng thành cũng đủ. Hãy tâm-tưởng vào

BÓI

Công
danh

Nhân
duyên

Tài lộc



Tật bệnh

Vận
số

Bảng
hữu

Niên hạn

bói-toán nhất là trong dịp đầu năm, đến nỗi sinh cả ra những cách bói tường và bói chiếu-bóng, là hai thứ bói dân-tiện và lưỡng-lợi hơn hết vì đầu Xuân, ai cũng là một dịp cầu vui.

Người ta muốn dò-biết may-rủi trong trông lúc đầu năm vì thường tin rằng mấy ngày này quan-hệ hơn những ngày thường.

huyền-diệu nên chép ra đây, gọi là một chút lưu-lại giữa chỗ bụi hồng, xuân-nhật, ai cũng một mối duyên vạn-hạnh tao-phùng...

Nhân có thơ rằng :

Lan, Cúc, Mai, Đào, Ngân, Huệ,
Quý,
Phù-dung, Bách-Hợp, Lý, Tường-Vy,

việc mình muốn bói, trong các việc hoặc Công-danh, tình-duyên, vận-số, v. v... rồi dùng một đồng tiền, ném lên trên bảng vẽ này, hễ thấy trùng tên Hoa-Thần nào thì dò sang bảng Số thơ ở trang sau, sẽ thấy bài thơ nào ứng-giảng.

VÍ DỤ : Reo tiền thấy ứng Hoa Cầm-chương mà xin quẻ cầu Nhân-duyên, thì chỉ việc dò ở bảng số thơ, giòng

BÓI THƠ BẠCH HÒA

BẢNG số thơ	Lan	Cúc	Mai	Đào	Hạnh	Sen	Hồng	Huệ	Phù dung	Bách hợp	Lý	Quý	Nhài	Ngâu	Trà	Tường vi	Thủy tiên	Thước đước	Cầm chương	Mẫu đơn
Công danh	15	7	4	10	16	13	11	2	8	16	1	12	6	14	3	17	9	19	18	5
Nhân duyên	2	11	15	1	7	13	6	20	12	3	19	8	18	4	14	5	17	16	10	9
Tài lộc	4	19	3	20	10	18	1	9	11	2	8	16	12	7	5	13	6	17	14	15
Tật bệnh	6	15	7	3	1	5	16	2	14	13	18	20	8	4	19	17	9	11	12	10
Vận số	18	12	10	4	3	6	9	17	5	16	7	15	11	8	14	2	13	19	1	20
Bằng hữu	9	1	12	8	10	5	13	6	11	4	18	14	17	3	7	16	15	20	19	2
Niên hạn	1	8	16	10	2	9	15	11	3	14	13	4	12	17	5	18	6	19	20	7

Hoa Cầm-Chương chạy dọc xuống và giồng Nhân-duyên chạy ngang ra, sẽ thấy số 10. Bài thơ ứng-giáng tức là bài thơ số 10 vậy.

Lời dẫn thêm— Nếu reo tiền ứng quả hoa Cầm-chương mà lại được trúng bài thơ có tên hoa Cầm-chương (tức là quả hoa nào, hợp vào thơ có tên hoa ấy) tức là quả Đại-Cát, Trừ-Hung : quả hay thêm hay, mà quả xấu hết xấu.

HOÀI-LANG ăn-sĩ

Số 1 — Việc làm chớ bảo dễ rồi... mai Bao kẻ ngày Xuân đề phí-hoài.
Gặp-gỡ người xa đừng lỡ dịp,
Tháng ba, ngày Tám ngàn-ngơ ai !

2 — Này bông Cầm-chương đủ màu tươi,
Nư miệng giai-nhân mím miệng cười.
Nhưng chớ vội mừng, đừng vội quý,
Không thơm, của đáng có bao mươi !

3 — Vườn đào là cả một trời xuân,
Niên-vận xem như đã đến tuần.
Ước hẹn đừng quên câu chuyện cũ,
Canh tàn, lại sẽ thấy Đông-quân.

4 — Thước-đước nhà ai một khóm già
Ngày xuân, chợt nầy được chồi hoa.
Tình-cờ lắm việc tang thành hỷ,
Nhưng chớ theo ai ước-mộng xa.

5 — Mưa xuân nhuần-thấm mấy chồi lan,
Xa vắng kia nghe mấy tiếng đàn.

Hạ tới, lan gầy, cần tưới bón,
Chăm vun cỗi phúc, sẽ bình-an,

6 — Lý-sự hay chi tiếng đề đòi,

Nước-sông còn có lúc đầy-voi,
Trời thu phòng trước ngày mưa-gió,
Giàn Lý nhà ai đã tả-tơi.

7 — Cúc thơm, mùi hắc, lại tươi dai,
Như kẻ truy-hoan thối miệt-mải,
Giấc-ngủ đâu say, rồi cũng tỉnh,
Tình kia, người thăm, trách người phai.

8 — Ngoài hiên, bằng sáng, nở tường-vi,
Hoành phát mừng ai đã tới kỳ.
Vận đỏ, gặp người và gặp việc,
Bạn tình khuyên chớ có đa-nghi !

9 — Hạnh là tính-hạnh, giữ cho hay,
Hạnh-phúc tuy xa, đến có ngày,
Hạnh-ngộ ba-sinh thường vẫn thấy,
Ngày hai-mươi bốn, nhớ cầu may !

10 — Người đi du-thủy, kẻ du-sơn,
Chốn lạ, tình cờ, gặp Mẫu-đơn,
Thực cảnh tha-hương, phùng quý-hữu,
Tội chi, chuốc giận với mua hờn !

11 — Hồng càng thắm lắm, lại tàn mau,
Khuyên bạn lo toan đến buổi sau,
Trên bậc công-danh đừng vội bước,
Trèo cao thì ngã lại càng đau.

12 — Bền bền, cam sống phận thua hèn,
Chẳng được người coi trọng tựa sen,
Quý vẫn nở hoa, không sợ ngắt,
An-nhàn hơn sống phải bon chen !

13 — Cánh trắng, nhưng hương chẳng
được thanh.

Nghĩ buồn thân huệ, với ngày xanh,
Thôi đừng ngắt cầm, càng thêm tủi,
Thơm sạch, cần chi chuyện rách, lành !

14 — Bàu-bạn khuyên ai chớ vội cầu,
Hãy chờ nghĩa nặng với ân sâu,
Những người thăm sớm, e mau nhạt,
Thoang thoang như nhài, thơm mới lâu.

15 — Bông sen ai đã cắm trong bình,
Gặp-gỡ thiên-duyên một chữ tình,
Cuối hạ, sen tàn, thu kết hạt,
Trăm năm gần bó, nợ ba-sinh !

16 — Này là nghĩa nặng, nợ tình sâu,
Lặng-lẽ trong vườn, một đóa Ngâu,
Đừng ngại chia ly, cùng tụ-tán,
Mưa Ngâu tháng bảy, chẳng nên sầu !

17 — Phù-dung sớm nở, tối tàn ngay,
Ảo-mộng phù-hoa có một ngày !
Vương-Khải, Thạch-sùng thường đã thấy,
Lộc, danh, có muộn mới thành hay !

18 — Chớ mê danh, lợi, giấc sâu-miên,
Quân-tử cầu sao lấy chữ «hiên»
Đầu có đi xa, đừng nản-chí,
Thủy-tiên còn thoang mãi hương tiên.

19 — Đau chóng thương khi phải đã chầy,
Cầu may tìm tới chốn phương Tây.
Bông hoa Bách-Hợp còn chưa nở,
Ý đợi soi cùng bóng nước, mây !

20 — Chênh-chênh trời khuya, ánh nguyệt
tả
Bên hiên thoang-thoang một hương Trà
Thử tìm sẽ thấy như mong-mnốn,
Chẳng sáu thì rồi cũng phải ba.

Phạm-cao-Củng chép trộm bí-quyết
Bói thơ này, cam-đoan chép đúng
nguyên-văn và cam-đoan... huyền-
diệu như lời ăn-sĩ.

THAM THỰC CỰC THÂN

KỊCH VUI của NGUYỄN-CÔNG-HOAN

Một hồi — Một cảnh

Các vai { Chủ
Nhỏ

CẢNH TRONG NHÀ

SEN I

NHỎ

Trong khi màn từ từ kéo lên, thì Nhỏ đứng cạnh ghế, một chân dưới đất, một chân trên ghế, đang đánh chiếc giày của chủ, thỉnh-thoảng đập muỗi nó cắn cẳng chân mình. Một lát, dơ chiếc giày ra ngẫm, mỉm cười, gật gật, ra ý vừa lòng lắm. Chủ nhà vào, tay cầm một gói.

SEN II

CHỦ — NHỎ

NHỎ — Kia, cậu đi chơi đã về. Con đánh giày cậu bóng lắm, cậu ạ. Thế này mà cậu cứ mắng con lười. Kề ra, cậu thưởng cho con mề đay mới phải.

CHỦ — Được, rồi tao thưởng cho mày chiếc mề đay bằng sắt tây.

NHỎ (cười) — Cậu lại cứ nói đùa! Giá cậu thưởng con năm xu, con bảo làm một bát «tầm quất» để ăn sương miệng mới đáng công. Từ ngày con ra tỉnh ở, con đã ăn phở, ăn lục tào xá, ăn mần thân, duy con chưa được ăn «tầm quất» bao giờ. Tối đến, con cứ thấy nó rao nheo - nheo, mà thêm giở giải.



Ngựa năm Ngọ bảo dê năm Mùi:

— Hi hi! Năm nay nếu anh không được yên. Ồn thì cũng đừng có «be be» rầm lên. Hi hi! Anh sống được là tôi mừng rồi!!!

CHỦ — Được, cứ lúc nào thấy hàng tầm quất, thì mày ăn bao nhiêu bát tao cũng cho tiền.

NHỎ — Thật nhé, cậu đừng nói dối con nhé. À, cậu mua gì thế?

CHỦ (đặt gói trên bàn, mở ra) — Tao có mấy quả đào, định đem biếu ông cử Lãng.

NHỎ (ngắm nghía) — Cậu ạ, con muốn can cậu điều ấy.

CHỦ — Điều gì?

NHỎ — Là đào này ngon lắm, cậu nên để nhà mà ăn, cho con một miếng, có thú hơn không? Ai lại có của đem cho như thế.

CHỦ — Nhưng ông Cử với tao là chỗ bạn thân thường ông ấy có gì cũng biếu tao, chẳng lẽ tao ăn mãi của người ta mà không có gì trả lại, sao cho tiện.

NHỎ — Thế thì tiếc quá nhỉ. Hay cậu cho con thầu chỗ đào này, con lấy đào khác biếu ông Cử.

CHỦ — Không được. Đào này là đào Vân-Nam mới quý, chứ đào ta, thì ở đây thiếu gì. May quá, còn lại ba quả tao mua nốt.

CHỦ (cười) — Thôi, mày đem cái khay ra đây, đem lại biếu ông Cử ba quả đào này nhé. Nói rằng...

NHỎ — Con biết rồi ạ.

CHỦ — Biết nói thế nào?

NHỎ — Nói như mọi khi, là cây nhà lá vườn, hẳn ông Cử không từ chối.

CHỦ — Mày ngốc quá. Thứ đào này là đào Vân-Nam, thì cây nhà lá vườn làm gì có.

NHỎ — Thế nói là cậu mua ạ?

CHỦ — Mày cứ nói là tao mới ở Lào-kay về, có mua được mấy quả đào Vân-Nam — Nói rõ là đào Vân-nam, nghe chưa — Nó quý ở cái là đào Vân Nam — Tao sai mày đem biếu ông Cử, rồi mai rồi, tao đến chơi ông Cử nhé.

NHỎ -- Vâng.

CHỦ — Nói xong cứ để đào đấy, rồi về. Nói cho khéo. Mày nói vụng, mà phải đem đào về, thì phải dòn đấy.

NHỎ — Vâng.

CHỦ — Nhưng không được làm như lần trước, cái lần tao sai mày biếu bà Hai đầu phố một chục cam, mày còn nhớ không?

NHỎ (mỉm cười) — Dạ, còn ạ.

CHỦ — Tao tưởng mày biếu bà ấy, bà ấy không nhận thì đem về chứ!

NHỎ — Con vẫn định thế, nhưng cậu cứ bắt con biếu cho ký được, cậu lại giao hẹn như lần này là hễ con không nói khéo, phải đem cam về, thì phải

đòn, nên con sợ quá, bắt-đắc-dĩ mới phải ăn cho mất tích đi.

CHỦ — Là tại mày không nói khéo.

NHỎ — Con nói khéo lắm đấy cậu ạ. Nhưng bà Hai cứ chối đây đây rằng (ồn ỉn bắt chước giọng đàn bà) Sao ông nhà cứ cho luôn thế, anh đem về nhé.

CHỦ — Lần này dù ông Cửu không nhận, mày cũng cứ để đào đó, về người không.

NHỎ — Vâng, cậu giao cho con công việc nặng-nề quá.

CHỦ — Phải làm cho được. Thôi, tao đến chơi nhà ông Ba Tính, có lẽ chiều mới về. Mày đi biểu đào ngay nhé. (Ra.)

SEN III

NHỎ

NHỎ (Nhìn theo chủ, lắc đầu, nói một mình). — Gớm, cậu tôi phi quá, ai lại có những của quý thế này mà không ăn, lại đem biếu bao giờ. Mà ông Cửu Lãng có tử tế gì với cậu tôi đâu. Ông ta làm nghề cho vay lãi ăn rất nhiều phân, từ trước đến giờ ăn khối của cậu tôi rồi đấy. (Lấy áo táy vàng để mặc, mũ nồi để đội, đứng trước gương, ngắm nghía). Nào đi nào! Gớm, cậu tôi lại bắt tôi nói khéo nữa cơ đây! (Cầm cái khay, đi được vài bước, ngắm nghía mấy quả đào, mỉm cười). Gớm ghiếc, trông mới thú làm sao! Mọi khi, tôi trông thấy đào, tôi rùng rùng, sao lần này tôi thấy quyến luyến lạ! (Cầm mấy quả đào để nhìn kỹ). Chà! lông tơ mơn mớn! Mà làm sao nó to và ngon thế này. (Toan bước). Ồ, không hiểu mấy quả đào này nó có điện hút hay sao mà tôi không thể bước được một bước. (Lại ngắm nghía, nuốt nước dãi). À, (cười sảng sặc, đặt khay lên bàn). Phải, tội gì mình đi vội. Tôi hãy thỏ một quả ăn cho mát ruột mát gan đã. Dù cậu tôi gặp ông Cửu có nói chuyện biếu đào, hẳn cũng hỏi qua loa, chứ chả lẽ hỏi rõ là biếu ba quả đào. (Cầm một quả, ngắm nghía



chán mới cần một miếng, nhai nuốt). Ngon. Chà ngon. Ngon quá. Vừa ngon vừa ngọt dịu. Mà nuốt vào đến đâu biết đến đó. Mát cả ruột cả gan. Thế mà cậu tôi đem biếu, có đại không. (Lại ăn). Ngon, (ăn hết) ngon quá. Thôi, còn hai quả này, tôi phải đem đến nhà ông Cửu mới được. (Đi được vài bước, bỗng ngớ mặt). Ồ, quái, sao tôi thấy dờm dờm đau bụng (đặt khay lên bàn). Ờ, (hai tay xoa bụng) bụng tôi sôi réo lên này. Ồi, đau quá. (Ngồi vào bàn, đau quặn). À, thôi phải rồi, (cười). Bây giờ tôi mới nghĩ ra, đào cũng

như người, tôi cho có một mình nó vào, thì nó nhớ nhau. Tôi phải cho nốt một quả vào cho nó có bạn có bè mới được. Còn một quả, tôi đem biếu cũng được chứ gì. Miễn là có đào quý để biếu. Của quý hẳn hiếm, ông Cửu làm gì chẳng đoán được như thế. (Ăn một quả nữa). Chết thật, ngon thế này mà biếu. Cậu tôi đại quá (cười). Đấy, quả nhiên tôi không thấy đau-đớn gì nữa. Ra nó nhớ nhau thực. Đấy, chúng nó mừng nhau. Đấy, chúng nó đang cười với nhau! Đấy, chúng nó đang chuyện trò với nhau.... Đào Vân-nam quý là thế đấy. (Cầm khay đào, đi vài bước, lại ngớ mặt). Ờ, quái, sao tôi lại thấy đau bụng! Mà đau hơn ban nãy này! Ồi cha mẹ ơi! Tôi đau quá! (Run rẩy, đặt vội khay xuống bàn, ngồi vào ghế ôm bụng) Nguy quá! Tại làm sao thế này! Quái, đau quặn cả ruột lại! (Thở hổn hển, nghe ngóng) À phải rồi, chết thật, mình chậm trí khôn quá, không trách đi làm đây tới suốt đời! Tôi đau bụng là vì bụng tôi nó lục đục, thì ra do hai quả đào nó cãi nhau, rồi đánh nhau. (Lại đau) Ồi! nó đánh nhau to quá! Làm gì có đội xếp để giải cả hai quả vào cầm được (nghĩ ra) À, phải rồi! Tôi phải cho quả đào này vào cau ngăn lập tức hai quả kia mới được. (Ăn ngẫu nhiên quả thứ ba, cười) Đấy! quả nhiên tôi khỏi rồi. Ra thông minh cũng có lợi thực. Giả tôi ngốc như người ta, tôi chắc bị trận đau bụng đến chết rồi. Nhưng tôi lấy gì để biếu ông Cửu đây (Nghĩ ngợi) Thôi vậy, chiều cậu tôi có về, cậu tôi hỏi, tôi cứ bảo biếu rồi cũng được chứ gì! (Cất khay đi).

SEN IV

CHỦ — NHỎ

(Chủ vào, nhỏ có ý sợ sệt)

NHỎ — Kia cậu, sao cậu bảo chiều cậu mới về?

CHỦ — Tao đến nhà ông Ba Tính, nhưng ông ấy đi vắng. Mày đã đem biếu đào chưa?

NHỎ (ngượng ngịu) — Thưa cậu, con biếu rồi ạ.

CHỦ (ngợ) — Thật à?

NHỎ — Vâng.

CHỦ — Mày đi chóng nhỉ.

NHỎ — Vâng, thưa cậu, con chạy ạ.

CHỦ — Mày chạy?

NHỎ — Vâng, con chạy nhanh đến nỗi vượt được cả mấy cái xe ô-tô.

CHỦ — Thế à?

NHỎ — Vâng, mấy cái xe ô-tô chùn lại sau, cơ chừng em cậu phát ngượng cứ kêu: Xêê ti! Xêê ti!

CHỦ (nghĩ ngợi) — Thôi được, mày tốt lắm, cho mày vào trong nhà. Chốc nữa tao cho mày ăn năm xu tầm quất.

NHỎ — Bẩm cậu, cậu nhân-đức quá.

SEN V

CHỦ

CHỦ — Thằng này gian trá lắm đây, tôi chắc nó nói dối. Từ đây đến nhà ông Cửu, ít ra đi về cũng mất một giờ, thế mà mới độ hai mươi phút, nó đã



— Tôi tuổi Sửu bác ạ.
— Hèn nào quanh năm bác chỉ kéo cày trả nợ.

Ở nhà rồi, lại tán rằng chạy vượt cả ô tô! Nó vội gì mà nó phải chạy? Tính nó xưa này lại la-cà. Tôi phải tra cho ra mới được (gọi) Nhỏ!

SEN VI CHỦ, NHỎ

NHỎ — Dạ, thưa cậu gọi gì ạ?

CHỦ — Tao quên chưa hỏi mày, mày biểu đào thì ông Cừu bảo thế nào?

NHỎ — Thưa cậu, ông Cừu thích lắm ạ. Ông ấy ngâm-nghĩa đào, rồi gửi lời về cảm-ơn cậu ạ.

CHỦ — Thế lúc mày đến, thì thấy ông Cừu đang làm gì?

NHỎ — Thưa cậu, ông Cừu đang (nghĩ ngợi) ngồi thừ nhìn cái bát ạ.

CHỦ — Ông Cừu nhìn cái bát! Mày hay chữ thật. Thế mày có thấy ông ấy ăn đào không?

NHỎ — Bẩm có ạ.

CHỦ — Sao ban nãy mày không nói.

NHỎ — Con quên đi mất. Ông Cừu bảo ngay bà Cừu bõ một quả cho ông ấy ăn ạ.

CHỦ — Chính mắt mày thấy ông Cừu ăn đào. Bà ấy có ăn miếng nào không?

NHỎ — Thưa cậu, vì đào ngon, nên ông ấy ăn cả quả chả cho bà ấy miếng nào.

CHỦ — Thôi được, càng hay. Mày đến hiệu câu đối đầu phố nhé, bảo họ làm cho tao một bức, sáng sớm mai tao lấy.

NHỎ — Bẩm câu đối mừng hay phúng ạ?

CHỦ — Câu đối phúng chứ.

NHỎ — Cậu phúng ai ạ?

CHỦ — Đề tao phúng ông Cừu Lãng.

NHỎ — Ờ, cậu chỉ nói đại, ông Cừu đã chết đầu mà cậu phúng?

CHỦ — Đêm nay ông ấy chết, mai đưa ma.

NHỎ — Sao thế ạ?

CHỦ — Tại ông ấy ăn đào.

NHỎ (rất mình) — Ăn đào mà chết được kia, hờ cậu?

CHỦ (mắng) — Thằng này mới lôi-thôi, tò-mò chứ!

NHỎ — Thưa cậu, thế tại sao ăn đào lại chết được ạ?

C. — À, là tại mấy quả đào ấy tao có tẩm thuốc độc, tao định báo thù ông Cừu cho tao vay nặng lãi quá, nên tao làm cho ông ấy chết đi.

N. (lo lắng rồi chấp tay khóc) — Lay cậu, cậu cứu con với.

C. — Thằng này mới hay chứ. Cứu cái gì?

N. (vẫn lay-van khóc-lóc) — Thưa, con chót ăn mất một miếng ạ.

C. — Sao mày lại ăn một miếng?

N. — Ông Cừu cho con ạ.

C. — Ông ấy không cho bà ấy, mà lại cho mày một miếng?

N. — Thưa cậu, tại ông ấy thưởng công cho con đã chịu khó chạy.

C. — Mày ăn một miếng thì không hề gì, có ăn cả quả mới chết chứ!

N. lại nhăn nhó — Lay cậu, cậu cứu con.

C. — Mày có ăn cả quả đầu mà lấy thuốc, phí của tao đi.

N. — Thưa cậu, con xin nói thực, ông Cừu cho con một quả ạ.

C. (vờ) — Thế à? May quá, giả mày không nói thực có phải oan gia không? Đây, tao cho mày viên thuốc này, uống ngay đi nhé. (Móc túi, lấy cho nhỏ viên giấy). Mà trước khi uống, mày phải tát vào má mày ba cái, kéo thuốc không tan được.

N. (tự tát vào má.)

C. — Tát mạnh vào kia.

N. (tát mạnh ba cái, rồi vừa xoa má vừa uống.)

C. — Thôi, thế bây giờ mày vô sự rồi, nhưng còn ông Cừu nữa. Mày đến ngay hiệu làm câu đối thừa cho tao một bức đề phúng nhé.

N. — Cậu phúng ai ạ?

C. — Phúng ông Cừu chứ ai?

N. — Ông Cừu lại chết ạ?

C. — Chứ lại gì. Vì chắc hẳn ông ấy ăn hai quả đào kia, thì chiều nay ông ấy phải chết.

N. (ngơ-ngác) — Thế ạ?

C. — Ừ ăn một quả thì đêm chết, ăn hai quả thì chết ngay chiều.

N. (bỗng hu hu khóc van lay) — Lay cậu, cậu lại cứu con với.

C. — Ờ hay! thằng này mới lạ chứ. Cứu gì cứu mãi thế?

N. — Thưa cậu, con chót ăn mất hai quả.

C. — Sao mày ăn hai quả. Thế mày nói thực, mày có biểu ông Cừu không?

N. — Bẩm có, tại ông ấy cho con ăn hai quả.

C. — Ông ấy cho mày ăn hai quả, lạ nhỉ. Thế mày ăn ngay à?

N. — Vâng, ông ấy bảo con cứ ăn, ông ấy không mách cậu đâu.

C. (lại cho viên giấy rữa) — Đây, thế mày uống ngay đi, và phải tát sáu cái mạnh vào.

N. (giang tay, tát sáu cái vào má thực mạnh, rồi nuốt thuốc).

C. — Thôi, thế mày vào trông nhà. Phiền quá, tao định cho ông ấy ăn đào để ông ấy chết, mà mày làm hỏng cả việc của tao. À, lúc nào mày rồi, thì cứ thừa câu đối phúng ông Cửu cho tao nhé.

N. — Thưa cậu, sao ông ấy chết mãi thế ạ?

C. — Tại ông ấy ăn đào. Giá ông ấy ăn cả ba quả đào, thì chỉ hai giờ đồng-hồ nữa là ông ấy chết toi.

N. (sợ hãi) — Thế ạ?

C. — Ừ, vì thuốc ngấm mạnh hơn.

N. (lại hu hu khóc. van - lay) — Lậy cậu, cậu [lại cứu con với.

C. (cười) — Tao cứu mày hai bận rồi còn gì?

N. — Thưa cậu, quá tam, ba bận.

C. — Mày ăn có hai quả đào thì

hai viên thuốc là đủ, mày còn đòi gì?

N. — Thưa cậu...

C. — Thế thì mày vô sự rồi, còn cứu gì?

N. — Thưa cậu, cậu cứ cho con nốt viên nữa.

C. — Cho nốt viên nữa làm gì?

N. — Thưa cậu để con uống.

C. — Không cần, để tao phần cho bà Cửu, lỡ bà ấy ăn phải đào mà chết oan thì tao cứu.

N. (vẫn khóc) — Thưa cậu, cậu cứ cho con để con đưa bà ấy cũng được.

C. — Không.

N. — Thưa cậu, thế thuốc ấy làm bằng gì, cậu mua ở đâu ạ?

C. — Tao mua tận bên Tàu, người ta bán kèm với đào.

N. — Chứ ở bên An-Nam không có ạ?

C. — Không.

N. — Vâng, thế thì con cần cõ con lạy cậu, cậu cho con nốt.

C. — Thế là mày ăn cả ba quả đào à?

N. — Thưa cậu, con không, nhưng cũng như con ăn.

C. — Thế nào, mày nói thực tao mới cứu, không thì tao mặc kệ.

N. — Thưa cậu, tại ông Cửu cho con cả ba quả, và bảo con ăn ngay.

C. — Mày nói lạ quá. Thuốc của tao hay thực, nhưng hễ nói dối thì nó không công-hiệu đâu, uống bao nhiêu cũng vô ích. Hay mày không đem biểu ông Cửu?

N. (ấp úng) — Thưa cậu, cậu cứu con với.

C. — Thế mày phải nói thực, mày có biểu ông Cửu không?

N. (khóc lóc) — Thưa cậu, con chót đại.

C. — Chót đại thế nào?

N. — Con chót đại ăn cả ba quả, con không đem biểu ạ.

C. (mỉm cười) — Ừ, thế giá mày cứ dấu mãi, có phải chết oan không.

N. (một tay chìa xin thuốc, một tay vả đen đét vào miệng).

C. — Không phải tát thế, thuốc này đến viên thứ ba mới mạnh, nó làm cho mày rầy-rụa. Nếu rầy rụa thì không công hiệu nữa. Mày chờ đây (đi lấy giấy thừng, và thu cái roi trong áo.) Mày ngồi trên ghế này. (Nhỏ ngồi ghế! Chủ chổi chặt chân tay).

C. (dơ roi vút đen đét) — Này tham ăn này! Nói dối này! Tầm quất này!

HẠ MÀN NHANH

MỘT PHO TRUYỆN RẤT VĨ-ĐẠI

do LÊ-VĂN-TRƯƠNG viết:

Người mẹ tội-lỗi

Ngót 600 trang, in làm 2 quyển

Mỗi quyển : 1p60

NHÀ XUẤT-BẢN ĐỜI MỚI

62, Hàng Cót, Hanoi — Giấy hoi : 1638

Da trắng mịn, ruộm tóc đen, hung, tóc rụng, rụng lông, gàu, lông mi dài cong, trứng cá (khỏi hẳn), sần, mọc tóc, dăm má, tàn nhang sạch hẳn, sẹo, lông mày mọc, vết son, trâm, đen, gầy, béo, nở ngực, ruồi, com, răng trắng, răng đen, nẻ da, hoi nách, da răn, nước nhỏ mắt. Uốn tóc.

Mỹ-Viện AMY 26, Hàng Than — HANOI



Hầu hết đám
cưới lịch-sự, có
dâu đều dùng
hoa và mặc áo
có nhãn hiệu

MAIPHONG

7, HÀNG QUẠT, 7
HANOI

KÍNH CHÚC TÂN XUÂN

HIỆU RUỘM
PHÚC-HẢI

45 Phố Hàng Ngang, 45
HANOI

Ruộm, hấp, mạng quần áo
Bán đủ đồ trang-sức.

NOUVEAUTÉS & MERCERIE

Verte en gros et détail en tous genres

PHÚ-SƠN

61, Rue de la Soie, 61
HANOI

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Chè tàu Thịnh-Phong

Trăm năm tình cuộc vuông tròn.
Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông.
Long-tĩnh, La-hán, Thịnh-phong,
Mua chè ấy cưới con dòng cháu dân.

Tổng - cục : **THỊNH - PHONG**
13, Rue du Phúc-Kiến—Hanoi

Tổng đại-lý Bắc kỳ : Hiệu thuốc lão Đông-
Lĩnh 236 Cửa Nam Hanoi

Xuân sang... Các bạn muốn có một bộ âu-phục
đúng đắn, hợp thời trang,
xin mời lại nhà ;

Ch. ROANH Tailor

39, Hàng Trống — Hanoi

Mặc dần sự khan hàng và cao giá, các bạn vẫn
có thể hài lòng về đủ các phương-diện :

cắt đẹp, giá rẻ, hàng mới
và sự tiếp-đãi niềm-nở.

STYLOS

MOUCHOIRS

TAM - CUONG

80 RUE DU SUCRE HANOI
IMPORTATEUR SPÉCIALISTE

Nơi gặp-gỡ của các bà, các cô lịch-sự :

Quân Chúa

60, HÀNG ĐUỜNG HANOI

là một tiệm may áo, đóng giầy
phụ - nữ rất lịch - sự, nhã - nhặn,
hợp thời - trang và hoàn - toàn
đầy-đủ tín-nhiệm.

MAISON TONG - YUNE

Distributeur général de l'Indochine du Nord

des Ets SHIC Hanoi

ĐẠI LÝ NHÀ LÀM DẦU
HUILE DE TABLE ET SAVON

Xuất-sản Eaux Cologne — Lotion — Fixateur
Sáp thơm môi — Phấn — Brillantine
Shampooing — Cirage và Savon à barbe.

Téléphone : 15-33

127, Rue du Coton, Hanoi

Các văn nhân cao sĩ !

Các bạn ham chuộng văn chương !

HÃY TÌM CÁCH GIÚP-ĐỖ :

NHÀ XUẤT-BẢN

ĐỜI MỚI

48-62, PHỐ HÀNG CỐT, HANOI — GIẤY NÓI : 16-38

do **NGUYỄN-GIA-VỸ** chủ-trương

VÌ :

- ĐỜI MỚI là một nhà xuất-bản đứng-đầu, bao giờ cũng đặt nghệ-thuật trên tài-lợi ;
- ĐỜI MỚI hợp-tác với những nhà văn có chân tài ;
- ĐỜI MỚI biết tìm cách nâng-đỡ những cây bút xuất-sắc còn ẩn trong bóng tối ;
- ĐỜI MỚI xuất-bản toàn những tác-phẩm giá-trị ;
- ĐỜI MỚI trình bày sách rất mỹ-thuật ;
- ĐỜI MỚI phát hành sách khắp mọi nơi ;
- ĐỜI MỚI là nơi tụ-hợp của tất cả những người có tâm-hayết, đã quên mình để phụng-sự văn-chương, nghệ-thuật ;
- ĐỜI MỚI là một hãng xuất-bản lớn, đáng tin cậy của các nhà văn, các hiệu sách và các bạn đọc.



Đời Mới đã làm gì ?

Trong bốn năm, ĐỜI MỚI đã xuất-bản được ngót 100 cuốn sách, trong số đó có nhiều quyển bán hết ngay, nhiều quyển đã tái bản hai ba lần mà vẫn được hoan-ngênh. Hiện chỉ còn những sách sau đây :

GIÁO-DỤC và KHẢO CỨU

Thất-Phải :

Một nền giáo-dục Việt-Nam mới (in lần thứ ba) 0\$80
Muốn học giỏi 1,00

Đào-nhân-Khang :

Thanh-niên khỏe 1,00

Dũng-Kim :

Nghệ thuật sống 0,45
Phụ-nữ với gia-đình (tái bản) 0,20

Ngô-quang-Châu :

Luận về tiếng Nam 0,70

Nguyễn-lương-Bích :

Thanh-niên với ái-tình 1,00

Phụ-nữ với xã-hội (đương in)

Viên-Đình :

Phụ-nữ với hôn-nhân (đương in)

Lan-Khai :

Đàn-bà với tình-yêu (đương in)

TRUYỆN HỌC-SINH

1. - Con chim đầu đàn 0\$15
2. - Chờ chết 0,15
3. - Tiếng còi báo động 0,15
4. - Săn đuổi 0,15
5. - Lấy chồng cộp I 0,15
6. - Lấy chồng cộp II 0,15
7. - Bị sa lầy 0,15
8. - Thân khỏe 0,15
9. - Thăng Ngổ 0,15
10. - Thanh kiếm rồng lòng 0,15
11. - Hoàng-tử đầu chim 0,15
12. - Dã-tràng xe cát 0,15
13. - Kho vàng dưới đất 0,15
14. - Phật Thích-ca 0,15
15. - Viên ngọc lưu-ly 0,15
16. - Phạm Nhan 0,15
17. - Hoàng-tử Thiện-nhân 0,15
18. - Thắng con cá 0,15

TIỂU-THUYẾT

Lê-văn-Trương :

Đầu bạc đầu xanh 1\$00
Những kẻ có lòng 1,20
Hai người bạn 1,20
Kẻ đến sau I 1,50
Kẻ đến sau II 1,50
Hai tâm-hồn 1,80
Người mẹ tội-lỗi I 1,60
Người mẹ tội-lỗi II 1,60
Giọt nước mắt đầu tiên 1,00
Lỡ một kiếp người 0,90
Người đàn-bà 0,90

Phạm-ngọc-Khôi :

Lỗi thời 0,80

Giao-Chi :

Đời cạo giấy (tái bản) 0,45
Bức thư tuyệt mệnh 0,45

Tirage : 8.000 exemplaires. — Le Génie

Imp. Ngay Nay — Hanoi

Handwritten notes and stamps at the bottom left, including a date stamp "12-1-43" and a signature.